

## Quyển 56

### Thứ 1. NĂM THỨC THÂN TƯỚNG ỨNG ĐỊA Thứ 2. Ý ĐỊA Phần 6

**Hỏi:** Phần vị của các uẩn có bao nhiêu chủng?

**Đáp:** Có nhiều chủng. Đó là có được tâm không tương ưng hành, Vô tướng định... như trước đã nói rộng.

**Hỏi:** Nương phần vị nào kiến lập có được? Đây lại có bao nhiêu chủng?

**Đáp:** Nương phần vị của nhân, tự tại, hiện hành mà kiến lập có được. Đây lại có 3 chủng: thành tựu chủng tử, thành tựu tự tại và thành tựu hiện hành.

**Hỏi:** Nương phần vị nào mà kiến lập Vô tướng định, Diệt tận định và Vô tướng thiên? Ba loại đây mỗi loại có bao nhiêu chủng?

**Đáp:** Đã lìa Biến tịnh tham, chưa lìa thượng tham, tác ý xuất ly tướng làm tiền dẫn, gọi là phần vị diệt, kiến lập Vô tướng định. Đây lại có 3 chủng. Tự tánh: chỉ là thiện. Bồ-đặc-già-la: ở dị san.a tương

tục. Khởi: trước ở đây khởi, sau ở Sắc giới, ở Đệ tứ tinh lự sẽ thọ quả kia.

Nương đã lia Vô sở hữu xứ tham, tác ý dừng nghỉ tưởng làm tiền dẫn, gọi là phần vị diệt, kiến lập Diệt tận định. Đây lại có 3 chủng. Tự tánh: chỉ là thiện. Bồ-đặc-già-la: ở thánh tương tục, thông cả bậc học, bậc vô học. Khởi: trước ở đây khởi, sau nhiều lần ở Sắc giới hiện tại tiền, vì nương gá sở y sắc mới hiện tiền. Nếu căn cứ đây tức là chưa kiến lập giáo A-lại-da thức, nếu đã kiến lập thì tất cả xứ đều được hiện tiền.

Nương chúng hữu tình đã sanh ở Vô tướng thiên, gọi là phần vị diệt, kiến lập Vô tướng. Đây cũng có 3 chủng. Tự tánh: không che đậy không ghi nhớ. Bồ-đặc-già-la: chỉ là tánh dị sanh, chẳng phải các bậc thánh. Khởi: năng dẫn phát Vô tướng định vì tư duy nhớ nghĩ kia, năng chiêu cảm quả dị thực Vô tướng thiên. Về sau tướng sanh khởi liền từ kia chết đi.

**Hỏi:** Phần vị nào kiến lập mạng căn? Đây lại có bao nhiêu chủng?

**Đáp:** Nương phần vị nghiệp dẫn dắt dị thực quyết định thời trụ, kiến lập mạng căn. Đây lại có

3 chủng: vì định, bất định; vì ái, phi ái và năm, kiếp, số... mà được an lập.

**Hỏi:** Nương phần vị nào kiến lập *chúng đồng phạm*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị các hữu tình giống nhau mà kiến lập chúng đồng phạm. Đây lại có 3 chủng: chủng loại đồng phạm, tự tánh đồng phạm và công xảo nghiệp xứ nuôi dưỡng mạng đồng phạm.

**Hỏi:** Nương phần vị nào kiến lập *sinh*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị hiện tại kiến lập *sinh*. Đây lại có 3 chủng: sát-na sinh, tương tục sinh và phần vị sinh.

**Hỏi:** Nương phần vị nào kiến lập *lão*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị trước thì phần vị sau kiến lập *lão*. Đây lại có 3 chủng: dị tánh lão, chuyển biến lão và thọ dụng lão.

**Hỏi:** Nương phần vị nào kiến lập *trụ*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị sinh kiến lập phần vị *trụ*. Đây lại có 3 chủng: sát-na trụ, tương tục trụ và chế lập trụ.

**Hỏi:** Nương phần vị nào kiến lập *vô thường*?  
Đây lại có bao nhiêu chủng?

**Đáp:** Nương phần vị sanh đã hoại diệt kiến lập vô thường. Đây lại có 3 chủng: hoại diệt vô thường, chuyển biến vô thường và biệt ly vô thường.

**Hỏi:** Nương phần vị nào kiến lập *danh thân*?  
Đây lại có bao nhiêu chủng?

**Đáp:** Nương phần vị giả ngôn thuyết mà kiến lập danh thân. Đây lại có 3 chủng: danh thân giả thiết, danh thân thật vật, danh thân mà người thế gian cùng hiểu rõ hay không hiểu rõ.

Như danh thân, thì *văn thân* và *cú thân* nên biết cũng vậy. *Cú thân* có sự sai khác: đó là cú tiêu biểu, cú giải thích. *Văn thân* có sự sai khác: đó là nhiếp thuộc tiếng, nhiếp thuộc chữ.

**Hỏi:** Nương phần vị nào kiến lập *tánh dị sanh*?  
Đây lại có bao nhiêu chủng?

**Đáp:** Nương phần vị tất cả thánh pháp xuất thế chưa sanh khởi mà kiến lập *tánh dị sanh*. Đây lại có 3 chủng: hệ buộc Dục giới, hệ buộc Sắc giới, hệ buộc Vô sắc giới.

**Hỏi:** Nương phần vị nào kiến lập *lưu chuyển*?  
Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị nhân quả tương tục mà kiến lập lưu chuyển. Đây lại có 3 chủng: lưu chuyển của sát-na triển chuyển, lưu chuyển của sar.h triển chuyển và lưu chuyển của nhiễm ô, thanh tịnh triển chuyển.

**Hỏi:** Nương phần vị nào kiến lập *quyết định khác*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị tướng của các pháp riêng biệt mà kiến lập quyết định khác. Đây lại có 3 chủng: tướng quyết định khác, nhân quyết định khác, quả quyết định khác.

**Hỏi:** Nương phần vị nào kiến lập *tương ứng*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị nhân quả tương xứng mà kiến lập tương ứng. Đây lại có 3 chủng: tương ứng hòa hợp, tương ứng phương tiện và tương ứng do sở tác đúng với đạo lý.

**Hỏi:** Nương phần vị nào kiến lập *thế tốc*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị lưu chuyển nhanh chóng kiến lập thế tốc. Đây lại có 3 chủng: các hành thế tốc, sĩ dụng thế tốc và thần thông thế tốc.

**Hỏi:** Nương phần vị nào kiến lập *thứ lớp*? Đây

lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị mỗi mỗi hành lưu chuyển mà kiến lập thứ lớp. Đây lại có 3 chủng: thứ lớp sát-na lưu chuyển, thứ lớp nội thân lưu chuyển, thứ lớp thành lập sở tác lưu chuyển.

**Hỏi:** Nương phần vị nào kiến lập *thời*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị hành tương tục không ngừng kiến lập thời. Đây lại có 3 chủng: quá khứ, vị lai và hiện tại.

**Hỏi:** Nương phần vị nào kiến lập *phương*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị các sắc được thấu nhiếp lãnh thọ kiến lập phương. Đây lại có 3 chủng: trên, dưới và bốn bên.

**Hỏi:** Nương phần vị nào kiến lập *số*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị pháp lượng bằng nhau biểu hiện rõ ràng kiến lập số. Đây lại có 3 chủng: số một, số hai và số nhiều.

**Hỏi:** Nương phần vị nào kiến lập *hòa hợp*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị sở tác của các bộ phận

không bị khuyết mà kiến lập hòa hợp. Đây lại có 3 chủng: tụ tập hòa hợp, một nghĩa hòa hợp và viên mãn hòa hợp.

**Hỏi:** Nương phần vị nào kiến lập *chẳng hòa hợp*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Trái với hòa hợp, nên biết không hòa hợp, hoặc phần vị, hoặc sai khác.

**Hỏi:** Trong các uẩn, bao nhiêu uẩn là hữu sắc? Nghĩa nào là hữu sắc?

Đáp: Tức là dùng tánh đây, trở lại thuyết tánh đây. Nghĩa tự tánh sắc là nghĩa hữu sắc. Một uẩn là hữu sắc.

**Hỏi:** Nghĩa nào là có thấy? Bao nhiêu uẩn là có thấy?

Đáp: Nghĩa sở hành của mắt là có thấy. Một phần của một uẩn là có thấy.

**Hỏi:** Nghĩa nào là có đối ngại? Bao nhiêu uẩn là có đối ngại?

Đáp: Nghĩa căn cứ vào nơi chốn, có sự triển chuyển xúc chạm lẫn nhau và nghĩa thô lớn là nghĩa có đối ngại. Nghĩa thô lớn nên biết xa lìa ba chủng vi tế, ba vi tế đây nên biết như trước. Một phần của một uẩn là có đối ngại.

**Hỏi:** Nghĩa nào hữu lậu? Bao nhiêu uẩn là hữu lậu?

**Đáp:** Nghĩa thô trọng đi theo, chẳng phải kia đối trị phiền não phát khởi. Một phần của tất cả uẩn là hữu lậu.

Lại có nghĩa hữu lậu khác. Đó là nếu ở nơi phiền não năng sanh 4 chủng quá thất là nghĩa hữu lậu. Những gì gọi là bốn chủng quá thất? 1. Quá thất không tịch tịnh; 2. Quá thất nội ngoại biến đổi; 3. Quá thất phát khởi ác hạnh; 4. Quá thất của nhân nhiếp thọ.

Nên biết quá thất thứ nhất do triền hiện hành gây ra. Quá thất thứ hai do các sự phiền não đui theo phiền não gây ra. Quá thất thứ ba là do nhân duyên phiền não gây ra. Quá thất thứ tư dẫn phát hậu hữu gây ra.

**Hỏi:** Nghĩa nào là hữu vi? Bao nhiêu uẩn là hữu vi?

**Đáp:** Nghĩa theo nhân đã sanh và nên sanh. Tất cả uẩn là hữu vi.

**Hỏi:** Nghĩa nào là hữu tránh? Bao nhiêu uẩn là hữu tránh?

**Đáp:** Nghĩa tự tại chuyển theo nhiều sân khuể.



Một phần của tất cả uẩn là hữu tránhh.

**Hỏi:** Nghĩa nào là có ái vị? Bao nhiêu uẩn là có ái vị?

**Đáp:** Nghĩa tự tại chuyển theo nhiều ái kiến. Một phần của tất cả uẩn là có ái vị.

**Hỏi:** Nghĩa nào là nường đām mê vui thích? Bao nhiêu uẩn là nường đām mê vui thích?

**Đáp:** Nghĩa tự tại chuyển theo nhiều dục tham. Một phần của tất cả uẩn là nường đām mê vui thích.

**Hỏi:** Nghĩa nào là thế gian? Bao nhiêu uẩn là thế gian?

**Đáp:** Nghĩa nường hý luận. Một phần của tất cả uẩn là thế gian.

**Hỏi:** Nghĩa nào là đọa giới? Bao nhiêu uẩn là đọa giới?

**Đáp:** Nghĩa thế gian nhiếp thuộc 3 cõi. Một phần của tất cả uẩn là đọa giới.

**Hỏi:** Nghĩa nào là quá khứ? Bao nhiêu uẩn là quá khứ?

**Đáp:** Nghĩa đã thọ dụng nhân quả. Tất cả uẩn là quá khứ.

**Hỏi:** Nghĩa nào là vị lai? Bao nhiêu uẩn là vị lai?

**Đáp:** Nghĩa chưa thọ dụng nhân quả. Tất cả uẩn là vị lai.

**Hỏi:** Nghĩa nào là hiện tại? Bao nhiêu uẩn là hiện tại?

**Đáp:** Nghĩa đã thọ dụng nhân và nghĩa chưa thọ dụng quả. Tất cả uẩn là hiện tại.

**Hỏi:** Nghĩa nào là bên trong? Bao nhiêu uẩn là bên trong?

**Đáp:** Nghĩa sáu xứ, kể cả những gì thuộc sáu xứ. Một phần của một uẩn, hoàn toàn bốn uẩn là bên trong.

**Hỏi:** Nghĩa nào là bên ngoài? Bao nhiêu uẩn là bên ngoài?

**Đáp:** Nghĩa trái với tướng bên trong. Một phần của một uẩn là bên ngoài.

**Hỏi:** Nghĩa nào là thô? Bao nhiêu uẩn là thô?

**Đáp:** Nghĩa tướng tích tụ tăng trưởng, không sáng sạch. Một phần của tất cả uẩn là thô.

**Hỏi:** Nghĩa nào là tế? Bao nhiêu uẩn là tế?

**Đáp:** Nghĩa trái với tướng thô. Một phần của tất cả uẩn là tế.

**Hỏi:** Nghĩa nào là kém? Bao nhiêu uẩn là kém?

**Đáp:** Nghĩa vô thường, khổ, bất tịnh, nhiễm ô. Một phần của tất cả uẩn là kém.

**Hỏi:** Nghĩa nào là diệu? Bao nhiêu uẩn là diệu?

**Đáp:** Nghĩa trái với tướng kém. Một phần của tất cả uẩn là diệu.

**Hỏi:** Nghĩa nào là xa? Bao nhiêu uẩn là xa?

**Đáp:** Nghĩa nơi chốn, quá khứ, vị lai, thời, phương, khoảng cách, tầm rộng. Một phần của tất cả uẩn là xa.

**Hỏi:** Nghĩa nào là gần? Bao nhiêu uẩn là gần?

**Đáp:** Nghĩa trái với tướng xa. Một phần của tất cả uẩn là gần.

**Hỏi:** Nghĩa nào là hệ buộc Dục giới? Bao nhiêu uẩn là hệ buộc Dục giới?

**Đáp:** Nghĩa ở khoảng sanh đây mà chưa đạt được đối trị cõi cao hơn. Nếu đạt được sẽ vượt khỏi đây, ba thời hiện hành. Một phần của tất cả uẩn là hệ buộc Dục giới.

**Hỏi:** Nghĩa nào là hệ buộc Sắc giới? Bao nhiêu uẩn là hệ buộc Sắc giới?

**Đáp:** Nghĩa đã đạt được đối trị hệ buộc Sắc giới, hoặc nhập định kia, hoặc sanh ở kia, chưa đạt

được đối trị cõi cao hơn, nếu đạt được sẽ vượt khỏi đây, ba thời hiện hành. Một phần của tất cả uẩn là hệ buộc Sắc giới.

**Hỏi:** Nghĩa nào là hệ buộc Vô sắc giới? Bao nhiêu uẩn là hệ buộc Vô sắc giới?

Đáp: Nghĩa đã đạt được đối trị hệ buộc Vô sắc giới, hoặc nhập định kia, hoặc sanh ở kia, chưa đạt được đối trị cõi cao hơn, nếu đạt được sẽ vượt khỏi đây, ba thời hiện hành. Một phần của tất cả uẩn là hệ buộc Vô sắc giới.

Lại có sự sai biệt: Nghĩa không thể nhiếp khinh an tam-ma-địa và quyền thuộc của các tam-ma-địa kia, kể cả quả pháp của kia, gọi là hệ buộc Dục giới. Thuộc sắc phiền não và trái với nghĩa trên, gọi là hệ buộc Sắc giới. Nhiếp lấy nghĩa như hệ buộc Sắc giới, nhưng là sắc phiền não, gọi là hệ buộc Vô sắc giới.

**Hỏi:** Nghĩa nào là thiện? Bao nhiêu uẩn là thiện?

Đáp: Nghĩa năng cảm quả báo vui ở đương lai và nghĩa đối trị đoạn vĩnh viễn khổ phiền não. Một phần của tất cả uẩn là thiện.

**Hỏi:** Nghĩa nào là bất thiện? Bao nhiêu uẩn

là bất thiện?

**Đáp:** Nghĩa năng cảm quả báo khổ ở đương lai và nghĩa năng phát khởi các ác hạnh. Một phần của tất cả uẩn là bất thiện.

**Hỏi:** Nghĩa nào là vô ký? Bao nhiêu uẩn là vô ký?

**Đáp:** Nghĩa trái với hai tướng trên. Một phần của tất cả uẩn là vô ký.

Lại có cách giải thích khác: Nghĩa xa lìa quá thất, đối trị quá thất và nghĩa thuận theo công đức gọi là thiện. Nghĩa trái với tướng thiện gọi là bất thiện. Nghĩa trái với cả hai tướng thiện và bất thiện gọi là vô ký.

**Hỏi:** Nghĩa nào là học? Bao nhiêu uẩn là học?

**Đáp:** Nghĩa học phương tiện thiện. Một phần của tất cả uẩn là học.

**Hỏi:** Nghĩa nào là vô học? Bao nhiêu uẩn là vô học?

**Đáp:** Nghĩa học rốt ráo thiện. Một phần của tất cả uẩn là vô học.

**Hỏi:** Nghĩa nào là phi học phi vô học? Bao nhiêu uẩn là phi học phi vô học?

**Đáp:** Nghĩa lìa hai chủng trước, pháp sở hữu

thiện, nhiệm ô và vô ký. Một phần của tất cả uẩn là phi học phi vô học.

**Hỏi:** Nghĩa nào là kiến sở đoạn? Bao nhiêu uẩn là kiến sở đoạn?

**Đáp:** Nghĩa chỗ nên đoạn trừ của hiện quán trí để hiện quán. Một phần của tất cả uẩn là kiến sở đoạn.

**Hỏi:** Nghĩa nào là tu sở đoạn? Bao nhiêu uẩn là tu sở đoạn?

**Đáp:** Nghĩa từ hiện quán trở về sau, tu đạo sở đoạn. Một phần của tất cả uẩn là tu sở đoạn.

**Hỏi:** Nghĩa nào là vô đoạn? Bao nhiêu uẩn là vô đoạn?

**Đáp:** Nghĩa đối trị đoạn trừ vĩnh viễn tất cả nhiệm ô và nghĩa đã đoạn trừ. Một phần của tất cả uẩn là vô đoạn.

**Hỏi:** Nghĩa nào là vô sắc? Bao nhiêu uẩn là vô sắc?

**Đáp:** Trái với nghĩa sắc đã thuyết ở trước, nên biết là nghĩa vô sắc.

Hết thấy loại như vậy nên biết tư duy phân biệt các uẩn sai biệt.

**Hỏi:** Như nói nghĩa tích tụ là nghĩa uẩn, những

gì gọi là nghĩa tích tụ?

**Đáp:** Đó là nghĩa tập trung của chủng chủng thể; nghĩa càng thêm hòa hợp xen lẫn triển chuyển; nghĩa thâu tóm chung một loại; nghĩa tăng ích, tổn giảm. Tất cả đều là nghĩa tích tụ.

**Hỏi:** Duyên nào sắc uẩn gọi là sắc?

**Đáp:** Nghĩa ở phương xứ nào đó, chủng mới tăng trưởng và nghĩa biến ngại, nên gọi là sắc. Nghĩa biến ngại đây lại có 2 chủng: 1. Nghĩa chịu sự xúc chạm của tay... rồi liền biến hoại; 2. Nghĩa chủng chủng tướng ở nơi phương xứ sai khác.

**Hỏi:** Duyên nào gọi chung bốn vô sắc uẩn là danh?

**Đáp:** Nghĩa thuận hướng đến chủng chủng cảnh sở duyên, nghĩa nương ngôn thuyết danh mà phân biệt chủng chủng cảnh sở duyên, cho nên nói là danh.

**Hỏi:** Cái gì nhiếp lấy các uẩn? Vì nghĩa gì mà kiến lập nhiếp đó?

**Đáp:** Tự tánh nhiếp lấy, chẳng phải tha tánh. Vì nghĩa khắp rõ biết chủng chủng tự loại, cho nên kiến lập.

**Hỏi:** Cái gì tương ưng các pháp? Vì nghĩa nào

mà kiến lập tương ứng?

Đáp: Tha tánh tương ứng, chẳng phải tự tánh. Vì nghĩa khắp rõ biết nương tự tánh thanh tịnh, tâm pháp có nhiễm, không nhiễm, hoặc tăng, hoặc giảm, cho nên kiến lập.

Có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn kế chấp cho rằng tâm là thật có, chứ chẳng phải các tâm pháp. – Điều này không như lý. Vì cơ sao? Vì như thế các uẩn có năm chủng tánh không thành tựu được.

Lại kẻ kia kế chấp cho là vì phần vị riêng khác, nên các uẩn kia có năm tánh. –Thì kế chấp phần vị riêng cũng có lỗi. Vì cơ sao? Vì các phần vị triển chuyển tương vọng tác dụng sai khác, hoặc có, hoặc không đều thành lỗi. Nếu nói là có, thì do khác nhau nên lẽ có thể tánh thật vật khác nhau. Nếu nói là không, thì kế chấp phần vị riêng tức là hoang đường.

Lại kẻ kia kế chấp cho là như sáu thức thân có phần vị riêng biệt. –Không nên cho là như thế. Vì cơ sao? Vì sáu thức thân có sở y và sở duyên sai biệt, tức là một xứ vẫn có được các phần vị, cho nên không đúng lý.

Lại kế chấp cho là do chuyển biến nên phần



vị riêng khác. –Nếu cho là chuyển biến cũng không đúng đạo lý. Vì có sao? Ở nơi vật có sắc thì sự chuyển biến khả đắc, do phần vị trước sau sai khác; ở những cái vô sắc thì chẳng thể như vậy, như sữa lạc sanh tô...

Lại nói nhân duyên của tâm không có sai khác, mà phần vị hành riêng khác thì không đúng đạo lý. Vì ở một sát-na ắt chẳng thể đắc nhân duyên sai khác, mà khiến cho phần vị kia có sai khác. Cho nên ông kế chấp phần vị sai khác thì không đúng đạo lý. Lại vì trái với giáo, nên chỉ có tâm thật có thì không đúng đạo lý. Trái với những giáo gì? Vì như kinh nói: “Hết thủy tham, sân, si... nhiệm nào nơi tâm khiến chẳng giải thoát”.

**Hỏi:** Trong đây trái thế nào?

Đáp: Nếu cho là chỉ có tâm, hai chẳng cùng có, vậy tức là tham... lẽ không nương thức. Nếu ông lại cho là lấy thức làm tiền dẫn thì cũng không đúng đạo lý, như vậy cũng có lỗi không khác trước. Lại kinh nói: “Ba hòa hợp cùng xúc đồng sanh thọ, tưởng, tư...”. Lại kinh khác nói: “Các pháp như vậy thường cùng hòa hợp, chẳng phải không hòa hợp”. Không thể nói rằng các pháp như vậy có thể phân

tách khiến thành riêng khác. Lại, Phật Thế Tôn vì muốn thiết lập nghĩa hòa hợp đây nên lấy đèn sáng làm dụ. Cho nên chẳng thể lìa sự đồng sanh của ba hòa hợp cùng với xúc mà nói hòa hợp. Tuy kinh lại nói sáu giới như vậy thuyết danh là sĩ phu. Nhưng đây mật ý thuyết nên không có lỗi.

**Hỏi:** Trong đây có mật ý gì?

**Đáp:** Vì muốn hiển thuyết sắc động, pháp của tâm là chỗ nương thù thắng hơn cả. Nên biết đây gọi là mật ý trong kinh.

Lại thêm trái với Thánh giáo. Những gì là Thánh giáo? Vì Thế Tôn nói ba thí dụ về sữa, pho-mát, sanh tô, hoặc có xứ sở bốn đại chủng thô lấy làm ngã; hoặc có xứ sở hữu sắc sanh ý; hoặc có xứ sở vô sắc sanh tướng. Như vậy ý kinh há chỉ có đại chủng, hoặc chỉ có tâm, hoặc chỉ có tướng sao? Cho nên phải biết hết thấy kinh như vậy đều có mật ý. Do đó gọi là đạo lý bốn vô sắc uẩn nhiếp lấy tâm và tâm sở xoay vần tương ứng nhau thành tự.

Trong Ót-Đà-Nam nói:

*Năm chủng tánh không thành*

*Phần vị riêng thành lỗi*

*Vì nhân duyên không khác*

*Và trái với Thánh giáo.*

Như vậy đã quyết trạch sự uẩn thiện xảo, Ta nay sẽ quyết trạch **sự giới thiện xảo**.

**Hỏi:** Những gì là nhãn giới?

Đáp: Nhãn hoặc chưa đoạn, hoặc đã đoạn, do mạng căn nhiếp thọ. Như nhãn giới, thì cho đến ý thức giới và pháp giới, mỗi một phần nên biết cũng vậy.

**Hỏi:** Những gì là sắc giới?

Đáp: Hoặc sắc căn tăng thượng sanh khởi, hoặc kia làm tăng thượng đối với đây, đây gọi là sắc giới. Như sắc giới, cho đến xúc giới nên biết cũng vậy.

**Hỏi:** Mười tám giới đây, thật có bao nhiêu, giả có bao nhiêu?

Đáp: Thật có mười bảy, hoặc mười hai. Vì sáu là một, một là sáu. Đây nói trong phạm vi an lập đạo lý thế tục.

**Hỏi:** Nếu có nhãn cũng là nhãn giới ư? Giả sử có nhãn giới cũng là nhãn ư?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc có nhãn chẳng phải nhãn giới, đó là nhãn của A-la-hán tối hậu.

Đây gọi là câu thứ nhất. Hoặc có nhãn giới chẳng phải là nhãn, đó là sanh Hữu sắc giới, hoặc nhãn chưa sanh, hoặc sanh rồi đã mất, hoặc không đắc nhãn, hoặc nhãn diệt không gián đoạn; hoặc các dị sanh sanh Vô sắc giới. Đây là câu thứ hai. Hoặc có nhãn cũng là nhãn giới, đó là trừ chỗ có các tướng như hai câu trên. Đây là câu thứ ba. Hoặc không có nhãn cũng không có nhãn giới, đó là hoặc A-la-hán đã hoại mất nhãn hay không sanh nhãn; hoặc sanh Vô sắc giới, hoặc ở Vô dư y Niết-bàn giới đã Bát-niết-bàn. Đây là câu thứ tư. Như nhãn giới, thì tất cả nội giới tùy theo chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Thân giới nên phân biệt là nếu không có những sự đã thuyết trước, thì thân chẳng được sanh, còn lại tùy theo chỗ thích hợp sẽ tuyên nói đầy đủ. Ở nơi bốn ngoại giới, tùy chỗ thích hợp cũng phải tuyên nói đầy đủ. Hoặc thanh, thanh giới đúng lúc kích động phát ra, phải nói hai đây đồng có. Nếu không kích động phát ra phải nói đuổi theo giới khác, duy chỉ giới, không phải thanh.

**Hỏi:** Mười tám giới đây, bao nhiêu đồng phạm, bao nhiêu đồng phạm kia?

Đáp: Có nhãn thức giới gọi là đồng phận. Nhãn giới còn lại gọi là đồng phận kia. Như nhãn giới cho đến thân giới cũng vậy. Duy chỉ ở trong nội các giới nhiếp thuộc căn, ngũ lương đồng phận và đồng phận kia, chẳng phải ở trong ngoại các giới như sắc... Nên biết các hữu sở duyên của pháp giới thì như tâm giới đã thuyết. Các vô sở duyên thì như sắc... đã thuyết.

**Hỏi:** Bao nhiêu giới hợp mà năng thủ? Bao nhiêu giới chẳng hợp mà năng thủ?

Đáp: Sáu hợp năng thủ. Bốn chẳng hợp năng thủ. Năm và một phần ít chẳng phải năng thủ. Một giới hợp, chẳng hợp. Hai đều năng thủ.

**Hỏi:** Bao nhiêu duy chỉ là sở thủ, chẳng phải năng thủ? Bao nhiêu cũng sở thủ cũng năng thủ?

Đáp: Tất cả đều sở thủ, đó là năm và một ít phần duy chỉ là sở thủ. Mười hai và một ít phần cũng là năng thủ.

**Hỏi:** Bao nhiêu vì trợ bạn nên năng thủ? Bao nhiêu chỉ một mình năng thủ?

Đáp: Mười và một ít phần trợ bạn mà năng thủ. Một và một ít phần chỉ một mình năng thủ.

**Hỏi:** Bao nhiêu chỉ hệ buộc Dục giới?

**Đáp:** Bốn.

**Hỏi:** Bao nhiêu chỉ hệ buộc Sắc giới?

**Đáp:** Không có.

**Hỏi:** Bao nhiêu chỉ hệ buộc Vô sắc giới?

**Đáp:** Cũng không có.

**Hỏi:** Bao nhiêu chỉ hệ buộc Dục, Sắc giới?

**Đáp:** Mười một.

**Hỏi:** Bao nhiêu chỉ hệ buộc Sắc, Vô sắc giới?

**Đáp:** Không có.

**Hỏi:** Bao nhiêu thông cả ba giới hệ buộc?

**Đáp:** Ba.

**Hỏi:** Bao nhiêu chấp thọ? Bao nhiêu chẳng phải chấp thọ?

**Đáp:** Năm chấp thọ. Năm chấp thọ chẳng phải chấp thọ. Chỗ còn lại đều có một hướng là chẳng phải chấp thọ. Vì cố sao? Vì đã lìa nơi kia, còn lại là năng chấp thọ, vì chấp thọ ở kia bất khả đắc vậy.

Sao gọi là chủng chủng giới? Là tánh tướng mười tám giới triển chuyển khác nhau.

Sao gọi là chẳng phải một giới? Các giới kia vô lượng, sở y của hữu tình có chủng chủng tánh sai biệt.

Sao gọi là vô lượng giới? Tổng hai điều kia gọi

là vô lượng giới. Như Phật Thế Tôn thuyết: trong Ác-xoa-tụ-dụ: “Ta ở nơi các giới trọn không tuyên thuyết giới có ngần mé”.

Trong Ốt-Đà-Nam nói:

*Những gì tánh thật có  
Bốn câu cùng đồng phạm  
Thủ, giới, chẳng chấp thọ  
Chủng chủng... chẳng phải một.*

**Hỏi:** Những gì là nghĩa giới?

Đáp: Nghĩa nhân, nghĩa chủng tử, nghĩa bản tánh, nghĩa chủng tánh, nghĩa vi tế, nghĩa giữ gìn, đó là nghĩa giới.

**Hỏi:** Nương nghĩa nào mà nói Niết-bàn, hư không cũng gọi là giới?

Đáp: Vì nghĩa năng giữ gìn khiến khổ chẳng sanh, nên Niết-bàn được gọi là giới. Vì nghĩa giữ gìn các hoạt động của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân... nên hư không được gọi là giới.

**Hỏi:** Vì hiển nghĩa nào mà kiến lập giới?

Đáp: Vì hiển nghĩa nhân duyên và hiển nghĩa căn cảnh thọ dụng.

**Hỏi:** Mười tám giới đây do cái gì phân biệt?

Đáp: Nếu lược thuyết nên biết do 6 chủng: 1. Pháp giới, đó là nhãn pháp... có nhãn giới...; 2. Tịnh giới, đó là sở hữu các giới của bồ-đặc-già-la trụ chủng tánh; 3. Bản tánh giới, đó là như đã thuyết mười tám giới sanh khởi từ thời vô thủy đến nay cho đến về sau, tánh ấy thành tựu; và bồ-đặc-già-la trụ chủng tánh, không trụ chủng tánh, pháp Niết-bàn, không phải pháp Niết-bàn từ thời vô thủy đến nay, tánh ấy thành tựu; 4. Huân tập giới, đó là các giới đây trước đã huân tập pháp tịnh, bất tịnh, nên ở trong sanh tử chiêu cảm sanh hoặc thặng diệu hoặc thấp kém hoặc tánh nhân Niết-bàn; 5. Đã cho quả giới, đó là các giới đây chiêu cảm quả và đã diệt; 6. Chưa cho quả giới, đó là các giới đây chưa chiêu cảm quả hoặc diệt, hoặc chưa diệt. Như vậy lược thuyết thì các giới có sáu chủng, nếu rộng thuyết thì giới đây số vô lượng.

**Hỏi:** Mười tám giới đây có bao nhiêu hữu sắc, có bao nhiêu vô sắc, cho đến có bao nhiêu vô đoạn?

Đáp: Như tướng trước đã thuyết nên thuận theo đó mà kiến lập.

**Hỏi:** Như thuyết thì mắt thấy các sắc, cho đến ý hiểu các pháp. Vậy mắt đây là kẻ thấy cho đến ý



là kẻ hiểu, hay là thức kia?

Đáp: Nếu trong phạm vi thắng nghĩa đạo lý thì chẳng phải là mất... cũng chẳng phải thức kia. Vì có sao? Vì tự tánh các pháp do nhiều duyên sanh, vì sát-na diệt, vì không tác dụng. Trong phạm vi đạo lý thế tục thì mất... rõ ràng hơn cả, nên có thể ở nơi kia lập người thấy... Vì có sao? Nếu có các căn như mắt... không bị khuyết giảm... thì thức nhất định sanh; hoặc có thức chuyển lưu thì chẳng phải là căn mất... vì đây hoặc khuyết hoặc không khuyết thức đều có được. Thật nghĩa trong đây tức là chỉ ở nơi cái thấy... mà nói kẻ thấy...

**Hỏi:** Mười tám giới đây, bao nhiêu chủng thứ lớp nhân duyên được tuyên nói?

Đáp: Lược có hai chủng: 1. Ba chủng thứ lớp nhân duyên được tuyên nói; 2. Sáu chủng thứ lớp nhân duyên được tuyên nói.

Sao gọi là ba chủng thứ lớp nhân duyên được tuyên nói? Vì sở y và cảnh giới sai biệt đồng y. Vì sao? Do nghĩa thức và căn đồng một xứ nên gọi là y. Nghĩa cảnh giới là sở duyên, nên cũng gọi là y.

Sao gọi là sáu chủng thứ lớp nhân duyên được tuyên nói? Vì sở hành của kia chúng có nhiều sai

biệt luân luân hành chuyển, trước nói mắt... là nhân duyên đầu tiên. Lại kia tùy theo sự việc người đời thế gian mà chuyển nên thứ lớp dần dần kiến lập, đó là người thế gian trước qua lại gặp gỡ thấy nhau, sau mời chào thăm hỏi, tiếp theo bày biện ăn uống, rồi ban ngày trôi qua, đêm đến xếp đặt chũng chũng thứ như trái ngọạ cụ, đệm lông, mền gối... là nhân duyên thứ hai. Lại do vui thích khác nhau làm chỗ nương, nên thứ lớp được tuyên nói là nhân duyên thứ ba. Lại vì chỗ thâm nhiếp, thọ dụng những vật trang điểm khác nhau nên thứ lớp được tuyên nói, đó là kẻ thọ dụng tốn nhiều thời gian cho việc trang điểm lông mày, mắt, kể đến đeo hoa tai, cài trâm lên tóc... nghiêm sức như vậy là nhân duyên thứ tư. Lại nương hành nghiệp ăn uống, vui thích tập quen dục, hết thủy việc nên thứ lớp được tuyên nói, đó là các chúng sanh trước đều nương hai nghiệp thân, ngữ hoặc tịnh hoặc bất tịnh mà cần cầu phương tiện, sau đó ăn uống no say rồi, lại tập quen gần gũi các dục. Đây là nhân duyên thứ năm. Lại do chỗ thâm nhiếp, lãnh thọ của nghiệp tạo tác sai biệt, nên thứ lớp tuyên nói. Việc đây thế nào? Do mắt năng thấy vô số các sắc

qua lại không lầm lẫn tạp loạn: nhận ra, gặp gỡ, nhớ đến người đã từng thấy, hoặc chưa thấy; thấy rõ nơi chốn gặp gỡ người oán, thân, trung dung sai khác; thấy các cuộc chuyện trò với người, từ đây nhớ nghĩ phát khởi lời nói, kể lại việc đã thấy như vậy như kia... Mắt kia nương thân mà được trưởng dưỡng, lãnh thọ rộng lớn chủng chủng sự việc vui vẻ thích thú của thế gian. Hết thấy loại như vậy là vô lượng chủng nghiệp tạo tác của nhãn giới. Do tai năng nghe chủng chủng âm thanh, nhân đây hiểu rõ thiện thuyết, ác thuyết và chủng chủng nghĩa lý nên khởi nói năng luận bàn, năng nghe chủng chủng âm vui vi diệu. Tai kia nương thân mà được trưởng dưỡng, lãnh thọ rộng lớn chủng chủng sự việc vui vẻ thích thú của thế gian. Hết thấy loại như vậy là nghiệp tạo tác của nhĩ giới, phía trước hẹp nhỏ. Do mũi năng ngửi chủng chủng các hương, theo hương mà tìm đến. Mũi kia nương thân mà được trưởng dưỡng, lãnh thọ rộng lớn chủng chủng sự việc vui vẻ thích thú của thế gian. Hết thấy loại như vậy là nghiệp tạo tác của tỷ giới, phương trước hẹp nhỏ. Lưỡi năng nếm chủng chủng các vị. Lưỡi kia nương thân mà được trưởng dưỡng. Hết thấy loại

như vậy là nghiệp tạo tác của thiết giới, phương trước hẹp nhỏ. Thân năng xúc chủng chủng sự va chạm, lãnh thọ các sự việc vui vẻ thích thú của thế gian. Tuy nương thân mà được trưởng dưỡng nhưng việc vui thích kia một lúc nào đó lại làm tổn hại. Hết thấy loại như vậy là nghiệp tạo tác của thân giới, rất là hẹp nhỏ. Đây gọi là thứ lớp nhân duyên thứ sáu được tuyên nói. Ở trong nhân duyên sai biệt của sáu chủng mắt... trong đó đều có ý hành chuyển khắp cả, nên tuyên nói ý sau cùng. Vì nhiếp thứ lớp nhân duyên như vậy, mà trong Ôt-Đà-Nam nói:

*Chúng nhiều, thuận thế tục  
Vui thích cùng nghiêm sức  
Theo hai chủng tác nghiệp  
Nên thứ lớp tuyên nói.*

Lại nữa, mười tám giới đây nên biết năng nhiếp tất cả sở thuyết giới khác trong kinh.

**Hỏi:** Người đã sanh ở Sắc giới, ở nơi cảnh giới đã được ly dục, duyên nào sanh trở lại hai giới tử và thiết?

**Đáp:** Vì khiến thân sở y được trang nghiêm. Lại vì ở trong Sắc giới, hai chủng đây chưa ly dục.

**Hỏi:** Hoặc sanh ở Đệ nhị tinh lự, hoặc sanh địa trên, nếu có tầm có tứ, nhãn thức... hiện tại tiền, sao nói là địa đây không tầm không tứ? Nếu không hiện tiền, sao nói là ở địa kia các căn hữu sắc không hiện tiền, mà năng lãnh thọ cảnh giới địa kia?

**Đáp:** Do các chủng tử thức có tầm có tứ triển chuyển đuổi theo Không tầm không tứ tam-ma-địa. Từ kia khởi rồi, đây được hiện tiền. Lại lúc ở đây khởi rồi, thức kia hiện hành trở lại. Lại vì có sự đuổi theo của chủng tử Không tầm không tứ tam-ma-địa, cho nên địa đây không theo một hướng là không tầm không tứ. Do hữu tình kia ở nơi các tầm tứ dùng tách ly dục mà ly dục, cho nên địa kia tuy gọi là không tầm không tứ, mà tầm tứ đây lại hiện hành, cũng không có lỗi gì.

**Hỏi:** Duyên nào nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, mỗi một giới sanh hai phần, chẳng phải khác?

**Đáp:** Vì khiến sở y được trang nghiêm.

**Hỏi:** Khi các thức như nhãn, nhĩ và tỷ sanh là nương hai phần, phải nói là một hay hai?

**Đáp:** Chỉ nói một phần. Vì có sao? Nếu một phần kia không chướng ngại, không bị hư hoại, thì

thức rõ ràng sanh. Nếu kia bị chướng ngại, hoặc bị hoại mất, thức không rõ ràng sanh. Lại vì thức không phải sắc, nên không như sắc do nơi chốn mà riêng thành nghĩa hai phần.

**Hỏi:** Nếu nhãn và nhãn thức là nhân và quả, sao gọi là cùng có? Nếu cùng có thì sao nói thành tựu hai tánh nhân và quả?

**Đáp:** Thức nương nhãn sanh, chẳng phải như đạo lý nhân quả của hạt giống và mầm. Vì sao? Vì nhãn và nhãn thức chẳng phải là nhân chánh sanh, chỉ là nhân kiến lập, cho nên nhãn và nhãn thức đây đồng thời mà có, nên tánh nhân quả thành tựu, thí như đạo lý lửa và ánh sáng của đèn. Như nhãn và nhãn thức, thì nhĩ, tỷ, thiệt, thân cùng các thức kia nên biết cũng vậy. Nếu khác với điều trên, tuy có tự chủng tử mà vì không sở y, nên các thức như nhãn thức... lẽ không được sanh.

**Hỏi:** Nếu ở Dục giới hoặc sanh hoặc tăng trưởng, mà nói nhãn giới... nhất định chuyển ư?

**Đáp:** Đây chẳng nhất định một hướng như vậy. Như nhãn giới, thì nhĩ, tỷ, thiệt giới và các thức kia cũng vậy. Thân giới nhất định chuyển theo. Như vậy thân thức giới, ý giới, pháp giới, ý

thức giới và sắc, thanh, hương, vị, xúc giới cũng vậy.

**Hỏi:** Nếu ở Sắc giới hoặc sanh hoặc tăng trưởng, mà nói nhãn giới... nhất định chuyển theo ư?

**Đáp:** Nhất định chuyển theo. Như nhãn giới, thì nhĩ, tỷ, thiệt, thân giới; nhãn, nhĩ, thân thức giới nên biết cũng vậy. Trừ hương giới, vị giới và thức giới kia, tất cả giới khác cũng nhất định chuyển theo. Ở Vô sắc giới hoặc sanh, hoặc trưởng, trừ ý giới, pháp giới, ý thức giới, còn lại nhất định không chuyển theo, chỉ trừ các sắc thu được tự tại. Nên biết ba giới ở nơi kia nhất định chuyển theo.

Như sự uẩn thiện xảo, thì sự giới thiện xảo cũng nên tuyên nói Ót-Đà-Nam kệ tụng. Như sự giới thiện xảo, thì **sự xứ thiện xảo** Ót-Đà-Nam kệ tụng nên biết cũng vậy.

Sao gọi là nhãn xứ? Nếu nhãn đã được không xả, ở nơi thể không gián đoạn, pháp chẳng phải đoạn diệt. Như tướng nhãn xứ, thì tự tánh xứ còn lại nên biết cũng vậy.

**Hỏi:** Xứ, xúc xứ có gì sai biệt?

**Đáp:** Xứ như trước đã thuyết. Xúc xứ là sở hữu

các xứ đồng với xúc, hoặc năng dẫn phát các xúc không gián đoạn, thuận theo nơi xúc.

**Hỏi:** Nếu nhãn cũng là xứ ư? Giả sử xứ cũng là nhãn ư?

**Đáp:** Có nhãn chẳng phải là xứ, tức là nhãn đã được không xả, nhưng là pháp đoạn diệt không gián đoạn. Có xứ chẳng phải là nhãn, đó là xứ khác an trụ tương xứ. Cũng có nhãn cũng có xứ, tức là nếu nhãn đã được không xả, cũng chẳng phải pháp đoạn diệt không gián đoạn. Cũng có chẳng phải nhãn, cũng chẳng phải xứ, đó là hoặc nhãn không được, hoặc nhãn được rồi đã xả và nhĩ khác... không trụ nơi tương xứ.

**Hỏi:** Xứ cũng là xúc xứ ư? Giả sử xúc xứ cũng là xứ ư?

**Đáp:** Các xúc xứ hẳn là xứ. Có xứ chẳng phải là xúc xứ. Đó là nhãn... không hợp cùng xúc, cũng lại chẳng thể dẫn phát xúc không gián đoạn, nhưng không phải pháp diệt không gián đoạn. Nếu ở Sắc giới, sở hữu tử, thiết hoặc sanh hoặc trưởng; nếu sở hữu các căn của hữu tình sanh trong trời Vô tướng, ở tất cả thời nên biết nhất định không phải là xứ.



**Hỏi:** Nghĩa nào gọi là xứ? Vì hiển nghĩa nào mà kiến lập xứ?

**Đáp:** Nghĩa môn các tâm, tâm sở sanh trưởng, nghĩa duyên, nghĩa phương tiện, nghĩa tánh hòa hợp, nghĩa chỗ nương tựa, nghĩa nơi cư trú. Đây gọi là nghĩa xứ. Vì muốn hiển thị nghĩa đẳng vô gián sở duyên, tăng thượng 3 chủng duyên, nên kiến lập xứ. Rộng phân biệt và thứ lớp của xứ, tùy theo chỗ thích hợp nên biết như giới.

Lại như kinh rộng thuyết Thế Tôn nói có tám thắng xứ, mười biến xứ. Lại có bốn xứ là Không vô biên xứ... Lại có hai xứ là Vô tướng xứ và Phi tướng phi tướng xứ. Như vậy hết thắng tên gọi pháp xứ đã được nêu ra, như tướng đã thuyết, tùy theo chỗ thích hợp đều nhiếp ở mười hai xứ. Lại y chỉ xứ nên biết như giới.

Lại nữa, sao gọi là **pháp duyên sanh**? Đó là không có chủ thể, không có tác giả, không có thọ giả, không tự tác dụng, không được tự tại từ nhân mà sanh, vin dựa theo các duyên mà chuyển, xưa không mà có, có rồi tan diệt, chỉ là pháp hiển phát, chỉ là pháp năng nhuần, chỉ là pháp sở nhuần,

roi trong tương tục. Hết thấy tướng như vậy gọi là pháp duyên sanh. Trong đây, nhân gọi là duyên khởi, quả gọi là duyên sanh. Vì chi hữu vô minh tùy miên đây không đoạn trừ, nên vô minh triền kia có. Vì vô minh triền đây sanh, nên các hành kia chuyển. Vì chủng tử các hành không đoạn diệt, nên các hành được sanh. Vì các hành sanh, nên đắc chi hữu thức chuyển. Như vậy, đạo lý lưu chuyển của các chi duyên khởi còn lại tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Nên biết chi hữu sanh và lão tử là pháp giả có, các chi hữu còn lại là pháp thật có.

Lại do năm tướng kiến lập duyên khởi sai biệt. Những gì là năm? 1. Chỗ nương của nhân dẫn dắt các khổ; 2. Chỗ nương của nhân sanh khởi các khổ; 3. Nhân dẫn dắt các khổ; 4. Nhân sanh khởi các khổ; 5. Các khổ sanh khởi.

1. Chỗ nương của nhân dẫn dắt các khổ: Ở trong hiện pháp danh sắc làm duyên sáu xứ sanh khởi không đoạn không biết. Vì đây làm sở duyên và y xứ, nên tất cả ngu phu ở nội tự thể sanh khởi ngu si. Đây gọi là vô minh. Vì vô minh duyên nên kế sau có các hành, cho đến thời sau có xúc duyên thọ. Trong đây sáu xứ gọi là vô minh... dẫn nhân y xứ.

2. Chỗ nương của nhân sanh khởi các khổ: Các ngu phu ở trong hiện pháp do xúc làm duyên nên các thọ sanh khởi. Đây làm y xứ ở nơi ngoại cảnh giới phát khởi các ái. Vì ái làm duyên nên kế sau có thủ. Vì thủ làm duyên nên kế sau có hữu. Như vậy ái... ba chủng sanh nhân, lấy xúc duyên thọ làm sở y xứ.

3. Nhân dẫn dắt các khổ: Vô minh duyên hành cho đến xúc duyên thọ, ở trong hiện pháp, thức là chỗ huân tập của nghiệp phước, phi phước, bất động. Về sau sự đuổi theo của chủng tử năng dẫn thân thức sanh lão tử khổ ở đời vị lai. Cho nên nói đây là nhân dẫn kia.

4. Nhân sanh khởi các khổ: Thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, đây gọi là nhân sanh các khổ đương lai. Tức là chỗ gây tạo nghiệp trước kia nhiếp thọ phiền não, vì ở đời vị lai sanh sắp hiện tiền, nên biết gọi là “hữu”.

5. Các khổ sanh khởi: Hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử, như vậy gọi là các khổ sanh khởi. Tức là chủng tử tánh thức, danh sắc, sáu xứ, xúc, thọ lúc trước theo đuổi sở y được tên gọi là các khổ dẫn nhân. Nay đã cho quả tên gọi là sanh, lão, tử, cũng

được tên gọi là khổ.

Lại nữa, nên biết trí là sở đối trị của vô minh. Vô minh riêng có tâm pháp che đậy làm tánh. Vô minh kia chẳng phải chỉ có không sáng suốt, cũng chẳng phải tà trí. Vì cơ sao? Nếu vô minh kia chỉ toàn là không sáng suốt, thì không thể lập phẩm hạ, trung, thượng, vì pháp tánh Không kia đều không có phẩm hạ, trung, thượng sai biệt. Lại cũng không thể lập vô minh, tùy miên và triền khác nhau, vì pháp tánh Không ở tất cả thời tướng ấy giống nhau, không thể tùy theo sự trói buộc hiện hành mà kiến lập. Lại tâm của dị sanh ở tất cả xứ nhiễm, thiện, vô ký thường lìa huệ sáng suốt. Nếu tánh Không đây là vô minh, lẽ tất cả tâm đều thành nhiễm ô. Lại pháp tánh Không chẳng phải nhiếp thuộc hữu vi, chẳng phải nhiếp thuộc vô vi. Đã chẳng phải nhiếp thuộc hữu vi, vô vi, thì chẳng năng làm nhiễm ô, cũng chẳng khiến thanh tịnh. Lại trong tâm lìa sự sáng suốt tương tục, thì lẽ ở tất cả thời minh chẳng khởi được. Lại chẳng nên nói vì vô minh diệt nên minh được sanh khởi. Vì cơ sao? Vì không có pháp Không mà có thể diệt.

Nếu chỉ do tà trí là vô minh, thì trừ các trí

nhiếp thuộc huệ minh, còn lại tất cả trí đều là tà trí ư? Hay chỉ có tánh trí nhiễm ô tà chấp là tà trí ư? Hay các phiền não tương ưng tà trí là tà trí ư?

Nếu nói trí ban đầu là tà trí, thì trí tương tục ở trong tất cả dị sanh hoặc thiện hoặc vô ký lẽ đều là tà trí. Đây không đúng đạo lý.

Nếu chỉ có tánh trí nhiễm ô tà chấp là tà trí, thì chỉ nên ở nơi năm thân kiến gọi là tánh trí nhiễm. Trong đây, vì không rõ hành tướng như thật, gọi là vô minh. Do không rõ hành tướng như thật, nên tà chấp sự tướng gọi là kiến, đó là thân kiến là do lực vô minh chấp ngã, ngã sở. Như vậy, do mỗi kiến khác nhau nên ở mỗi sự của chính nó tà chấp hành chuyển. Nhưng các kiến như vậy chẳng là ngu si, bởi hành tướng si và kiến mỗi mỗi riêng khác, mà cho là năm tánh trí nhiễm ô gọi là vô minh thì không đúng đạo lý. Lại nếu vô minh và các kiến tướng không sai khác, không lẽ Thế Tôn ở trong bảy tùy miên mà đối với vô minh bên ngoài lập là kiến tùy miên? Lại, Phật Thế Tôn không ở nơi các kiến trên mà hợp chung một xứ gọi là vô minh.

Nếu các phiền não tương ưng tà trí là vô minh,

thì năm chủng trí tà kiến như thân kiến... là tự tánh như vậy không có hai thể trí đồng có tương ứng. Vậy thì các kiến lẽ cùng vô minh thường không tương ứng.

Lại nếu do lực phiền não tham... khiến trí tương ứng thành tánh ngu si, tức vì lực tham... tăng thượng nên ngu si khá được, chẳng phải do si, tăng thượng si làm tiền dẫn mà có tất cả các phiền não tham...

Lại lẽ có thể nói như huệ tương ứng các phiền não khác, do tương ứng nên thành nhiễm ô? Đây chẳng phải tự tánh kia, vì chẳng phải thể ngu si mà khá thành tánh si. Lại như tương ứng các phiền não khác, chẳng phải tánh phiền não của các tâm, tâm sở. Cho nên, nên biết riêng có vô minh là tánh tâm sở, cùng tâm tương ứng.

Như Thế Tôn nói: “Hành có 3 chủng, đó là: thân hành, ngữ hành và ý hành”. Trong đây nên biết gió của hơi thở ra vào gọi là thân hành. Vì gió làm tiền dẫn khiến thân nghiệp chuyển, nên nghiệp tạo tác của thân cũng gọi là thân hành. Do kẻ ngu si trước phát khởi thuận theo gió thân nghiệp rồi, về sau mới khởi thân nghiệp nhiễm ô. Như hơi thở

ra vào năng khởi thân nghiệp nên gọi là thân hành, thì tâm tứ và các ngữ nghiệp đồng gọi là ngữ hành. Thọ, tưởng và tư nghiệp đồng gọi là ý hành. Như vậy tất cả nói chung là thân hành, ngữ hành và ý hành.

Các *hữu* sanh ở giới nào, địa nào? Nên biết chi hữu tức là nhiếp thuộc đây. Lại trong mười hai chi, hành và hữu nhiếp thuộc 2 nghiệp. Vô minh, ái, thủ nhiếp thuộc 3 phiền não. Nên biết chi còn lại đều nhiếp thuộc sự. Lại trong 2 nghiệp, thứ nhất nhiếp thuộc nghiệp dẫn dắt gọi là *hành*, thứ hai nhiếp thuộc nghiệp sanh gọi là *hữu*. Trong 3 phiền não, thì 1 năng phát khởi nghiệp dẫn dắt gọi là vô minh, 2 năng phát khởi nghiệp sanh gọi là ái và thủ. Trong các chi còn lại nhiếp thuộc sự, 2 ch. nhiếp thuộc khổ ở đời vị lai là sanh và lão tử, 5 chi nhiếp thuộc nhân khổ ở vị lai là ở hiện tại từ hành. duyên thức cho đến xúc duyên thọ. Lại 5 chi đây cũng nhiếp thuộc chi khổ hiện tại. Do nhân đời trước nên nay được sanh khởi, nhiếp thuộc quả dị thực, đó là: thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ. Lại 5 chi nhiếp thuộc quả hiện tại và 2 chi nhiếp thuộc quả vị lai, đều gọi chung là duyên khởi nhiếp thuộc quả. Nên

biết chi còn lại là duyên khởi nhiếp thuộc nhân.

Lại nữa, lược do năm điều là nhân năng sanh khởi sự không hiểu biết: 1. Nghi năng sanh khởi; 2. Ái năng sanh khởi; 3. Tín phi xứ năng sanh khởi; 4. Kiến năng sanh khởi; 5. Tăng thượng mạn năng sanh khởi.

Chỗ không hiểu biết đối với tiền tế là nghi năng sanh khởi, tức là nghi như vậy: “Ta ở quá khứ là từng có chăng? Đã từng không chăng?”. Hết thấy nghi như vậy chuyển trong ba đời, như kinh rộng thuyết. Quá khứ gọi là tiền tế, vị lai gọi là hậu tế. Hiện tại gọi là tiền hậu tế, vì chờ đợi đời quá khứ tức là hậu tế, vì chờ đợi đời vị lai tức là tiền tế. Nếu nghi quá khứ nên biết nghi đây phát khởi do không hiểu biết đối với tiền tế. Nếu nghi vị lai, nên biết nghi đây phát khởi do không hiểu biết đối với hậu tế. Nếu bên trong phát khởi nghi hoặc như vậy: “Những gì là ta? Ta là những gì? Nay hữu tình từ đâu đến đây? Ở đây chết rồi sẽ đi đến đâu?”. Nên biết nghi đây phát sanh là do không hiểu biết đối với tiền hậu tế.

Lại không hiểu biết đối với bên trong, không hiểu biết đối với bên ngoài, không hiểu biết đối



với trong ngoài, nên biết là nội ngoại ái năng sanh khởi và ái hậu hữu, ái đồng hành hỷ tham, ái hỷ lạc kia kia.

Lại nếu không hiểu biết đối với nghiệp, không hiểu biết đối với dị thực, không hiểu biết đối với nghiệp dị thực, tức là các hữu tình kia không hiểu biết đối với nghiệp mà mình đã gây tạo làm duyên, nên đối với các cõi trời Tự tại, trời Tỳ-sắc-rô, trời Thế chủ... không phải là xứ chân chánh, mà sanh mong cầu quay về nương tựa kính tin.

Lại nếu không hiểu biết đối với Phật... cho đến không hiểu biết đối với đạo, nên biết là các kiến năng sanh. Vì sao? Do không thông đạt chân chánh đối với Tam Bảo và bốn Thánh đế, cho đến năng sanh 62 kiến, khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Không có thí, không có thọ”, nói rộng cho đến chỗ có các tà kiến.

Lại nếu không hiểu biết đối với nhân và không hiểu biết đối với nhân sanh pháp thiện, bất thiện... thì như kinh rộng thuyết: do không hiểu biết đây, đối với đường đến cõi thiện và phương tiện đến cõi thiện phát sanh tăng thượng mạn. Vì sao? Do ở nơi pháp thiện, bất thiện... mà không như thật biết

quả ái, phi ái... cho nên ở nơi không phải phương tiện mà khởi tưởng cho là chánh phương tiện, thực hành những hạnh như tự nhịn đói, nhảy vào lửa, từ núi cao gieo mình xuống... để cầu sanh thiên.

Lại không hiểu biết đối với sáu xúc xứ, không như thật thông đạt đặc quả Sa-môn, nên khởi tăng thượng mạn. Vì có sao? Do trí không như thật thông đạt sáu xúc xứ mà lại sanh tăng thượng mạn. Nên biết trong đây hoặc phương tiện sanh cõi trời tăng thượng mạn, hoặc quả Sa-môn tăng thượng mạn, hợp chung là hai tăng thượng mạn.

Như vậy, vô minh năng sanh 5 chủng tạp nhiễm, đó là: nghi tạp nhiễm, ái tạp nhiễm, tín giải tạp nhiễm, kiến tạp nhiễm và tăng thượng mạn tạp nhiễm.

Do bị tạp nhiễm bởi nghi tạp nhiễm, nên tất cả ngu phu kết thành nghi hoặc, lại tín thuận đối với người dẫn đường lầm lạc, ở trong hiện pháp thọ nhiều khổ não, chẳng trụ an ổn.

Do bị tạp nhiễm bởi ái tạp nhiễm, nên dẫn sanh hậu hữu, tất cả đại khổ sanh, lão, bệnh...

Do bị tạp nhiễm bởi tín giải tạp nhiễm, hoặc cho là không nhân, hoặc kể chấp Tự tại thiên...

nhân không bình đẳng mà cho là chánh nhân, phỉ báng tất cả tác dụng sī phu..

Do bị tạp nhiễm bởi kiến giải tạp nhiễm, tùy ý gây tạo tất cả ác hạnh, năng cảm các khổ đường ác ở đời vị lai.

Do bị tạp nhiễm bởi tăng thượng mạn tạp nhiễm khiến dụng sī phu thành không có quả, hoặc quả khác đi.

Lại nữa, duyên khởi thiện xảo như phần *Bản địa* đã rộng phân biệt, cho nên văn quyết trích phần duyên khởi thiện xảo còn lại không cần nói thêm.



## Quyển 57

### Thứ 1. NĂM THỨC THÂN TƯỚNG ỨNG ĐỊA

### Thứ 2. Ý ĐỊA

### Phần 7

Như vậy đã thuyết duyên khởi thiện xảo, Ta nay sẽ thuyết về **xứ, phi xứ thiện xảo**. Ốt-Đà-Nam nói chung:

*Thế, hiển bày làm đầu*

*Môn, sai biệt theo sau.*

**Hỏi:** Những gì là xứ?

**Đáp:** Ở nơi sự kia, lý không trái nhau.

**Hỏi:** Những gì là phi xứ?

**Đáp:** Ở nơi sự kia, lý có trái nhau.

Đây gọi là thể của xứ, phi xứ.

**Hỏi:** Cớ sao Thế Tôn hiển bày chỉ dạy xứ, phi xứ thiện xảo?

**Đáp:** Vì muốn hiển thị dù nhiễm ô hay thanh tịnh, trí phương tiện chân chánh không bị hoại mất.

**Hỏi:** Nên dùng bao nhiêu môn quán sát xứ, phi xứ?

**Đáp:** Bốn. Do Phật Thế Tôn chỉ dùng bốn môn này để tuyên thuyết tất cả xứ, phi xứ. Những gì là bốn? 1. Môn thành biện; 2. Môn hộ hợp; 3. Môn chứng đắc; 4. Môn hiện hành.

**Hỏi:** Duyên nào dùng bốn môn đây để thuyết về xứ, phi xứ?

**Đáp:** Vì muốn hiện khắp tất cả chủng sai biệt. Sao gọi là tất cả chủng sai biệt? Là tướng sai biệt của tất cả môn ở trên. Ta nay sẽ thuyết tướng sai biệt của môn thành biện ban đầu, không nhiếp lấy tướng của môn khác.

**1. Tướng sai biệt của môn thành biện xứ, phi xứ:** a. Do vượt sở tác của các căn; b. Do vượt sở tác của đại chủng; c. Do vượt sở tác của vật dụng.

Vượt sở tác của các căn: Không xứ không vị, nhãn có khả năng nghe tiếng, ngửi hương, nếm vị, nhận biết các xúc... ắt không phải thị xứ. Chỉ năng thấy các sắc, đó là thị xứ. Như nhãn căn, thì sắc căn còn lại tùy theo chỗ thích hợp theo đó mà biết.

Vượt sở tác của đại chủng: Không xứ không vị, địa có khả năng làm thành dụng của thủy, hỏa, phong, tất không phải thị xứ. Chỉ năng tạo làm các

nghiệp dụng của địa, đó là thị xứ. Như địa, thì các địa chủng còn lại tùy theo chỗ thích hợp theo đó mà biết.

Vượt sở tác của vật dụng: Không xứ không vị, từ một chủng loại này sanh ra mầm loại khác, tất không phải thị xứ. Chỉ có tự chủng loại sanh, đó là thị xứ. Như không xứ không vị, sừng trâu mà vắt ra sữa, hẳn không phải thị xứ. Từ nhũ vắt ra sữa, đó là thị xứ. Như không xứ không vị, cô đặc nước trong bình mà xuất hiện tô, tất không phải thị xứ. Nấu cô đặc lạc sanh tô, đó là thị xứ. Như không xứ không vị, ép cát ra dầu hẳn không phải thị xứ. Ép thực vật ra dầu, đó là thị xứ. Như không xứ không vị, cọ xát cây ẩm ướt mà có lửa, tất không phải thị xứ; cọ xát cây khô phát sanh lửa, đó là thị xứ.

Hết thấy loại như vậy nên biết quán sát tướng sai biệt của môn thành biện xứ, phi xứ thứ nhất.

**2. Tướng sai biệt của môn hội hợp xứ, phi xứ:** Không xứ không vị, ánh sáng và bóng tối cùng một lúc tụ hội hòa hợp thì không phải thị xứ. Chỉ một nơi cái thứ nhất sanh, cái thứ hai không sanh, đó là thị xứ. Không xứ không vị, phần thô

của nước và lửa cùng một lúc tụ hội hòa hợp thì không phải thị xứ. Ở một nơi chỉ có một chủng loại, đó là thị xứ. Không xứ không vị, hai tụ sắc thô tụ hội hòa hợp chung một chỗ thì không phải thị xứ. Chỉ một cực vi, đó là thị xứ. Không xứ không vị, tâm và pháp của tâm đồng một chủng loại cùng lúc tụ hội hòa hợp thì không phải thị xứ. Chỉ một loại phát sanh, đó là thị xứ. Không xứ không vị, đồng một chủng loại hoặc thiện, bất thiện; hoặc thiện vô ký, bất thiện vô ký; hoặc khổ, hoặc vui cùng lúc tụ hội hòa hợp thì không phải thị xứ. Chỉ tùy có một chủng, đó là thị xứ. Không xứ không vị, quả ái, phi ái cùng lúc tụ hội hòa hợp thì không phải thị xứ. Chỉ tùy có một loại, đó là thị xứ.

Hết thấy loại như vậy là quán sát tướng sai biệt của môn hội hợp xứ, phi xứ thứ hai.

**3. Tướng sai biệt của môn chứng đắc xứ, phi xứ:** Không xứ không vị, thạch nữ sanh con thì không phải thị xứ. Nếu không phải thạch nữ, đó là thị xứ. Không xứ không vị, bán nữ năng sanh nam nữ thì không phải thị xứ. Nếu là nam và nữ mà căn

nam, nữ không hư hoại, đó là thị xứ. Không xứ không vị, mắt mù mà thấy sắc, tai điếc nghe âm thanh, tử, thiệt hư hoại mà ngửi hương, nếm vị, thì không phải thị xứ. Các căn không hư hoại, đó là thị xứ. Không xứ không vị, ở trong hiện pháp tư lương chưa đầy đủ mà chứng học, vô học cứu cánh giải thoát thì không phải thị xứ. Đã có đầy đủ tư lương, đó là thị xứ. Không xứ không vị, chưa đắc thánh đạo mà năng chứng Niết-bàn, hoặc chứng Thanh văn, Độc giác Bồ-đề, hoặc chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thì không phải thị xứ. Đã đắc thánh đạo, đó là thị xứ. Không xứ không vị, hoặc hữu tình ở cõi người mà ăn các thứ cỏ như bàng sanh, hoặc chúng chư thiên mà ăn thức ăn như người, hoặc ở Sắc, Vô sắc giới mà ăn bằng cách đoạn thực thì không phải thị xứ. Trái với tướng trên, đó là thị xứ. Không xứ không vị, không xả bỏ thân hình địa ngục mà được thân người, cho đến không xả bỏ thân hình này mà được thân hình khác, thì không phải thị xứ. Đã xả thân này, có được thân khác, đó là thị xứ.

Hết thấy loại như vậy, nên biết quán sát tướng sai biệt của môn chứng đắc xứ, phi xứ thứ ba.



**4. Tướng sai biệt của môn hiện hành xứ, phi xứ:** Không xứ không vị, xả tự tướng địa thành tướng giới khác thì không phải thị xứ. Không xả tự tướng, đó là thị xứ. Như địa, thì các đại chủng khác nên biết cũng vậy. Không xứ không vị, sanh trưởng ở Dục giới không được thiên nhãn mà thấy các sắc của cõi trời thì không phải thị xứ. Chỉ thấy được sắc người, đó là thị xứ. Tùy chỗ thích hợp nên biết các căn khác cũng vậy. Không xứ không vị, người có tham ái, bị tham ái chướng che, chưa thể đoạn dứt tham ái mà đối với tiền tài lợi dưỡng tâm li nhiễm đắm thì không phải thị xứ. Tùy theo chỗ thích hợp nên biết sân, si cũng vậy. Không xứ không vị, không đoạn trừ tất cả phiền não tham... tùy phiền não triền mà tu tập bốn niệm trụ thì không phải thị xứ. Trái với tướng trên, đó là thị xứ. Như tu tập bốn niệm trụ, thì tu tập pháp Bồ-đề phần khác nên biết cũng vậy. Không xứ không vị, ở chỗ Như Lai mà không xả tâm đấu tranh, hoặc không được dạy trao, khai mở, cho phép, mà năng trực tiếp thấy Như Lai thì không phải thị xứ. Hoặc xả bỏ, hoặc hứa xả bỏ, đó là thị xứ. Không xứ không vị, tất cả bậc trí, tất cả bậc có chánh kiến,

ở nơi cảnh sở tri mà không biết hoặc bị chướng che khiến quên mất niệm, tạo làm những điều chẳng phải của bậc trí giả, thì không phải thị xứ. Trái với tướng trên, đó là thị xứ. Không xứ không vị, chư Bồ-tát đã nhập đại địa mà đối với các hữu tình khởi tâm tổn hại, hoặc thối chuyển tâm Bồ-đề thì không phải thị xứ. Trái với tướng trên, đó là thị xứ.

Hết thấy loại như vậy là quán sát tướng sai biệt của môn hiện hành xứ, phi xứ.

Lại nương điều đã nói ở trước thì lược có bốn xứ và bốn phi xứ, cần quán sát chân chánh về quán đãi đạo lý, tác dụng đạo lý, chứng thành đạo lý và pháp nhĩ đạo lý. Nếu ở nơi đạo lý như vậy mà hiển bày tuyên thuyết không trái nghịch, thì gọi là thị xứ. Nếu thị hiện tuyên thuyết trái với trên, thì gọi là phi xứ. Bốn chủng như vậy và những điều đã thuyết trước hợp thành tám chủng xứ, phi xứ thiện xấu.

**Hỏi:** Duyên khởi thiện xấu và xứ, phi xứ thiện xấu có sai khác gì?

**Đáp:** Ở nơi đạo lý nhân quả mà sanh khởi chánh trí liễu biệt rõ ràng, gọi là duyên khởi thiện

xảo. Nếu ở nơi tất cả lý không điên đảo mà chánh trí liễu biệt rõ ràng, gọi là xứ, phi xứ thiện xảo. Văn quyết trạch phân xứ, phi xứ thiện xảo còn lại không hiển nói thêm.

Như vậy đã thuyết về xứ, phi xứ thiện xảo, Ta nay sẽ thuyết về **căn thiện xảo**. Ôt-Đà-Nam nói chung:

*Nghĩa, ý, kiến lập đi đâu  
Rộng phân biệt khắp theo sau.*

**Hỏi:** Những gì là nghĩa căn?

Đáp: Nghĩa tăng thượng là nghĩa căn.

**Hỏi:** Vì hiển nghĩa nào?

Đáp: Vì hiển nghĩa: ở nơi kia, pháp của sự kia vượt thắng hơn cả.

Những gì là 22 căn? 1. Nhãn căn; 2. Nhĩ căn; 3. Tỷ căn; 4. Thiệt căn; 5. Thân căn; 6. Ý căn; 7. Nam căn; 8. Nữ căn; 9. Mạng căn; 10. Căn khổ; 11. Căn lạc; 12. Căn ưu; 13. Căn hỷ; 14. Căn xả; 15. Tín căn; 16. Tấn căn; 17. Niệm căn; 18. Định căn; 19. Tuệ căn; 20. Căn chưa biết muốn biết; 21. Căn đã biết; 22. Căn biết đầy đủ.

Sao gọi là kiến lập 22 căn? Vì nghĩa năng thủ

cảnh tăng thượng, kiến lập 6 căn. Vì nghĩa an lập gia tộc tiếp nối không đoạn dứt tăng thượng, kiến lập 2 căn. Vì nghĩa phương tiện sự nghiệp nuôi sống tánh mạng, kiến lập 1 căn. Vì nghĩa thọ dụng nghiệp quả tăng thượng, kiến lập 5 căn. Vì nghĩa thế gian thanh tịnh tăng thượng, kiến lập 5 căn. Vì nghĩa xuất thế gian thanh tịnh tăng thượng, kiến lập 3 căn.

Lại vì nghĩa hiển thọ dụng cảnh tăng thượng, kiến lập 6 căn. Vì nghĩa ẩn thọ dụng cảnh tăng thượng, kiến lập 2 căn. Vì nghĩa thọ dụng thời, khắc, ngần mé cảnh giới tăng thượng, kiến lập 1 căn. Vì nghĩa thọ dụng cảnh giới phát sanh tạp nhiễm tăng thượng, kiến lập 5 căn. Vì nghĩa an lập thanh tịnh tăng thượng, kiến lập 8 căn.

Lại vì nghĩa ở nơi nội môn thọ dụng cảnh giới tăng thượng, kiến lập 6 căn. Vì nghĩa ở nơi ngoại môn thọ dụng cảnh giới tăng thượng, kiến lập 2 căn. Vì nghĩa thọ dụng nội thân tăng thượng, kiến lập 1 căn. Vì nghĩa thọ dụng ngoại cảnh cùng với nội thân phát sanh tạp nhiễm tăng thượng, kiến lập 5 căn. Vì nghĩa đối trị tạp nhiễm, an lập thanh tịnh tăng thượng, kiến lập 8 căn.

Lại vì nghĩa nương vào đoạn nghiêm tăng thượng, kiến lập 5 căn. Vì nghĩa năng khiến nương theo đó tùy chuyển tự tại tăng thượng, kiến lập 1 căn. Vì nghĩa nương vào an trụ tăng thượng, kiến lập 1 căn. Vì nghĩa nương vào xuất sanh tăng thượng, kiến lập 2 căn. Vì nghĩa nương vào tổn ích tăng thượng, kiến lập 5 căn. Vì nghĩa nương vào giải thoát tăng thượng, kiến lập 8 căn.

Lại vì nghĩa hiển rõ sự hữu tình tăng thượng, kiến lập 6 căn. Vì nghĩa sự sanh của hữu tình tăng thượng, kiến lập 2 căn. Vì nghĩa sự khiến hữu tình hoặc sống hoặc chết tăng thượng, kiến lập 1 căn. Vì nghĩa hiển các hữu tình thọ dụng cảnh giới tăng thượng, kiến lập 5 căn. Vì nghĩa hiển phương tiện sanh thù thắng của các hữu tình tăng thượng, kiến lập 5 căn. Vì nghĩa hiển phương tiện định thù thắng của các hữu tình, kiến lập 3 căn.

Lại vì nghĩa hiển rõ sự hữu tình tăng thượng, kiến lập 6 căn. Vì nghĩa hiển rõ tăng trưởng của hữu tình tăng thượng, kiến lập 2 căn. Vì nghĩa hiển rõ thọ mạng của hữu tình dần dần tổn giảm tăng thượng, kiến lập 1 căn. Vì nghĩa hiển rõ hưng thịnh, suy tổn của hữu tình tăng thượng, kiến lập

5 căn. Nghĩa hiển rõ công đức, lỗi lầm của hữu tình tăng thượng, kiến lập 8 căn.

Lại vì nương danh như vậy, kiến lập 6 căn. Vì nương chủng như vậy, tánh như vậy, kiến lập 2 căn. Vì nương trường thọ như vậy, sống lâu như vậy, thọ mạng giới hạn như vậy, kiến lập 1 căn. Vì nương ăn như vậy, thọ khổ vui như vậy, kiến lập 5 căn. Nên biết các căn đây nương phẩm tại gia mà thi thiết kiến lập. Vì nương tín như vậy, tinh tấn như vậy, cho đến tuệ như vậy, hướng như vậy, quả như vậy mà kiến lập 8 căn. Nên biết các căn đây nương phẩm xuất gia mà thi thiết kiến lập.

Lại vì nghĩa nương hành giả tu tập phòng hộ căn môn tăng thượng, kiến lập 6 căn. Vì nghĩa kham năng xuất gia chứng quả Sa-môn tăng thượng, kiến lập 2 căn. Vì nghĩa tích tập phẩm thiện tăng thượng, kiến lập 1 căn. Vì nghĩa hành theo chánh biết tăng thượng, kiến lập 5 căn. Vì nghĩa chứng quả Sa-môn tăng thượng, kiến lập 5 căn. Vì nghĩa chứng quả Sa-môn tăng thượng, kiến lập 3 căn.

Trong Ốt-Đà-Nam nói:

*Theo cảnh giới chuyển thầy*

*Do hiển và nội môn*

*Trang nghiêm, hai hữu tình  
Giả thiết, phòng hộ thủy.*

**Hỏi:** Nhãn căn làm những nghiệp gì?

Đáp: Là tạo nghiệp đã thấy, nay thấy, sẽ thấy các cảnh sắc. Như vậy, sở hữu tác nghiệp của nhãn căn cho đến ý căn nên biết cũng vậy.

**Hỏi:** Nam căn, nữ căn làm những nghiệp gì?

Đáp: Là tạo nghiệp nhiếp thọ cha mẹ, vợ con, thân thích, quyến thuộc xoay vần.

**Hỏi:** Mạng căn làm những nghiệp gì?

Đáp: Là tạo nghiệp khiến các hữu tình rơi trong số giữ gìn, tồn tại, sông còn.

**Hỏi:** Căn nhiếp thuộc thọ làm những nghiệp gì?

Đáp: Là tạo nghiệp khiến các hữu tình lãnh nạp tất cả việc hưng thịnh, suy tổn.

**Hỏi:** Các căn như tín... làm những nghiệp gì?

Đáp: Là tạo nghiệp năng sanh các cõi thiện và năng viên mãn tư lương Niết-bàn.

**Hỏi:** Ba căn sau cùng làm những nghiệp gì?

Đáp: Là tạo nghiệp năng ở hiện pháp hướng đến chứng Niết-bàn.

**Hỏi:** Các căn như vậy bao nhiêu là thật có,

bao nhiêu là không thật có?

Đáp: Mười sáu là thật có, 6 là không thật có.

**Hỏi:** Sắc nhiếp bao nhiêu?

Đáp: Bảy.

**Hỏi:** Tâm nhiếp bao nhiêu?

Đáp: Một, ít phần của 3.

**Hỏi:** Tâm pháp nhiếp bao nhiêu?

Đáp: Mười, ít phần của 3.

**Hỏi:** Tâm không tương ưng hành nhiếp bao nhiêu?

Đáp: Một.

**Hỏi:** Hữu vi nhiếp bao nhiêu?

Đáp: Tất cả căn là hữu vi, không có căn là vô vi.

**Hỏi:** Hai căn nam và nữ thuộc phần căn nào?

Đáp: Thuộc phần căn thân.

**Hỏi:** Ba căn sau cùng thuộc những phần căn nào?

Đáp: Thuộc 9 căn: ý căn, 5 căn là tín tấn niệm định tuệ căn và căn lạc, căn hỷ, căn xả.

**Hỏi:** Mạng căn thuộc những phần căn nào?

Đáp: Mạng căn không thuộc phần căn nào, vì nương theo nghiệp trước dẫn dắt phần giới hạn thọ lượng quyết định mà được kiến lập, chỉ là giả có.



**Hỏi:** Bao nhiêu căn thiện?

Đáp: Hoặc 8, hoặc 5, ít phần của 6.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn bất thiện?

Đáp: Ít phần của 6.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn vô ký?

Đáp: Tám, ít phần của 5.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn có dị thực?

Đáp: Một, ít phần của 10.

**Hỏi:** Bao nhiêu không dị thực?

Đáp: Mười một, ít phần của 10.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn trợ bạn có dị thực?

Đáp: Ba căn rốt sau năng làm trợ bạn có pháp dị thực khả ái khiến triển chuyển sáng sạch mạnh mẽ, năng quyết định chiêu cảm dị thực là trời, người.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn là dị thực?

Đáp: Một, ít phần của 9.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn có chủng tử dị thực?

Đáp: Tất cả đều có.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn chẳng phải dị thực?

Đáp: Mười hai, ít phần của 9.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn là dị thực sanh?

Đáp: Cũng nhiếp thuộc tất cả chủng tử, vì dị

thục sanh khởi.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn hệ buộc Dục giới?

Đáp: Bốn, ít phần của 15.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn hệ buộc Sắc giới?

Đáp: Mười, ít phần của 5.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn hệ buộc Vô sắc giới?

Đáp: Ít phần của 8.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn không bị hệ buộc?

Đáp: Ba, ít phần của 9.

**Hỏi:** Vị chí địa có bao nhiêu căn khả đắc?

Đáp: Mười.

**Hỏi:** Nếu Vị chí địa mà có hỷ căn, cứ sao chẳng kiến lập hỷ của Sơ tinh lự địa?

Đáp: Do hỷ ở Sơ tinh lự địa có thể chuyển biến.

**Hỏi:** Hỷ có ở địa kia, vậy lấy gì làm chứng?

Đáp: Như Thế Tôn dạy: “Bí-sô như vậy ly sanh hỷ lạc thấm nhuần nơi thân, thấm nhuần trải khắp, hỷ duyệt trải khắp, không có chút phần nào mà không sung mãn. Như vậy gọi là ly sanh hỷ lạc”.

Trong đây môn ban đầu nói vị của Vị chí, môn sau nói về vị Căn bản.

**Hỏi:** Ở Sơ tinh lự địa, bao nhiêu căn khả đắc?

**Đáp:** Mười tám. Đệ nhị tinh lự địa cũng vậy.

**Hỏi:** Đệ tam tinh lự địa có bao nhiêu căn khả đắc?

**Đáp:** Mười bảy.

**Hỏi:** Đệ tứ tinh lự địa có bao nhiêu căn khả đắc?

**Đáp:** Mười sáu.

**Hỏi:** Không vô biên xứ địa có bao nhiêu căn khả đắc?

**Đáp:** Mười một. Như Không vô biên xứ địa, thì Thức vô biên xứ địa và Vô sở hữu xứ địa cũng vậy.

**Hỏi:** Phi tướng phi phi tướng xứ địa có bao nhiêu căn khả đắc?

**Đáp:** Tám.

**Hỏi:** Các căn nhiếp thuộc Sơ tinh lự địa gọi là hữu lậu hay vô lậu?

**Đáp:** Nên gọi cả hai chủng.

Như căn nhiếp thuộc Sơ tinh lự địa, cho đến các căn nhiếp thuộc Vô sở hữu xứ địa nên biết cũng vậy. Các căn nhiếp thuộc Phi tướng phi phi tướng xứ địa gọi là hữu lậu. Đây ở trong phạm vi chủng loại mà nói. Nếu trong phạm vi tương tục thì phải nói cả hai chủng là hữu lậu và vô lậu. Lại

do giải thoát phiền não khiến các căn kia thành tánh vô lậu. Như hữu lậu, vô lậu, thì nên đoạn, không nên đoạn, thế gian, xuất thế gian nên biết cũng vậy.

**Hỏi:** Nếu sanh ở Dục giới thành tựu bao nhiêu căn?

**Đáp:** Bao gồm hết thấy.

**Hỏi:** Nếu sanh ở địa ngục thành tựu bao nhiêu căn?

**Đáp:** Tám. Chủng tử hiện hành đều thành tựu. Trừ 3, còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Ba đây trong phạm vi hiện hành thì không thành tựu; trong phạm vi chủng tử, nếu thành tựu gọi là pháp Bát-niết-bàn, nếu không thành tựu gọi là không pháp Bát-niết-bàn. Ba chủng khác vì hiện hành thì không thành tựu, vì chủng tử thì thành tựu. Như sanh trong cõi địa ngục chỉ một hướng khổ, thì bằng sanh, ngã quỷ nên biết cũng vậy. Nếu cõi thọ vui khổ lẫn tạp, 3 chủng sau cũng hiện hành, thành tựu.

**Hỏi:** Nếu sanh trong cõi người, thành tựu bao nhiêu căn?

**Đáp:** Bao gồm hết thấy. Như sanh trong cõi

người, thì sanh trong cõi trời cũng vậy.

**Hỏi:** Những người khuyết căn thành tựu bao nhiêu căn?

**Đáp:** Trừ 5 căn, còn lại đều có đủ.

**Hỏi:** Những người đủ căn, thành tựu bao nhiêu căn?

**Đáp:** Có tất cả.

**Hỏi:** Những người bán nữ thành tựu bao nhiêu căn?

**Đáp:** Trừ 5 căn, còn lại có đầy đủ.

**Hỏi:** Nữ thành tựu bao nhiêu căn?

**Đáp:** Bao gồm 21 căn.

**Hỏi:** Nam thành tựu bao nhiêu căn?

**Đáp:** Cũng có 21 căn.

**Hỏi:** Những người hai hình thành tựu bao nhiêu căn?

**Đáp:** Bao gồm 19 căn.

**Hỏi:** Người đoạn thiện căn thành tựu bao nhiêu căn?

**Đáp:** Trừ 8 căn, còn lại đều có đủ.

**Hỏi:** Người không đoạn thiện căn thành tựu bao nhiêu căn?

**Đáp:** Bao gồm hết thảy.

**Hỏi:** Các dị sanh thành tựu bao nhiêu căn?

**Đáp:** Mười chín căn, trừ 3 căn sau cùng.

**Hỏi:** Những người kiến đế thành tựu bao nhiêu căn?

**Đáp:** Bao gồm hết thấy.

**Hỏi:** Hữu học thành tựu bao nhiêu căn?

**Đáp:** Bao gồm 21 căn.

**Hỏi:** Vô học thành tựu bao nhiêu căn?

**Đáp:** Bao gồm 19 căn.

**Hỏi:** Hương quả Dự lưu thành tựu bao nhiêu căn?

**Đáp:** Bao gồm 20 căn.

**Hỏi:** Quả Dự lưu thành tựu bao nhiêu căn?

**Đáp:** Cũng bao gồm 20 căn. Như quả Dự lưu, thì hương quả Nhất lai, quả Nhất lai, hương quả Bất hoàn nên biết cũng vậy.

**Hỏi:** Quả Bất hoàn thành tựu bao nhiêu căn?

**Đáp:** Bao gồm 19 căn. Như quả Bất hoàn thì hương A-la-hán cũng vậy.

**Hỏi:** A-la-hán quả thành tựu bao nhiêu căn?

**Đáp:** Bao gồm 19 căn.

**Hỏi:** Nếu sanh ở Sắc giới thành tựu bao nhiêu căn?

**Đáp:** Bao gồm 18 căn.

**Hỏi:** Nếu sanh ở Vô sắc giới thành tựu bao nhiêu căn?

**Đáp:** Bao gồm 11 căn.

**Hỏi:** Nếu ở Dục giới mất đi mà sanh trở lại Dục giới thì xả bao nhiêu căn, được bao nhiêu căn?

**Đáp:** Trong phạm vi các căn có sắc: hoặc xả các căn khuyết, được các căn khuyết; hoặc xả các căn khuyết, được các căn đủ; hoặc xả các căn đủ, được các căn đủ; hoặc xả các căn đủ, được các căn khuyết; hoặc xả các căn kém, được các căn kém; hoặc xả các căn kém, được các căn diệu; hoặc xả các căn diệu, được các căn kém; hoặc xả các căn diệu, được các căn diệu hơn. Ý căn, mạng căn diệu, kém, xả, được, nên biết cũng vậy. Nếu các căn thọ diệu, kém, xả, được, tùy theo chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Đây trong phạm vi quả dị thực nên có sự sai biệt. Nếu các thiện căn trong phạm vi quả đẳng lưu, thì trước xả kém, về sau được diệu, vì không do sanh vậy; xả diệu được kém, vì về sau tà phương tiện vậy. Ba căn rốt sau ở tất cả vị đều trái với tướng sanh, nên không thuyết.

**Hỏi:** Từ Dục giới mất sanh ở Sắc giới, xả bao nhiêu căn, được bao nhiêu căn?

**Đáp:** Xả tất cả căn của địa dưới, được tất cả căn của địa trên. Như từ Dục giới mất sanh ở Sắc giới, thì từ Sắc giới mất sanh ở Vô sắc nên biết cũng vậy. Ba căn sau cùng do phương tiện chứng quả Sa-môn mà được, chẳng do chết mà sanh. Trước do lực tu tập nhậm vận giữ gìn, về sau quả đẳng lưu triển chuyển thành tự mà sanh. Lại đây năng làm duyên sanh quả dị thục khiến triển chuyển sáng sạch mạnh mẽ. Trong Ốt-Đà-Nam nói:

*Nghiệp, thật có, sắc thấy  
Thiện thấy, dị thục thấy  
Hoặc giới, hoặc các địa  
Và tử, sanh, được, xả.*

**Hỏi:** Bao nhiêu căn do nghĩa cảnh giới mà được gọi là có nghĩa? Bao nhiêu chẳng phải?

**Đáp:** Hai một căn gọi là có nghĩa, một căn chẳng phải.

**Hỏi:** Bao nhiêu ở nơi phi sắc, nghĩa trợ bạn chuyển?

**Đáp:** Bảy sắc căn.



**Hỏi:** Bao nhiêu căn sắc có phi sắc làm trợ bạn?

**Đáp:** Nghĩa căn còn lại.

**Hỏi:** Năm sắc căn có nghĩa gì?

**Đáp:** Cảnh của năm sắc... mỗi mỗi riêng biệt.

**Hỏi:** Căn thứ sáu có nghĩa gì?

**Đáp:** Tất cả pháp.

**Hỏi:** Nam, nữ căn có nghĩa gì?

**Đáp:** Nhân tương ưng dục, tức là nhiếp thuộc xúc.

**Hỏi:** Năm căn thọ có nghĩa gì?

**Đáp:** Tùy thuận khổ, lạc, ưu, hỷ, xả xứ, tức là nghĩa sáu căn.

**Hỏi:** Tín căn có nghĩa gì?

**Đáp:** Sở hữu cảnh giới nên được, nên xả.

**Hỏi:** Tinh tấn căn có nghĩa gì?

**Đáp:** Tức là ở nơi hai chủng hoặc được hoặc xả đều không hãi sợ.

**Hỏi:** Niệm căn có nghĩa gì?

**Đáp:** Ở nơi văn, tư, tu, nhớ giữ chẳng quên mất.

**Hỏi:** Định căn có nghĩa gì?

**Đáp:** Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

**Hỏi:** Tuệ căn có nghĩa gì?

**Đáp:** Sở tri chân thật.

**Hỏi:** Những gì là căn chưa biết muốn biết?

**Đáp:** Người tu hiện quán đế, từ dục thiện pháp trở về trước, ở trong tất cả phương tiện đạo, nên biết nghĩa của năm căn kia là nghĩa đây vậy.

**Hỏi:** Nghĩa gì là căn đã biết?

**Đáp:** Từ quả Dự lưu cho đến định Kim cương dụ. Nên biết nghĩa năm căn kia cũng tức là nghĩa đây.

**Hỏi:** Nghĩa gì là căn biết đầy đủ?

**Đáp:** Từ đạo vô học đầu tiên cho đến Vô dư Niết-bàn giới, nên biết nghĩa năm căn kia cũng tức là nghĩa đây.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn hữu sắc lấy hữu sắc làm nghĩa?

**Đáp:** Bảy căn.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn vô sắc lấy hữu sắc, vô sắc làm nghĩa?

**Đáp:** Trừ mạng căn, còn lại tất cả căn.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn phi hữu sắc phi vô sắc lấy phi hữu sắc phi vô sắc làm nghĩa?

**Đáp:** Mạng căn, vì đây là pháp giả có.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn có thể thấy, lấy có thể thấy làm nghĩa?

Đáp: Tất cả chẳng phải có thể thấy, bởi trong một hữu sắc, một phần lấy có thể thấy làm nghĩa, một phần còn lại chẳng phải hữu sắc.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn có đối ngại, lấy có đối ngại làm nghĩa?

Đáp: Bảy căn hữu sắc và một phần còn lại vô sắc, không đối ngại.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn hữu lậu, lấy hữu lậu làm nghĩa?

Đáp: Chỉ có 7, trừ 2 căn cuối cùng và căn khổ, ưu. Căn hữu lậu vô lậu còn lại lấy hữu lậu vô lậu làm nghĩa. Nên biết căn khổ hữu lậu vô lậu lấy hữu lậu làm nghĩa. Căn ưu hữu lậu lấy hữu lậu vô lậu làm nghĩa. Ở nơi căn chưa biết muốn biết, nếu xa quả Sa-môn nhiếp thuộc hành thế gian là hữu lậu; nếu gần quả Sa-môn, nhiếp thuộc hành thế gian là vô lậu.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn hữu vi, lấy hữu vi làm nghĩa?

Đáp: Tất cả căn đều là hữu vi, lấy 8 căn hữu vi làm nghĩa, lấy căn hữu vi vô vi còn lại làm nghĩa.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn hữu tránh, lấy hữu tránh làm nghĩa?

**Đáp:** Như đã thuyết căn hữu lậu, thì đây cũng vậy. Như đã thuyết về căn hữu tránh, nên biết căn có ái vị, nương đam mê vui thích thế gian, xuất thế gian... cũng vậy.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn quá khứ, lấy quá khứ làm nghĩa?

**Đáp:** Trừ căn hữu sắc và căn khổ, một phần còn lại lấy quá khứ làm nghĩa. Nếu căn hữu sắc và căn khổ ở quá khứ chẳng phải lấy quá khứ làm nghĩa.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn quá khứ lấy hiện tại làm nghĩa?

**Đáp:** Như đã thuyết thì chỉ có một phần, tức là căn ở quá khứ đây lấy vị lai làm nghĩa. Lại tức là căn ở hiện tại đây lấy quá khứ, vị lai làm nghĩa.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn hiện tại lấy hiện tại làm nghĩa?

**Đáp:** Tất cả căn hữu sắc và căn khổ, kể cả một phần như trước đã thuyết. Lại một phần đây ở vị lai lấy quá khứ, vị lai, hiện tại làm nghĩa. Nếu các sắc căn ở vị lai chẳng phải lấy vị lai làm nghĩa.

Căn khổ cũng vậy.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn hệ buộc Dục giới lấy hệ buộc Dục giới làm nghĩa?

**Đáp:** Bốn. Hai căn hệ buộc Dục, Sắc giới lấy hệ buộc Dục giới làm nghĩa. Ba căn hệ buộc Dục, Sắc giới lấy hệ buộc Dục, Sắc giới làm nghĩa. Hai căn hệ buộc Dục và không hệ buộc Sắc giới, lấy hệ buộc và không hệ buộc Dục, Sắc, Vô sắc giới làm nghĩa. Bảy căn hệ buộc và không hệ buộc Dục, Sắc, Vô sắc giới kia nghĩa cũng vậy. Một căn hệ buộc và không hệ buộc Sắc giới, lấy tất cả hệ buộc và không hệ buộc làm nghĩa. Hai căn không hệ buộc lấy tất cả hệ buộc, không hệ buộc làm nghĩa.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn thiện lấy thiện làm nghĩa?

**Đáp:** Tám căn chỉ có thiện lấy thiện, bất thiện, vô ký làm nghĩa. Năm căn thiện, bất thiện, vô ký lấy thiện, bất thiện, vô ký làm nghĩa. Một căn thiện, bất thiện lấy thiện, bất thiện, vô ký làm nghĩa. Năm căn vô ký lấy vô ký làm nghĩa. Hai căn vô ký lấy thiện, bất thiện, vô ký làm nghĩa.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn học lấy học làm nghĩa, hết thấy như vậy?

**Đáp:** Chín căn học, vô học, phi học phi vô học

lấy ba chũng làm nghĩa. Bảy căn phi học phi vô học tức lấy đây làm nghĩa. Một căn thông ba chũng lấy phi học phi vô học làm nghĩa. Một căn phi học phi vô học lấy ba chũng làm nghĩa. Hai căn học lấy ba chũng làm nghĩa. Một căn vô học lấy ba chũng làm nghĩa.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn kiến sở đoạn lấy kiến sở đoạn làm nghĩa, hết thấy như vậy?

**Đáp:** Mười bốn, một phần kiến sở đoạn, một phần tu sở đoạn. Mười hai, một phần tu sở đoạn, một phần chẳng phải sở đoạn. Tức là 14 căn bao gồm trừ 6 căn, 6 còn lại và 2 còn lại phi sở đoạn. Trong 14 căn đây, các căn hữu sắc lấy kiến, tu sở đoạn làm nghĩa; các căn vô sắc lấy ba chũng làm nghĩa, đó là kiến sở đoạn, tu sở đoạn và phi sở đoạn.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn hiển nơi nghĩa tạp nhiễm xả?

**Đáp:** Trừ các căn thiện, vì chỗ hiển dụng các căn thiện ở nơi nghĩa thanh tịnh xả.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn có nghĩa diên đảo?

**Đáp:** Trừ các căn thiện, sở hữu nghĩa của 6 căn.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn sở y diên đảo?

**Đáp:** Bảy sắc căn.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn tự tánh diên đảo?

**Đáp:** Ít phần của 6 căn.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn đối trị diên đảo?

**Đáp:** Tám căn.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn quán nghĩa lỗi lầm?

**Đáp:** Hoặc 8, hoặc 5, hoặc 1.

**Hỏi:** Nếu các hành kia cũng có bốn đức tương ưng khả đắc, sao chỉ quán là lỗi lầm? Gì là bốn đức? 1. Trụ bền vững đức, như trụ một uẩn trải qua một trăm năm, hoặc trụ đúng như vậy, hoặc vượt quá số năm đây; 2. Thế lực đức, đó là năng sanh vui và thanh tịnh hiện tại; 3. Chuyển biến đức, đó là vì tự tại chuyển trong việc dẫn nhập, tho dụng, buông xả; 4. Khả lạc đức, tức là vì nương điều nào đó sanh vô số vui đấm. Đây gọi là các hành có bốn tướng đức.

**Đáp:** Tuy kể thế gian đối với các pháp kia chấp lấy cho là công đức, nhưng tất cả pháp kia đều là sự triển chuyển của lỗi lầm.

**Hỏi:** Những gì gọi là các lỗi lầm?

**Đáp:** Vì chỉ trụ trong thời gian ngắn, không phải mãi mãi; vì ái vô thường trải khắp hiện có

được; vì có chết yếu vô thường hiện khả đắc, nên phải quán các hành lià đức thứ nhất.

Lại vì năng phát sanh chủng chủng khổ não hiện khả đắc, vì chủng chủng bất tịnh hiện khả đắc, nên quán các hành lià đức thứ hai.

Lại vì ở nơi lão, bệnh, tử... không thể tùy theo sở thích hiện khả đắc, nên quán các hành lià đức thứ ba.

Lại, phần của các côn trùng, thì loài heo, chó... cũng rất vui đắm bất tịnh hiện khả đắc, nên quán các hành lià đức thứ tư. Do các hành kia lià các đức, tương ưng với tất cả lỗi lầm, vậy phải quán hành kia đủ các lỗi lầm.

**Hỏi:** Sở y xứ của nhãn căn là gì?

Đáp: Thấy sắc là y xứ.

**Hỏi:** Cho đến sở y xứ của ý căn là gì?

Đáp: Riêng thủ lấy tự cảnh của mình là sở y xứ.

**Hỏi:** Sở y xứ của hai căn nam và nữ là gì?

Đáp: Tập dục là y xứ.

**Hỏi:** Sở y xứ của mạng căn là gì?

Đáp: Từ lúc có hữu cho đến lúc hữu chết là sở y xứ.

**Hỏi:** Sở y xứ của các thọ căn là gì?



Đáp: Đối với các cảnh giới vừa ý, không vừa ý, hoặc yêu, hoặc ghét đều là sở y xứ.

**Hỏi:** Sở y xứ của tín căn là gì?

Đáp: Thú nhập thiện pháp là sở y xứ.

**Hỏi:** Sở y xứ của tinh tấn căn là gì?

Đáp: Đã nhập thiện pháp, hằng thường tu tập là sở y xứ.

**Hỏi:** Sở y xứ của niệm căn là gì?

Đáp: Chánh biết mà hành là sở y xứ.

**Hỏi:** Sở y xứ của định căn là gì?

Đáp: Tri kiến thanh tịnh là sở y xứ.

**Hỏi:** Sở y xứ của tuệ căn là gì?

Đáp: Phiền não vĩnh viễn đoạn là sở y xứ.

**Hỏi:** Sở y xứ của căn chưa biết muốn biết là gì?

Đáp: Chứng quả Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba là sở y xứ.

**Hỏi:** Sở y xứ của căn đã biết là gì?

Đáp: Quả Sa-môn vô học cho đến định Kim cương dụ là sở y xứ.

**Hỏi:** Sở y xứ của căn biết đủ là gì?

Đáp: Phiền não không gián đoạn vĩnh viễn được đoạn trừ, tác chứng hiện pháp lạc trú, sở y vĩnh viễn diệt là sở y xứ.

**Hỏi:** Thế Tôn nương căn nào mà thuyết lời như vậy: “Thân hữu sắc này do các cận bã thô mà thành, do bốn đại chủng tạo ra, do bất tịnh của cha mẹ hòa hợp mà sanh; lại nương chủng chủng thức ăn uống mà được sanh trưởng; lại thường nhờ vào áo quần, tắm gội, xoa bóp. Là pháp đoạn tiết, phá hoại, tan, diệt”?

**Đáp:** Nương 7 sắc căn mà tác thuyết như thế. Nên biết trong đây lược nói các căn hữu sắc của Dục giới.

Cú đầu “Thân hữu sắc này do các cận bã thô mà thành” nói về cộng tướng của kia. Cú thứ hai “do bốn đại chủng tạo ra” nói về tự tướng của kia. Ba cú kế “do... sanh trưởng” nói về tướng nhân của kia, đó là: nhân sanh, nhân nương và nhân đã sanh được tăng trưởng. Ba cú kế “thường nhờ vào áo quần, tắm gội, xoa bóp” nói về tướng biến chuyển của kia, đó là: việc làm vào lúc lạnh, việc làm vào lúc nóng và việc làm vào lúc mệt nhọc. Sau cùng có bốn cú “là pháp đoạn tiết, phá hoại, tan, diệt” nói về tướng biến hoại của kia: hai cú trước nói về sở tác hoạt động khiến bị bức tổn, hai cú sau nói về sở tác sau khi chết. Nên biết biến hoại đây hoặc do

tác động của vật khác, hoặc do tự nhiên.

**Hỏi:** Thế Tôn nương căn nào mà thuyết lời như vậy: “Viễn hành và độc hành; Không thân ngủ ở hang”?

Đáp: Nương nơi ý căn. Do vì ở tiền tế không thể biết, duyên khắp tất cả cảnh sở tri, gọi là viễn hành. Vì các tâm mỗi mỗi tương tục lưu chuyển, vì không chủ tế, gọi là độc hành. Vì vô sắc, không thể thấy, không đối ngại, gọi là không thân. Vì y nương sắc, gọi là ngủ ở hang.

**Hỏi:** Nương căn nào mà thuyết lời như vậy: “Có tám điều khiến nam bị nữ trói buộc, đó là: nhảy múa, ca hát, mỉm cười, liếc mắt nhìn, dung mạo đẹp đẽ, qua lại, diệu xúc, tiết lễ”?

Đáp: Nương hai căn nam và nữ. Khi vui chơi bị bốn điều là thân hành, lời nói, vẻ mặt, ánh mắt tươi vui trói buộc. Khi thọ dụng cũng bị bốn điều là quyến rũ, tha thướt, mềm mại, hầu hạ trói buộc.

**Hỏi:** Nương căn nào mà thuyết lời như vậy: “Chúng sanh, sống còn, trụ, giữ và an ổn”?

Đáp: Nương mạng căn mà thuyết. Có các hơi thở nên gọi là chúng sanh. Tương ứng tư lự nên gọi là sống còn. Trụ hết thấy điều khác nên gọi là trụ.

Chuyển tăng thượng nên gọi là giữ. Không có bệnh nào nên gọi là an ổn.

**Hỏi:** Nương căn nào mà thuyết lời như vậy: “Bình chánh thọ, nhiếp thuộc thọ”?

**Đáp:** Nương căn hỷ, lạc. Lại là chỗ hiển tự tướng, cộng tướng, y chỉ tướng.

Như bình chánh... thì không bình chánh, chẳng phải bình chánh chẳng phải không bình chánh... tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

**Hỏi:** Thế Tôn nương căn nào mà thuyết lời như vậy: “Đối với chỗ Như Lai mà kiến lập phát sanh căn tịnh tín sâu chắc, người ấy sẽ dẫn dắt tất cả thế gian, hoặc các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Thiên, Ma, Phạm không như pháp khiến được giải thoát”?

**Đáp:** Nương tín căn mà thuyết. Đây hiển nghĩa tín kiên cố ở nơi thắng giải văn-tư-tu. Lại kiên cố đây tùy sự tin hiểu mà phương tiện hiển bày, đó là người nào có tín tối thượng thì người có trí còn chẳng thể lay chuyển, hà huống kẻ phàm nhân. Lại nghĩa kiên cố có sai biệt, đó là tín kiên cố đây do thắng giải thế gian khéo quyết định là thắng giải xuất thế gian căn bản, lại do thắng giải xuất

thế gian thanh tịnh mà được kiến lập, nên biết ở đây câu đầu là nêu ra, câu sau là giải thích.

**Hỏi:** Thế Tôn nương căn nào mà thuyết lời như vậy: “Trụ siêng năng, dũng kiện mạnh mẽ ở nơi các thiện pháp, thường không xả thiện ách”?

Đáp: Nương tinh tấn căn mà thuyết. Tinh tấn căn đây lược hiển có 5 tướng sai biệt: 1. Mặc giáp tinh tấn; 2. Phương tiện tinh tấn; 3. Không lui tinh tấn; 4. Vô động tinh tấn; 5. Không vui đủ tinh tấn.

**Hỏi:** Thế Tôn nương căn nào mà thuyết lời như vậy: “Niệm, đẳng niệm, tùy niệm, biệt niệm, không vọng niệm, tâm nhớ rõ không quên mất, pháp không quên không mất”?

Đáp: Nương niệm căn mà thuyết. Nghĩa sai biệt đây nên biết như trong phần *Nhiếp đị môn*.

**Hỏi:** Thế Tôn nương căn nào mà thuyết lời như vậy: “Khiến tâm nội trụ, đẳng trụ, an trụ, cận trụ, điều thuận, tịch tĩnh, tối cực tịch tĩnh, chuyên chú theo một hướng, đẳng trì”?

Đáp: Nương định căn mà thuyết. Nghĩa sai biệt đây nên biết như trong phần *Thanh văn địa*.

**Hỏi:** Thế Tôn nương căn nào mà thuyết lời như vậy: “Chọn lựa, cực chọn lựa phân tích, tầm tư

toàn khắp, quán xét toàn khắp”?

Đáp: Nương tuệ căn mà thuyết. Nghĩa sai biệt đây nên biết như trong phần *Thanh văn địa*. Vì thiện căn nhiếp tín... Nghĩa sai biệt đây lại chẳng thể đắc.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn lập thân niệm trụ?

Đáp: Bảy.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn lập thọ niệm trụ?

Đáp: Năm.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn lập tâm niệm trụ?

Đáp: Một.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn lập pháp niệm trụ?

Đáp: Tám căn sau cùng và mạng căn.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn trội hơn y xứ Khổ đế?

Đáp: Chín.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn trội hơn y xứ Tập đế?

Đáp: Năm.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn y xứ Diệt đế?

Đáp: Tất cả.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn y xứ Đạo đế?

Đáp: Tám căn sau cùng.

**Hỏi:** Nương bao nhiêu căn nghĩ thiện?

Đáp: Chín.

**Hỏi:** Nương bao nhiêu căn nói thiện?

Đáp: Mười.

**Hỏi:** Nương bao nhiêu căn làm thiện?

Đáp: Mười sáu. Như vậy nghĩ ác, nói ác, làm ác, tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn trội hơn y xứ nghiệp hoặc?

Đáp: Chín.

**Hỏi:** Nương bao nhiêu căn mà khởi nghiệp phiền não?

Đáp: Năm.

**Hỏi:** Nương bao nhiêu căn để đoạn nghiệp phiền não?

Đáp: Tám căn sau cùng.

**Hỏi:** Do bao nhiêu căn khiến lãnh nạp sự kiết tường của thế gian, xuất thế gian?

Đáp: Trừ 2.

**Hỏi:** Do bao nhiêu căn khiến lãnh nạp tất cả kiết tường bại hoại?

Đáp: Mười một.

**Hỏi:** Do bao nhiêu căn năng dẫn kiết tường?

Đáp: Tám căn sau cùng.

Lại nữa, như Thế Tôn nói: “Các kẻ thọ dụng lược có 5 pháp tạo tác năng sanh kiết tường là:

nhẫn nhục, nhu hòa, quán người, xả, hành hạnh hiền thiện và không phóng dật”.

Sao gọi là *nhẫn nhục*? Do rõ biết 3 chủng hành tướng: 1. Không phần nộ; 2. Không trả oán; 3. Không ôm lòng ác. Nếu phân biệt riêng thì có 10 chủng: 1. Nhẫn oán hại đã lãnh thọ; 2. Nhẫn oán hại hiện tiền; 3. Nhẫn lo sợ bị oán hại; 4. Nhẫn nhiều ích, oán ghét; 5. Nhẫn thân hữu tổn hại; 6. Nhẫn tất cả oán hại; 7. Nhẫn tất cả nhân oán hại; 8. Nhẫn oán hại do thọ sự dạy bảo; 9. Nhẫn oán hại do lực tư trách; 10. Nhẫn tự tánh oán hại. Tất cả như vậy gọi chung là *nhẫn* chịu trái hại.

Sao gọi là *nhu hòa*? Là tánh hiền thiện. Thân, ngữ, ý giúp đỡ che chở cho người. Đối với người không tội, hỷ lạc nếu chưa sanh khởi thì khiến sanh khởi, nếu đã sanh khởi thì khiến giữ gìn. Đối với người có tội, ưu khổ nếu chưa sanh khởi thì ngăn chặn khiến không sanh khởi, nếu đã sanh khởi thì phương tiện khiến ra khỏi đoạn trừ.

Trong đây, *nhẫn* nhục thì *nhẫn* chịu trái hại của người, *nhu* hòa thì không làm những việc tổn hại người. Đây là sự sai biệt của hai chủng.



Sao gọi là *quán người, xả*? Quán người ở 2 thời kỳ khác nhau: 1. Thời kỳ nhiếp thọ; 2. Thời kỳ sắp đặt.

Ở thời nhiếp thọ nên dùng 5 tướng quán sát người rồi sau mới nhiếp thọ: 1. Nương chân thật; 2. Kỹ năng; 3. Trí huệ; 4. Dấu vết hành; 5. Trong sạch.

Ở thời sắp đặt cũng quán sát 5 tướng của người rồi sau mới sắp đặt: 1. Kham năng ở nơi sự nghiệp, thì sắp đặt trong chỗ có sự nghiệp; 2. Kham năng ở nơi tư nghiệp, thì sắp đặt trong chỗ có tư nghiệp; 3. Kham năng ở nơi hòa nghiệp, thì sắp đặt trong chỗ hòa nghiệp; 4. Kham năng ở nơi tài nghiệp hộ thân, thì sắp đặt trong chỗ tài nghiệp hộ thân; 5. Kham năng ở nơi pháp nghiệp, thì sắp đặt trong pháp nghiệp.

Lược có năm xả: 1. Xả đất đai; 2. Xả tài vật; 3. Xả tùy nghi; 4. Xả ăn uống; 5. Xả tối thắng. Trong đây xả tướng mạo và xả vật dụng gọi là xả.

Sao gọi là *hành hạnh hiền thiện*? Là tánh không có hành vi cô phụ chống trái và không hư dối đối với người.

Không cô phụ chống trái lại có 5 chủng: 1.

Không trái phụ diên đảo; 2. Không trái phụ uy tín; 3. Không trái phụ thừa sự; 4. Không trái phụ giao ước; 5. Không phương tiện trái phụ khác.

Sao gọi là *không phóng dật*? Là tu tập các thiện pháp, phòng hộ tâm bất thiện, vì thông tương tương nhân quả phụ thuộc lẫn nhau. Nên biết đây có 5 chủng: 1. Không phóng dật cầu tài bảo; 2. Không phóng dật gìn giữ tài bảo; 3. Không phóng dật phòng hộ thân; 4. Không phóng dật gìn giữ danh dự; 5. Không phóng dật hành pháp.

Tất cả điều như thế tổng có 5 lực năng sanh kết tường: 1. Lực do hộ trì giới; 2. Lực do bạn lành tốt; 3. Lực không hư xấu; 4. Lực tín đáng tin cậy; 5. Lực pháp.

Nên biết kết tường cũng có 5 chủng: 1. Chúng yêu mến; 2. Phú quý tự tại; 3. Oán địch thối lui; 4. Sở y được nhiều ích; 5. Đến các đường thiện. Bốn chủng lực trước năng sanh khởi bốn chủng kết tường trước, còn lực thứ năm năng sanh chủng kết tường thứ năm.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn chiêu cảm nghiệp phiền não?

**Đáp:** Tám.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn làm duyên danh sắc?

**Đáp:** Một.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn làm duyên xúc?

**Đáp:** Năm.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn làm duyên sách tấn?

**Đáp:** Tám.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn nên phòng hộ?

**Đáp:** Tám.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn nên điều thuận tịch tĩnh?

**Đáp:** Một.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn nên dừng dứt?

**Đáp:** Năm.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn điều thuận tịch tĩnh, dừng dứt, lại năng điều phục tịch tĩnh, dừng dứt?

**Đáp:** Tám.

Sao gọi là các căn xả? Tức là đồng phạm giới địa, các căn diệt, sanh khởi khác.

Sao gọi là các căn khí? Tức là không đồng phạm giới địa, các căn diệt, sanh khởi khác.

Sao gọi là các căn đoạn? Tức là đoạn diệt tất cả phiền não hệ phược của kia.

Sao gọi là các căn thối? Tức là thế gian hưng thịnh, chỗ có hoại mất hoặc định hoặc sanh.

**Hỏi:** Các căn của Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát có gì sai khác?

**Đáp:** Lược có 5 chủng loại sai khác: 1. Phẩm loại sai khác; 2. Nhậm trì sai khác; 3. Dục sách sai khác; 4. Chánh hạnh sai khác; 5. Chứng đắc sai khác.

**Phẩm loại sai khác:** Sở hữu căn của chư Bồ-tát tánh phẩm thượng. Sở hữu căn của các Thanh văn, Độc giác tánh phẩm hạ, phẩm trung.

**Nhậm trì sai khác:** Sở hữu căn của chư Bồ-tát nhậm trì tất cả minh xứ thiện xảo. Sở hữu căn của Thanh văn, Độc giác nhậm trì một phần minh xứ thiện xảo.

**Dục sách sai khác:** Sở hữu căn của chư Bồ-tát là do huân ược Đại bi. Sở hữu căn của Thanh văn, Độc giác thì không như vậy.

**Chánh hạnh sai khác:** Sở hữu căn của chư Bồ-tát hiện tiền chánh hạnh tự lợi, lợi tha. Sở hữu căn của Thanh văn, Độc giác hiện tiền tự lợi.

**Chứng đắc sai khác:** Sở hữu căn của chư Bồ-tát chứng đắc quả Đại Bồ-đề Vô thượng. Sở hữu căn của Thanh văn, Độc giác chứng đắc hai quả Bồ-đề là trung và hạ.

**Hỏi:** Nếu bổ-đặc-già-la nương hiện quán để tu Vị chí định, khi kia đắc quả, căn hỷ khởi ở Sơ tinh lự hiện tiền không khởi ư?

**Đáp:** Có một dạng bổ-đặc-già-la năng khởi, có một dạng không khởi. Nếu có bổ-đặc-già-la lợi căn có gốc thiện sung mãn làm trợ lực, vị này sẽ năng hiện khởi, chẳng phải dạng bổ-đặc-già-la khác.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn nhập Sơ tinh lự?

**Đáp:** Tám căn. Ba căn sau cùng, một phần năng nhập, một phần không năng nhập.

Như Sơ tinh lự, thì Đệ nhị tinh lự, Đệ tam tinh lự cũng vậy. Đệ tứ tinh lự thì chẳng phải vậy. Ở Đệ tứ tinh lự và ở Vô sắc định có 7 căn năng nhập, vì 3 căn sau có một căn năng nhập, một căn không năng nhập.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn đắc quả Dự lưu?

**Đáp:** Hoặc 1 căn, hoặc 8 căn.

Đắc quả Nhất lai có hoặc 2 căn, hoặc 9 căn. Căn ưu tuy sở y đạo, nhưng chẳng nhiếp thuộc đạo. Trong đây chẳng lấy thiện căn, vì chẳng trụ bền chắc. Ở đây cũng chẳng lấy. Nếu hành giả thông mà lấy thì tăng số lên vậy.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn đắc quả Bất hoàn?

Đáp: Hoặc 2 căn, hoặc 11 căn. Đạo lý căn ưu nên biết như trước.

**Hỏi:** Bao nhiêu căn đắc quả A-la-hán?

Đáp: Hoặc 1 căn, hoặc 10 căn. Như kinh nói: “Ở nơi thượng giải thoát hy, cầu, ưu, thích”.

Sao gọi là hy? Người tu hành khởi niệm như vậy: “Đây là nơi các bậc Thánh năng an trụ đầy đủ”.

Sao gọi là cầu? Người tu hành khởi niệm như vậy: “Ở nơi xứ đây, ta sẽ an trụ đầy đủ”.

Sao gọi là thích? Chẳng sanh vui đủ ở nơi những điều chúng đắc thấp kém.

Sao gọi là ưu? Tâm sanh nhớ nghĩ đối với Vô thượng Bồ-đề.

Trong đây, Dự lưu và Nhất lai vì tất cả chủng đều đầy đủ, nên kiến lập căn ưu. Nếu quả Bất hoàn tuy có căn hy, cầu, nhưng hai căn khác là ưu, thích không có, cho nên không lập căn ưu, chỉ có dục thiện căn.

**Hỏi:** Nương tựa căn hỷ nhiều, có năng xả căn hỷ, căn ưu, căn xả không?

Đáp: Có, tức là vì nương xuất ly căn hỷ làm y chỉ, xả nương đắm thích ba căn.

**Hỏi:** Nương tựa căn ưu nhiều, xả căn ưu chẳng?

Đáp: Có, tức là vì nương xuất ly làm y chỉ, cho nên xả nương đắm thích.

**Hỏi:** Có y chỉ căn xả nhiều, xả căn xả chẳng?

Đáp: Có, tức là vì nương một tánh xả làm y chỉ, xả bỏ việc nương chủng chủng tánh xả. Vì không chỗ nương xả làm y chỉ nên xả. Khi nương một tánh xả đắc quả Dự lưu, căn chưa biết muốn biết cũng diệt cũng xả, chẳng phải do khởi mà bỏ, chẳng do đoạn, chẳng do thối. Khi đắc quả A-la-hán, đạo lý căn đã biết nên biết cũng vậy.

**Hỏi:** Bao nhiêu bổ-đặc-già-la có điều luyện căn?

Đáp: Tất cả hữu học và vô học tự phòng hộ giữ gìn năm điều không thối thất, kham đạt chủng tánh. Cũng chẳng phải chư Độc giác, cũng chẳng phải chư Bồ-tát, vì tánh lợi căn vậy.

**Hỏi:** Nếu lúc các bậc Dự lưu tu tập điều luyện căn, đã đắc điều luyện căn, cũng chứng quả Nhất lai chẳng?

Đáp: Chứng.

**Hỏi:** Cũng chứng quả Bất hoàn chẳng?

Đáp: Không chứng vì đối trị khó được vậy, vì

ngĩa nên đắc rất rộng sâu vậy.

**Hỏi:** Nếu khi các bậc Bất hoàn tu tập điều luyện căn, đã đắc luyện căn, cũng tiến đến ly dục chẳng?

Đáp: Cũng tiến đến.

**Hỏi:** Cũng chứng quả A-la-hán chẳng?

Đáp: Không chứng. Do vì nhân trước kia, nên chuyển căn rồi về sau tất cả đều chứng.

**Hỏi:** Có sao chuyển căn?

Đáp: Vì đối với căn bặt mỏng, không tiến, thì chẳng sanh vui đủ; vì vun bồi dẫn phát lực thắng định; vì vun bồi lực đa văn; vì vun bồi lực luận nghị quyết trạch; vì vun bồi lực quán sát pháp nhãn thâm sâu.

**Hỏi:** Sao nói là kiến lập ba căn là chưa biết muốn biết, đã biết và biết đầy đủ của chư Bồ-tát?

Đáp: Ở Thắng giải hành địa kiến lập căn thứ nhất. Ở Ý lạc thanh tịnh tăng thượng địa... kiến lập căn thứ hai. Ở Như Lai địa lập căn thứ ba.

**Hỏi:** Do viên mãn bao nhiêu chủng gọi là sự học viên mãn?

Đáp: Do viên mãn 3 chủng: 1. Viên mãn căn, đó là lợi căn; 2. Viên mãn định, gồm tám giải



thoát định; 3. Viên mãn quả, đó là quả Bất hoàn. Hàng vô học sẽ đắc hai viên mãn: 1. Viên mãn căn, đó là pháp bất động; 2. Viên mãn định, nên biết như trước. Tất cả vô học đều do viên mãn quả mà gọi là viên mãn.

**Hỏi:** Như thuyết: “Các căn không điều, không thủ, không hộ, không phòng, cũng không tu tập”. Tên gọi sai khác đây có nghĩa gì?

**Đáp:** Lược thuyết do 4 nhân duyên gọi là không điều phục các căn. Đó là vì lực chọn lựa phân tích làm nương tựa, ở các cảnh giới nếu các căn không phóng túng, liền khởi gia hạnh khiến không đuổi theo phóng dật. Nếu các căn bị cuốn theo phóng túng, liền khởi gia hạnh từ các căn kia phòng hộ phiền não khiến không hiện khởi. Vì lực đối trị đoạn làm nương tựa, tức là ở nơi các cảnh giới trước, tánh không còn đắm trước, tánh phiền não không hiện hành trở lại. Nếu các căn không có bốn sự điều phục, đó là do không thủ, do không hộ, do không phòng, do không tu, nên biết kia gọi là căn không điều phục. Nếu có bốn sự điều phục các căn đây, đó là bốn nhân duyên có thủ, có hộ, có phòng, có tu, nên biết gọi là điều phục cho đến tu tập.

Sao gọi là kẻ không điều phục năng dẫn phát nhiều sự khổ? Vì năng sanh 6 chủng khổ: 1. Khổ phát sanh do đắm chìm trong ưu não; 2. Khổ do bị người xua đuổi; 3. Khổ do bị người chê trách hủy báng; 4. Khổ do hối hận dày vò; 5. Khổ do sanh vào các đường ác; 6. Khổ do hết thấy các khổ sanh khởi. Nếu người nào khéo điều phục các căn, nên biết trái với sáu tướng khổ trên, đoạn dứt sáu chủng khổ, năng dẫn đến sự hỷ lạc.

**Hỏi:** Mười bốn chủng căn và 3 tụ hữu tình, thì 14 nhiếp 3, hay 3 nhiếp 14?

**Đáp:** Ba nhiếp 14, chẳng phải 14 nhiếp 3. Chẳng nhiếp những gì? Đó là ít phần ngoại xứ. Ba tụ hữu tình là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

**Hỏi:** Năm căn và 3 thọ thì 3 nhiếp 5, hay 5 nhiếp 3?

**Đáp:** Xoay vần nhiếp lẫn nhau.

**Hỏi:** Năm căn và ba mươi bảy phẩm pháp giác, thì 5 nhiếp 37 hay 37 nhiếp 5?

**Đáp:** Ba mươi bảy nhiếp 5, chẳng phải 5 nhiếp 37. Chẳng nhiếp những gì? Đó là ngũ, nghiệp, mạng, hỷ, an, xả. Như vậy hoặc 6, hoặc 4, kia chỗ chẳng nhiếp.

**Hỏi:** Năm căn và 3 căn thì 5 nhiếp 3, hay 3 nhiếp 5?

**Đáp:** Ba nhiếp 5, chẳng phải 5 nhiếp 3. Chẳng nhiếp những gì? Đó là căn ý, lạc, hỷ, xả.

**Hỏi:** Chín biến tri bao nhiêu căn nhiếp?

**Đáp:** Chín biến tri đây nhiếp thuộc đoạn biến tri, chẳng phải nhiếp thuộc căn. Những gì là chín? Đoạn trừ kiến khổ, tập sở đoạn hệ buộc Dục là biến tri thứ nhất. Đoạn trừ kiến khổ, tập sở đoạn hệ buộc Sắc, Vô sắc là biến tri thứ hai. Đoạn trừ kiến diệt sở đoạn hệ buộc Dục là biến tri thứ ba. Đoạn trừ kiến diệt sở đoạn hệ buộc Sắc, Vô sắc là biến tri thứ tư. Đoạn trừ kiến đạo sở đoạn hệ buộc Dục là biến tri thứ năm. Đoạn trừ kiến đạo sở đoạn hệ buộc Sắc, Vô sắc là biến tri thứ sáu. Đoạn hạ phần kiết là biến tri thứ bảy. Tận trừ Sắc ái là biến tri thứ tám. Tận trừ Vô sắc ái là biến tri thứ chín.

Nên biết biến tri lược do 2 duyên mà được kiến lập: 1. Đoạn do thông đạt đế; 2. Đoạn do vĩnh viễn độ giới. Do tướng đồng phạm, giới chẳng đồng phạm và đồng phạm, nên lập 2 biến tri. Tướng chẳng đồng phạm, giới chẳng đồng phạm và đồng

phận, nên lập 4 biến tri. Vĩnh viễn độ giới liệt nên lập 1 biến tri. Vĩnh viễn độ giới trung nên lập 1 biến tri. Vĩnh viễn độ giới diệu nên lập 1 biến tri.

**Hỏi:** Các tướng tùy hảo, lực vô úy, pháp Phật bất cộng... nhiếp bao nhiêu căn?

**Đáp:** Thiết căn và y xứ bốn căn nhiếp lấy các tướng tùy hảo. Những gì là bốn? Thân căn, nam căn, nhãn căn và thiết căn. Huệ căn nhiếp lấy mười lực của Như Lai, trong thân Như Lai và toàn bộ tri căn. Năm căn nhiếp lấy bốn vô sở úy.

Như vô sở úy thì bất hộ cũng vậy. Ba chủng niệm trụ không phải căn, không nhiếp lấy căn, nhưng sáu căn dẫn dắt không tham không sân nhiếp lấy. Đại bi cũng căn dẫn dắt không tham không sân không si nhiếp lấy, không phải căn nhiếp lấy. Pháp vô vong thất nên biết như lực. Tất cả chủng diệu trí Phật cũng vậy. Vĩnh viễn đoạn tập khí không phải căn nhiếp lấy, nhưng sáu căn chứng đắc vĩnh viễn đoạn phiền não.

**Hỏi:** Sở hữu thô trọng của các phẩm phiền não, chư A-la-hán đã vĩnh viễn đoạn không sót thừa, lại có phẩm thô trọng nào mà A-la-hán chưa

đoạn? Vì đoạn thô trọng đây nên nói Như Lai vĩnh viễn đoạn tập khí ư?

Đáp: Phẩm thô trọng dị thực thì A-la-hán.. cũng chưa năng đoạn, chỉ có Như Lai gọi là đoạn rốt ráo.

**Hỏi:** Như kinh nói: “Có bốn chủng thực đều năng trưởng dưỡng các căn đại chủng”. Những gì gọi là bốn chủng thực? Sao gọi là trưởng dưỡng các căn đại chủng?

Đáp: Đoạn thực, xúc thực, ý tư thực và thức thực. Do bốn chủng đây năng trưởng dưỡng năm sắc căn và ý căn, bao gồm sở hữu đại chủng; mà căn nương.

**Hỏi:** Sao gọi là đoạn thực?

Đáp: Đó là các vật thực dùng để tống ăn, năng trưởng dưỡng các căn đại chủng. Trái với tướng trên nên biết chẳng phải thực. Như đoạn thực, các thực khác, chẳng phải thực nên biết cũng vậy.

**Hỏi:** Sao gọi là đoạn thực năng làm thức ăn, cho đến thức thực cũng vậy?

Đáp: Nếu các đoạn thực năng nhiếp ích cho thức khiến thức cường thịnh, do đây các căn đại

chúng cũng được trưởng dưỡng khiến mạnh mẽ. Xúc thực năng nhiếp thọ một phần hoặc hỷ, hoặc lạc, hoặc xả, do đây lại năng nhiếp tăng ích cho các thức; vì nhiếp tăng ích, lại năng trưởng dưỡng các căn đại chủng. Ý tứ thực, tức đây vì muốn chúng đắc tướng cảnh giới khả ái, nên nương chánh phương tiện khởi mong muốn nhiếp ô, chẳng nhiếp ô, căn hỷ duyên cảnh vị lai nhiếp tăng ích cho thức, do đây các căn đại chủng được trưởng dưỡng. Ba thực như vậy nhiếp tăng ích cho thức. Do thể tăng mạnh và duyên hiện tại vị lai thức sanh, thức lại trưởng dưỡng các căn đại chủng, vì vậy mà lập bốn thực.

**Hỏi:** Sao gọi thức và ý căn là thực?

Đáp: Do chỗ nhậm trì của sự gìn giữ ba thứ thực, nên càng về sau càng làm nhân tăng thịnh khiến kia được tăng trưởng.

**Hỏi:** Vì sao ngũ mộng, phạm hạnh, đẳng chí đều năng trưởng dưỡng các căn đại chủng mà không lập là thực?

Đáp: Có hai chủng trưởng dưỡng: 1. Nhiếp thọ là nghĩa riêng của trưởng dưỡng; 2. Không tổn hại là trưởng dưỡng. Hết thấy pháp như ngũ mộng... so

với trưởng dưỡng sau tuy năng trưởng dưỡng, nhưng đối với trước thì chẳng phải, cho nên không lập.

**Hỏi:** Vì sao mạng căn năng nhậm trì thân mà không lập là thực?

Đáp: Nếu lia thức uống ăn, kia trọn không thể trưởng dưỡng thân được.

**Hỏi:** Những gì gọi là đoạn thực thô?

Đáp: Nếu không phải cách ăn uống của cõi trời.

**Hỏi:** Những gì gọi là tế?

Đáp: Thực của cõi trời. Bởi khi kia ăn rồi, tức trong thân liền tự tiêu hóa, chẳng phải dần dần.

**Hỏi:** Những gì xúc, ý tư, thức thực gọi là thô?

Đáp: Nếu ở tại Dục giới.

**Hỏi:** Những gì gọi là tế?

Đáp: Hoặc ở Sắc giới, hoặc ở Vô sắc giới.

**Hỏi:** Những gì gọi là hữu tình đã sanh?

Đáp: Nếu ở hiện tại đã sanh tăng trưởng.

**Hỏi:** Những gì gọi là hữu tình cầu hữu?

Đáp: Nếu có mong cầu các hữu ở vị lai.

**Hỏi:** Những gì gọi là trụ?

Đáp: Nếu không tổn hại trưởng dưỡng.

**Hỏi:** Những gì gọi là an?

**Đáp:** Nếu nhiếp thọ trưởng dưỡng.

**Hỏi:** Hữu tình đã sanh, sao gọi là nhờ thực mà được an trụ?

**Đáp:** Nên biết đạo lý như đã thuyết ở trước.

**Hỏi:** Hữu tình cầu hữu, sao gọi là nhờ thực nhiếp thọ?

**Đáp:** Do ba môn mà hai chủng tạp nhiễm tăng trưởng, đó là nghiệp phiền não, hai chủng tạp nhiễm nương thức mà có. Do ba môn tạp nhiễm nuôi lớn thức, nên các kẻ cầu hữu sanh không gián đoạn nhiếp thọ hữu khác.

**Hỏi:** Giai đoạn nào đoạn thực mới được kiến lập là thực?

**Đáp:** Giai đoạn biến hoại hoặc ở giai đoạn thọ dụng mà được kiến lập. Xúc thực do nhiếp thọ kia mới được tăng ích. Cho nên đoạn thực nhiếp thuộc ba xứ là hương, vị và xúc mới kiến lập là thực, không lập là sắc xứ. Do vị kia lúc chín thì hết thấy mùi vị mới bị tổn ích. Hoặc có đoạn vật ở giai đoạn thọ dụng có sự tổn hại, ở giai đoạn biến hoại mới năng nhiếp lợi ích, như nhiếp ích cho sự khổ mệt. Hoặc có đoạn vật ở giai đoạn thọ dụng tạm là nhiếp ích, ở thời biến hoại bèn là tổn hại, như



những vật có sự ngon ngọt. Ở giai đoạn biến hoại mới lập là thực, chẳng phải thời thọ dụng.

**Hỏi:** Lại có nhiều pháp hành là nhân khiến trụ khả đắc, như do nghiệp thân thông đời trước, nhân duyên hòa hợp năng lìa chướng. Cớ sao chỉ thuyết 4 chủng đây là thực?

**Đáp:** Vì lấy phần nhiều, vì khiến dễ hiểu, vì khiến dễ thú nhập các niệm trụ, vì khiến dễ tư dưỡng hằng ngày, nên hiển bốn chủng đây là thực. Ở địa ngục không có đoạn thực. Chư thiên ở định địa cũng vậy. Các loài địa ngục do sự nhậm trì của nghiệp lực trước gây tạo mà được sống lâu, tuy có nhân duyên tổn hại các căn đại chủng rộng lớn mà chẳng thể chết. Kia có các gió vi tế tùy nhập vào thân phần, lấy đó làm thức ăn, khó có thể rõ biết cho nên không thuyết.

**Hỏi:** Các căn nương thân mà chuyển, cũng nương cảnh giới ư? Giả sử nương cảnh giới cũng là nương thân chuyển ư?

**Đáp:** Nếu căn nương cảnh giới tất nương thân chuyển. Nếu nương thân mà chuyển, thì chẳng phải nương cảnh giới. Như các căn hữu sắc đồng phận với kia, vì dụng các đại chủng làm chỗ nương, nên

nói là kia nương thân.

**Hỏi:** Nếu các căn có chỗ nương mà chuyển, tất cả căn đều chỉ có một chỗ nương mà chuyển ư?

**Đáp:** Hoặc có một chỗ nương là các căn hữu sắc đồng phận kia. Hoặc có hai chỗ nương là các căn hữu sắc đồng phận. Hoặc có ba chỗ nương: chỗ gọi là ý căn và tâm pháp vô sắc, các căn ở Hữu sắc giới. Nếu ở Vô sắc thì các căn đây chỉ có hai chỗ nương.

**Hỏi:** Các căn là khổ, tất cả đều hợp với tướng khổ ư? Giả sử hợp với tướng khổ ấy, tất cả đều là khổ ư?

**Đáp:** Hoặc các căn là khổ ấy mà chẳng hợp tướng khổ như căn lạc, căn hỷ. Hoặc các căn là khổ cũng hợp tướng khổ như căn khổ, căn ưu. Hoặc có căn là khổ mà chẳng phải tướng khổ lạc, như căn xả. Hoặc có các căn không phải khổ, cũng không phải tướng khổ, đó là ba căn sau cùng, vì đối trị khổ vậy.

**Hỏi:** Các căn là thiện cũng là căn dẫn lạc ư? Giả sử căn kia dẫn lạc cũng là căn thiện ư?

**Đáp:** Hoặc có căn là thiện mà chẳng dẫn lạc, đó là sở hữu căn thiện của người tu phạm hạnh

cùng với ưu khổ, ở hiện pháp không thể dẫn lạc. Hoặc có căn dẫn lạc mà chẳng phải là thiện, như các căn vô ký và căn bất thiện, ở hiện pháp năng dẫn vô ký và lạc nhiễm ô. Hoặc có căn là thiện cũng năng dẫn lạc, đó là sở hữu căn thiện của người tu phạm hạnh cùng với hỷ lạc, ở hiện pháp năng dẫn lạc. Hoặc có căn chẳng phải thiện cũng chẳng dẫn lạc, như các căn vô ký và căn bất thiện, ở trong hiện pháp năng dẫn các khổ.

Trong Ót-Đà-Nam nói:

*Nghĩa, y xứ, chứng đắc*

*Nhiếp, thực do các câu.*

Lại nữa, nghĩa nhiếp trì đầy đủ tất cả hành, do nghĩa nhiếp trì đầy đủ tất cả hành như vậy được gọi là *Uẩn*. Lại có nghĩa khác: năng tăng trưởng các nghiệp phiền não, do năng tăng trưởng các nghiệp phiền não như vậy nên gọi là *Uẩn*. Lại có nghĩa khác: thường có hành vi và chóng hoại diệt, do thường có hành vi và chóng hoại diệt như vậy nên gọi là *Uẩn*.

Nghĩa phát khởi các pháp, do phát khởi các pháp như vậy nên gọi là *Giới*.

Năng sanh trưởng, năng phát triển rộng các tâm, các tâm pháp là nghĩa dẫn dắt. Do năng sanh trưởng, năng phát triển rộng các tâm, các tâm pháp như vậy nên gọi là *Xú*.

Nhiều duyên nên tập khởi chóng hoại, do nhiều duyên như vậy nên tập khởi chóng hoại gọi là *Duyên khởi*.

Phát khởi hết thảy lý thú hướng, do khởi hết thảy lý thú hướng như vậy nên gọi là *Xú*. Nếu không phải lý thú hướng gọi là *Phi xú*.

Ở nơi sự thấy... tương ưng tự tại, do ở nơi sự thấy... tương ưng tự tại như vậy nên gọi là *Căn*.

Nên biết uẩn... lược do 6 nhân mà được kiến lập: 1. Thân thể kiến lập; 2. Nhân kia kiến lập; 3. Thân giả kiến lập; 4. Phương tiện kia chuyển kiến lập; 5. Tức ở nơi phương tiện kia chuyển thẳng, liệt kiến lập; 6. Tức thọ dụng kia tăng thượng kiến lập.

Lại lược hiển thị 6 chủng thiện xảo, vì khiến trừ 6 chủng tà chấp. Những gì là sáu? 1. Tà chấp về chỗ nương; 2. Tà chấp tự tánh Tự tại... nhân không bình đẳng; 3. Tà chấp ngã năng nắm giữ y chỉ; 4. Tà chấp tử sanh kia chuyển; 5. Tà chấp

phương tiện kia tịnh, bất tịnh; 6. Tà chấp chủ tế cảnh giới thọ dụng ái, chẳng ái.

**Hỏi:** Quán bao nhiêu thắng lợi khiến phân biệt, kiến lập, chọn lựa phân tích các pháp, tu tập thiện xảo?

**Đáp:** Lược có 10 chủng: 1. Biết khắp thân kiến... phân tích một tập hợp của tướng; 2. Ở nơi pháp có, vì hiện hữu, vì trụ, trước không nên phỉ báng; 3. Tự không nghi hoặc, trả lời ôn hòa khi được hỏi đến; 4. Người chưa tin khiến tin, đã tin khiến tăng trưởng, cũng khiến thánh giáo Như Lai cứu trụ; 5. Lại ngộ nhập đạo lý duyên khởi, năng hiểu rõ tự tánh Thích, Phạm, Thế chủ và sĩ phu... là không có tác giả, không thật tánh; 6. Lại khiến tuệ căn tăng trưởng quảng đại; đối với thiện, bất thiện nói rộng cho đến duyên sanh sai khác, như thật rõ biết; 7. Lại đối với pháp thiện, bất thiện nói rộng cho đến duyên sanh sai khác, vì tu tập tùy pháp hành pháp nên khéo trụ niệm; 8. Tức lấy niệm trụ làm chỗ nương, làm kiến lập sẽ chứng thiện tâm tánh nhất cảnh; 9. Lại dụng tâm tánh nhất cảnh đây làm chỗ nương, làm kiến lập khiến thánh huệ căn sẽ được sanh khởi; 10. Nương thánh

huệ căn năng đoạn vĩnh viễn điên đảo, tùy chứng lậu tận.

Do quán các thắng lợi như vậy, cho nên phân biệt, kiến lập, chọn lựa phân tích các pháp, tu tập thiện xảo.

Như vậy đã lược quyết trạch Năm thức thân địa và Ý địa. Ở trong hai địa, vẫn quyết trạch phần còn lại không hiển nói thêm.



## *Quyển 58*

**Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐỊA**

**Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐỊA**

**Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐỊA**

### **Phần 1**

Như vậy đã thuyết quyết trạch Năm thức thân tương ưng địa và Ý địa. Ta nay sẽ thuyết quyết trạch ba địa **Có tâm có tử địa, Không tâm chỉ có tử địa** và **Không tâm không tử địa**.

**Hỏi:** Cớ sao Diệm-ma gọi là Pháp vương, vì năng tổn hại chúng sanh hay vì năng nhiều ích chúng sanh? Nếu tổn hại chúng sanh mà gọi là Pháp vương thì không đúng đạo lý. Nếu nhiều ích chúng sanh thì nay nên thuyết tại sac nhiều ích?

**Đáp:** Bởi năng làm nhiều ích, chẳng năng tổn hại. Vì cớ sao? Nếu chúng sanh đến nơi ở của vua, Pháp vương liền hiện thân tương tự như kia, vì muốn khiến kia nhớ nghĩ nên bảo rằng: “Các người tự gây tạo nghiệp nên thọ quả này”. Do nhân duyên

đây nên các chúng sanh rõ biết tự mình tạo tác nghiệp trở lại tự thọ quả. Chúng sanh ở chỗ sứ giả Diệm-ma, bởi nghiệp lực tăng thượng mà thọ sanh nơi đây giống như biến hóa, không trở lại phạm tâm chúng sanh xưa, tâm không phản hại, tâm không sân khúể, chẳng lòng oán hận. Do đây không tích tập nghiệp mới khiến cảm địa ngục, nên nghiệp tận rồi thoát đường địa ngục. Như vậy Diệm-ma năng nhiều ích chúng sanh, nên gọi là Pháp vương. Nếu có chúng sanh sanh ở địa ngục nhớ mạng đời trước, Diệm-ma Pháp vương không lại giáo huấn. Nếu có kẻ thọ sanh đây rồi mà không nhớ mạng đời trước, vua liền dạy răn.

Lược có 3 chủng bổ-đặc-già-la sanh ở địa ngục không nhớ mạng đời trước: 1. Kẻ cực ngu si, đó là kẻ sanh nơi biên địa, không quán sát hiểu biết nên chuyển theo các ác; 2. Kẻ cực phóng dật, đó là kẻ thọ dục, đắm trước tăng thượng các dục, không quán sát hiểu biết nên chuyển theo các ác; 3. Kẻ cực tà kiến, đó là kẻ thành tựu tất cả các tà kiến phỉ báng, không quán sát hiểu biết nên chuyển theo các ác. Do chúng sanh kia chẳng thể tự nhiên nhớ nghĩ, nên phải nhắc lại khiến nhớ nghĩ.



Lại có 2 nhân duyên khiến nước trong đại hải mặn: 1. Vì chúng sanh sanh trong kia phước tăng thượng; 2. Vì một phần chúng sanh trong đất liền phi phước tăng thượng. Vì cơ sao? Bởi nước mặn, phi nhân bơi lội trong ấy và vô lượng chúng sanh nhỏ bé sanh trong đại hải không bị tổn hại. Lại ở trong đại hải có chủng chủng trân bảo sai biệt, nhờ nước đại hải mặn nên chúng sanh ở lục địa một phần khó lấy được.

Lại nữa, nay Ta sẽ quyết trách **phiền não tạp nhiễm**. Nên biết như nghĩa phiền não tạp nhiễm đã thuyết, phiền não đây cũng do 5 chủng tướng mà kiến lập sai khác. Những gì là năm? 1. Vì tự tánh; 2. Vì tự tánh sai biệt; 3. Vì nhiễm, tịnh sai biệt; 4. Vì mê đoạn sai biệt; 5. Vì đối trị sai biệt.

1. **Tự tánh**: Lược có 2 chủng: **a**. Tánh kiến phiền não; **b**. Tánh không kiến phiền não.

2. **Tự tánh sai biệt**: Lược có 10 chủng: **a**. Tánh kiến phiền não có 5 chủng sai khác; **b**. Tánh không kiến kia cũng có 5 chủng. Tổng cộng có

mười chủng gọi là tự tánh phiền não sai khác.

**a. Năm chủng tánh kiến:** đó là thân kiến, chấp biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ.

*Thân kiến:* Ở nơi năm thủ uẩn, tâm chấp tăng trưởng, kiến ngã, ngã sở, gọi là thân kiến. Đây có 2 chủng: 1. Đồng sanh; 2. Phân biệt khởi. Đồng sanh tức là ở khắp tất cả từ ngu phu, dị sanh cho đến cầm thú đều năng hiện hành. Phân biệt khởi: do các ngoại đạo... kế chấp mà sanh khởi.

*Chấp biên kiến:* Ở nơi năm thủ uẩn, vì thân kiến lực tăng thượng, nên tâm chấp tăng trưởng, kiến ngã, kiến thường, kiến đoạn, gọi là chấp biên kiến.

Chấp biên kiến nhiếp thuộc thường kiến: Ở trong 62 kiến kế chấp tiền tế như luận thường, luận một phần thường và kế chấp hậu tế như các luận tướng, luận vô tướng và luận phi tướng phi phi tướng.

Chấp biên kiến nhiếp thuộc đoạn kiến: Đó là có các Sa-môn hoặc Bà-la-môn hưng khởi bảy sự luận đoạn kiến. Chấp biên kiến đây chỉ có phân biệt khởi, không có đồng sanh, chỉ trừ kể từ trước

đến nay đã thường xuyên tập quen theo đuổi hết thủy chấp biên kiến... Tướng sai khác hoặc có phân biệt, hoặc không phân biệt như phần *Bản địa* đã rộng phân biệt.

*Tà kiến*: là tất cả kiến điên đảo, ở nơi sở tri sự điên đảo mà chuyển, tất cả đều gọi là tà kiến. Nên biết kiến đây lược có 2 chủng: 1. Tăng ích; 2. Tổn giảm.

Bốn kiến là thân kiến, chấp biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ đều gọi là tăng trưởng tà kiến. Chỗ có các kiến như phỉ báng nhân, phỉ báng dụng, phỉ báng quả, hủy hoại sự thật... tâm chấp tăng trưởng, tất cả đều gọi là tà kiến tổn giảm. Cho là không thí không thọ, cũng không tế tự, gọi là phỉ báng nhân. Cho là không có diệu hạnh, cũng không có ác hạnh, gọi là phỉ báng dụng. Cho là các nghiệp ác hạnh, diệu hạnh không có quả và dị thực, gọi là phỉ báng quả. Cho là không cha, không mẹ, không hóa sanh hữu tình, cũng không thế gian, không chân thật có A-la-hán vĩnh viễn tận các lậu, cho đến nói rộng, gọi là hủy hoại sự thật.

Lại tà kiến đây tức là kế chấp tiền tế như các

luận không nhân, có biên, không biên, luận bất tử kiểu loạn và kế chấp hậu tế như luận hiện pháp Niết-bàn... của Sa-môn, Bà-la-môn. Nên biết luận như vậy lấy thân kiến làm căn bản.

Như vậy, 62 kiến nhiếp thuộc ba kiến: thường kiến nhiếp lấy các chấp biên kiến, đoạn kiến nhiếp lấy các chấp biên kiến và các tà kiến.

*Kiến thủ*: Ở nơi 62 kiến, các kế chấp kiến thủ mỗi mỗi riêng cho kế chấp của mình là tối là thượng, là thắng là diệu. Do thuận theo thế lực chấp thủ, tùy khởi ngôn thuyết cho rằng chỉ đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng, chỉ có kiến đây năng đắc thanh tịnh giải thoát xuất ly. Đây gọi là kiến thủ.

*Giới cấm thủ*: Chỗ thọ trì thuận theo kiến thủ, thuận theo quyền thuộc của kiến thủ, theo pháp hoặc giới hoặc cấm của kiến thủ. Trong sự thọ trì các giới cấm, kế chấp cho là tối là thượng là thắng là diệu. Do thế lực chấp thủ mà tùy khởi ngôn thuyết, cho chỉ đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng, chỉ giới cấm đây năng đắc thanh tịnh giải thoát xuất ly. Đây gọi là giới cấm thủ.

**b. Năm chủng tánh không kiến:** đó là tham, khuể, mạn, vô minh, nghi.

*Tham:* Tâm sở năng nắm giữ đắm trước làm tánh. Đây lại chia làm 4 chủng, đó là đắm trước các kiến, dục, sắc, vô sắc.

*Khuể:* Tâm sở năng tổn hại làm tánh. Đây lại có 4 chủng: sân khuể đối với hữu tình khác tổn hại kiến mình; sân khuể đối với hữu tình khác tổn hại kiến người; sân khuể đối với điều yêu thích mà không được làm nhiều ích; sân khuể đối với điều không yêu thích mà lại làm nhiều ích.

*Mạn:* Tâm sở cao cử làm tánh. Đây lại có 4 chủng: đối với các kiến, đối với các hữu tình, đối với sự thọ dụng dục và đối với các xứ hậu hữu sanh khởi.

Mạn đối với các hữu tình: có 3 loại mạn như trước đã thuyết.

Mạn đối với sự thọ dụng dục: tức là do hiện tại tài bảo nhiều, dòng tộc lớn, đồ chúng đông, nên tâm theo đó cao cử.

Mạn đối với xứ hậu hữu sanh khởi: tức là do kế chấp cho là *ta đang có* hoặc *chẳng có*, nói rộng cho đến *ta đang ở phi tướng phi phi tướng...* hoặc

hiện tiền lưu chuyển trong các đường ái, tạo tác hý luận động, bất động, cho nên tâm theo đó cao cử.

Lại mạn đây lược có 2 chủng: 1. Mạn hoặc loạn; 2. Mạn không hoặc loạn.

Mạn không hoặc loạn là ở nơi hạ liệt mà kể chấp cho mình là hơn. Ở nơi ngang bằng kể chấp ngang bằng mà sanh cao mạn.

Mạn hoặc loạn là 6 mạn khác nhau. Ở nơi sự thọ dụng vật dụng xấu kém, tự cho là vui giàu sang, gọi là mạn hoặc loạn. Ở nơi thọ dụng vật dụng thặng diệu, tự cho là vui giàu sang, gọi là mạn không hoặc loạn. Lại ở nơi tà hạnh mà cho là có được sự thù thắng về sau, gọi là mạn hoặc loạn. Ở nơi chánh hạnh mà cho là thù thắng về sau, gọi là mạn không hoặc loạn.

*Vô minh*: Ở nơi sở tri giác ngộ chân thật, tâm sở năng khuất lấp, năng chướng che làm tánh. Đây lược có 4 chủng: 1. Ngu không hiểu biết; 2. Ngu phóng dật; 3. Ngu nhiễm ô; 4. Ngu không nhiễm ô.

Nếu chỗ có vô trí do ở nơi nghĩa sở tri mà không thấy nghe hiểu biết, gọi là ngu không hiểu biết.

Nếu chỗ có vô trí do ở nơi nghĩa sở tri thấy nghe hiểu biết mà tán loạn quên mất nhớ nghĩ, gọi là ngu phóng dật.

Nếu chỗ có vô trí do tâm điên đảo, gọi là ngu nhiễm ô.

Nếu chỗ có vô trí do tâm không điên đảo, gọi là ngu không nhiễm ô.

Lại vô minh đây bao gồm 2 chủng: 1. Vô minh tương ứng với phiền não; 2. Vô minh độc hành. Chẳng thể không có ngu si mà khởi các hoặc, nên chỗ có vô minh tương ứng với các hoặc khác như tham... gọi là vô minh tương ứng với phiền não. Hoặc không có các phiền não triền như tham... nhưng do lực không như lý tác ý ở nơi các cảnh khổ đế... nên bổ-đặc-già-la sĩ phu độn huệ bị các sự chướng che mà không như thật giản trạch, tánh tâm sở trói buộc ám muội, gọi là vô minh độc hành.

*Nghi*: Tâm sở do dự ở hai phần mà không quyết định được làm tánh. Nghi đây do 5 tướng sai biệt mà được kiến lập, đó là tâm ôm lòng do dự ở trong đời khác, tác dụng, nhân, quả, các thật đế.

Như vậy đã thuyết 10 chủng phiền não, cũng

là duyên phiền não, cũng là duyên sự chuyển. Đó là mười phiền não đều cùng tất cả phiền não của tự địa triển chuyển duyên lẫn nhau, cũng duyên các sự hữu lậu của tự địa. Phiền não địa dưới năng duyên phiền não và sự của địa trên, chẳng phải phiền não địa trên năng duyên phiền não và sự của địa dưới. Như vậy phiền não triển chuyển duyên lẫn nhau và các hoặc của địa dưới năng duyên địa trên. Ở trong các sự đây, văn quyết trạch phần còn lại không hiển nói thêm.

Lại nữa, đồng sanh của thân kiến chỉ có tánh vô ký luôn hiện hành, không gây cực tổn não cho mình cho người. Nếu phân biệt khởi của thân kiến, thì chấp kiên cố và trái với tướng trên. Ở Dục giới chỉ có tánh bất thiện. Nếu ở địa trên, do lực chế phục giữ gìn của Xa-ma-tha, do sự nhiếp thọ của nhiều pháp bạch tịnh, nên thành tánh vô ký, do nhiễm ô nên thể bị ẩn mất. Nương đạo lý đây, các phiền não còn lại tùy theo chỗ thích hợp mà biết.

Phiền não của Dục giới vì là nơi cư trú của các ác hạnh, nên nhiều tánh bất thiện. Lại bất thiện đây hội tụ đầy đủ ba nhân duyên sẽ đi vào đường



ác, khác đây thì bất định. Những gì là ba? Đó là tập quen rất nhiều các ác hạnh không giã. đoạn, kế chấp cho là công đức, không thấy đó là tội lỗi lớn, không thấy đó là tai họa lớn, mặc tình phát khởi là nhân duyên thứ nhất. Dụng phiền não đây làm chỗ nương, thân, ngữ, ý tạo tác và tăng trưởng các ác hạnh là nhân duyên thứ hai. Do phiền não đây nên đoạn trừ phẩm thiện khác, dạy trao phẩm bất thiện là nhân duyên thứ ba. Ngoài sở tác trước, nghiệp thuận thọ về sau năng đến cõi ác.

Lại mười phiền não đây ở phần *Ý địa* chỉ có bảy. Tham, khuể, vô minh cũng thông năm thức. Lại ở Dục giới, bốn kiến và mạn tương ứng với hỷ, xả. Tham tương ứng với lạc, hỷ, xả. Khuể tương ứng với khổ, ưu, xả. Tà kiến tương ứng với hỷ, ưu, xả. Nghi tương ứng với ưu, xả. Vô minh tương ứng với hết thấy năm căn. Nương đây có nhiều đạo lý tương ứng nhau, ngoài ra rất vi tế về sau sẽ rộng thuyết. Các địa trên thì tùy theo sở hữu căn, tức cùng với phiền não của địa đó tương ứng.

Lại mười phiền não kiến sở đoạn gọi là *vô sự*, vì sự sở duyên của kia chẳng phải thành thật

vậy. Phiền não còn lại là hữu sự vô sự, vì trái ngược với kia.

Lại tham cùng mạn do duyên một phần sự vừa ý hữu lậu mà sanh khởi. Khuể do duyên một phần sự không vừa ý mà sanh khởi. Cho nên ba phiền não đây do một phần mà sanh khởi gọi là thủ một phần. Phiền não còn lại là duyên thông nội ngoại ái, phi ái và trái với sự hữu lậu mà sanh, cho nên gọi kia là vào khắp hành.

Nếu thủ tất cả sự thuận theo phiền não như vậy, đồng hành phiền não, phẩm loại phiền não, thì gọi là tùy phiền não.

**Tùy phiền não:** Được kiến lập bởi bốn tướng sai khác: 1. Thông tất cả tâm bất thiện mà phát khởi; 2. Thông tất cả tâm nhiễm ô mà phát khởi; 3. Mỗi tâm bất thiện riêng khởi; 4. Tâm thiện, bất thiện, vô ký khởi, chẳng phải tất cả xứ, tất cả thời.

Không tà, không quý gọi là thông tất cả tâm bất thiện mà phát khởi.

Mười tùy phiền não là phóng dật, trạo cử, hôn trầm, bất tín, giải đãi, tà dục, tà thắng giải, tà

niệm, tán loạn, không chánh biết, đây thông tất cả tâm nhiễm ô mà phát khởi, thông tất cả xứ hệ buộc ba cõi.

Mười tùy phiền não là phân, hận, phú, não, tật, xan, cuống, siểm, kiêu, hại, thì mỗi tâm bất thiện riêng khởi, tức là có một phiền não đầy phát khởi, ắt không có cái thứ hai sanh. Mười chủng như vậy đều hệ buộc Dục giới, ngoại trừ cuống, siểm, kiêu, do cuống và siểm đến Sơ tinh lự, kiêu thông ba cõi. Đây kể cả hai chủng trước. Nếu ở địa trên thì cuống và siểm chỉ là tánh vô ký.

Bốn tùy phiền não là tâm, tứ, ác tác, thù miên đây thông tâm thiện, bất thiện, vô ký mà phát khởi, chẳng phải tất cả xứ, tất cả thời. Nếu tâm cầu suy nghĩ quán sát quá lâu, khiến thân sanh mỗi mệt, tâm thất niệm, cũng khiến lao tổn, cho nên hai loại tâm và tứ đây cho đến Sơ tinh lự địa đều gọi là tùy phiền não. Ác tác và thù miên chỉ có ở Dục giới.

Lại nữa, có các tùy phiền não ở định địa, đó là: tâm, tứ, cuống, siểm, hôn trầm, trạo cử, kiêu, phóng dật, giải đãi... Sơ tinh lự địa có bốn chủng ban đầu, còn lại thông tất cả địa. Ở trong *Tạp sự*,

Thế Tôn thuyết về các tùy phiền não, nói rộng cho đến sâu, thán, ưu, khổ, tùy ưu não... sẽ rộng phân biệt trong phần *Nhiếp sự*. Tất cả tùy phiền não như vậy đều thuộc bốn tướng sai biệt như trên, tùy theo chỗ thích hợp nên biết nhiếp lẫn nhau.

Lại các tùy phiền não ở Dục giới nương 12 điều mới được triển chuyển. Những gì là mười hai? 1. Chấp đắm ác hạnh; 2. Đấu tranh kiện tụng; 3. Hủy phạm giới; 4. Thọ học tùy chuyển theo pháp không phải là bậc thiện nhân; 5. Tà mạn; 6. Đắm trước các dục; 7. Như pháp nghĩa đã nghe, tâm tư duy chắc thật; 8. Ở nơi nghĩa đã tư duy, trong tâm dừng nghỉ, phương tiện giữ gìn tâm; 9. Triển chuyển thọ dụng tài pháp; 10. Không cùng chung sống hỗn tạp; 11. Xa lìa ngoại cụ, phòng xá; 12. Các khổ nhóm họp.

Như tham trước đã thuyết cho đến tùy phiền não... đều lấy 12 điều đây làm chỗ nương, nên các tùy phiền não triển chuyển sai biệt.

Tham trước, sân khuể, ngu si nương điều thứ nhất mà chuyển. Phẫn... cho đến siểm, nương điều thứ hai mà chuyển. Không tà, không quý nương điều thứ ba mà chuyển. Cuống... cho đến mưu hại,

nương điều thứ tư mà chuyển. Kiêu trá... cho đến ác tác, nương điều thứ năm mà chuyển. Bất nhẫn, đam mê vui thích... cho đến tham trước, không bình đẳng, nương điều thứ sáu mà chuyển. Thân kiến, hữu kiến, vô hữu kiến nương điều thứ bảy mà chuyển. Tham dục... cho đến không tác ý, nương điều thứ tám mà chuyển. Luyến tiếc vui vẻ nương điều thứ chín mà chuyển. Tánh không chất trực, tánh không nhu hòa, tánh không chuyển theo đồng phận nương điều thứ mười mà chuyển. Tâm tư dục... cho đến tâm tư cư gia quyến thuộc ràng buộc nương điều thứ mười một mà chuyển. Sâu, thán.. nương điều thứ mười hai mà chuyển.

Lại nữa, vì năm kiến đây là tánh huệ, nên xoay vẫn không tương ưng nhau, vì tự tánh này chẳng tương ưng với tự tánh khác. Vì sân khúe và mạn, nghi lại trái nhau, nên không tương ưng nhau. Tham nhiễm khiến tâm ti tiện hạ liệt, kiêu mạn khiến tâm cao cử, cho nên tham và mạn lại xoay vẫn trái nhau.

Lại nữa, như điều đã thuyết thì các tùy phiền não đều là phẩm loại phiền não. Phóng dật cũng thuộc tất cả phẩm loại phiền não. Vì cơ sao? Vì lúc

ái nhiễm sanh nhiều phóng dật, cho đến lúc nghi cũng có phóng dật. Tham trước, xan, lận, kiêu, cao, trạo cử... đều thuộc phẩm loại tham, đều thuộc tham đẳng lưu. Phẫn, hận, nã, tật, hại... thuộc phẩm loại sân, thuộc sân đẳng lưu. Cuống, siểm... thuộc phẩm loại tà kiến, thuộc tà kiến đẳng lưu. Phú... thuộc phẩm loại siểm, tức là thuộc siểm đẳng lưu của kia. Tùy phiền não còn lại thuộc phẩm loại si, tức là thuộc si đẳng lưu. Chỉ ngoại trừ tầm tứ, vì tầm tứ thì tuệ tư duy làm tánh, giống như các kiến. Nếu tuệ nương tựa ý lời mà sanh, nhưng ở nơi cảnh sở duyên lại sợ hãi thúc đẩy xét tìm, dấu tuệ làm tánh nhưng gọi là tầm tứ. Nếu ở nơi các cảnh giới hành cảnh sơ sai vội vàng, tuệ nương tựa ý lời thô, gọi là tầm. Nếu ở nơi cảnh giới đây không vội vàng mà lại tìm tòi quán xét, tuệ nương tựa ý lời tế, gọi là tứ.

Đây gọi là phiền não tạp nhiễm do tự tánh sai biệt mà được kiến lập.

**3. Do nhiễm, tịnh sai biệt:** Như đã thuyết về gốc theo hai hoặc, thì lược do hai duyên khiến hữu tình bị nhiễm não: **a.** Do triền; **b.** Do tùy miên.

Phiền não hiện hành khởi gọi là triền. Chủng tử đây chưa được đoạn trừ, chưa bị tổn hại, gọi là tùy miên, cũng gọi là thô trọng. Lại ở tại vị không biết được nhận ra gọi là tùy miên. Ở tại vị biết được nhận ra gọi là triền. Nếu bổ-đặc-già-la có đủ các phược sanh ở Dục giới, thì thành tựu phiền não tùy miên của ba cõi. Nếu sở hữu dị sanh sanh ở Sắc giới, nhờ Xa-ma-tha nên thành tựu trong việc tổn phục phiền não tùy miên của Dục giới, nhưng chưa thành tựu việc tổn phục phiền não tùy miên của Sắc giới và Vô sắc giới. Nếu sở hữu dị sanh sanh Vô sắc giới, nhờ Xa-ma-tha nên thành tựu việc tổn phục phiền não tùy miên của Dục giới và Sắc giới, nhưng chưa thành tựu việc tổn phục phiền não của Vô sắc giới. Như đạo lý giới thì tùy theo đó mà địa cũng vậy. Các phiền não triền, nếu kẻ chưa ly dục tự địa phiền não, thì kia ở tự địa hiện khởi; nếu người đã lìa dục, tức không hiện khởi. Nếu ở địa dưới thì các triền địa trên cũng đều có được, chẳng phải ở tại địa trên mà nói là có được các triền địa dưới.

**Hỏi:** Bổ-đặc-già-la đủ tất cả phược, các phiền não triền khởi diệt, nhưng chưa xả. Các phiền não

hệ thuộc sự nào, ở quá khứ, ở vị lai hay ở hiện tại?

**Đáp:** Quá khứ đã hệ buộc nên không gọi là hệ. Chỉ ở hiện tại bởi chủng loại phiền não tùy miên đây, nên gọi là hệ. Nếu các phiền não đây hiện tiền khởi, cũng do triền, nên nói là hệ. Ở đời vị lai tùy miên và triền vì sẽ hệ buộc, nên cũng không được gọi là hệ. Như chủng loại đây, nên biết các phiền não còn lại cũng vậy. Như đây đủ phược, thì không đầy đủ phược cũng như vậy. Khác nhau ở chỗ phiền não khác gọi là hệ buộc.

**Hỏi:** Những người tu hành điều phục phiền não triền, phải điều phục thế nào?

**Đáp:** Vì dụng tu ba chủng lực đối trị, nên nói là điều phục phiền não triền: 1. Biết rõ tự tánh quá hoạn của phiền não; 2. Tư duy đối trị cảnh tướng sở duyên; 3. Dùng phẩm thiện thù thắng huân ướp thấm nhuần tương tục nơi tâm. Nên biết đây dụng chánh kiến làm đạo dẫn đầu, vĩnh viễn đoạn phiền não triền.

**Hỏi:** Những người tu hành lúc đoạn các phiền não là xả triền chướng, là xả tùy miên chướng? Do đoạn những gì mà nói là đoạn?

**Đáp:** Chỉ xả tùy miên, vì phiền não triền trước



đã xả. Chỉ do đoạn tùy miên nên nói là đoạn. Vì có sao? Tuy triền đã đoạn, nếu tùy miên chưa đoạn, phiền não triền lại hiện khởi. Nếu tùy miên đã đoạn, thì triền và tùy miên rốt ráo chẳng khởi.

**Hỏi:** Là đoạn quá khứ, là đoạn vị lai, hay là đoạn hiện tại?

**Đáp:** Chẳng phải đoạn quá khứ hay đoạn vị lai, hay đoạn hiện tại, nhưng nói đoạn chung ba đời. Vì có sao? Nếu ở quá khứ có tâm tùy miên, vì nhậm vận diệt, tánh kia đã đoạn thì lại đoạn cái gì? Nếu ở vị lai có tâm tùy miên, vì tánh chưa sanh, thể tức là không, sẽ đoạn cái gì? Nếu ở hiện tại có tâm tùy miên đây sát-na sau tánh không trụ, lại đoạn cái gì? Lại tâm có tùy miên và lìa tùy miên, hai tâm đó chẳng hòa hợp, cho nên hiện tại cũng chẳng phải đoạn hiện tại. Do hai nhân duyên, đó là từ người được nghe thuyết chánh pháp và bên trong như lý tác ý, nên tương ưng chánh kiến, tùy theo các hoặc sở trị mà tâm năng trị sanh khởi, các tâm có tùy miên diệt; tức là khi tâm đây sanh thì tâm kia diệt. Nên biết đạo lý sanh diệt đối trị bình đẳng. Tâm năng đối trị tương ưng chánh kiến, nên đời hiện tại không có tùy miên, đời quá khứ

cũng không có tùy miên, sát-na sau lìa tâm tùy miên nên đời vị lai cũng không có tùy miên. Từ đây về sau, ở trong thân tương tục đã chuyển y, đã đoạn tùy miên, sở hữu về sau đắc tâm thiện, vô ký nhiếp thuộc thế gian. Ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại đều lìa tùy miên nên cả ba đời đều nói là đoạn. Đây gọi là kiến lập nhiệm tịnh sai biệt của phiền não tạp nhiễm.

**4. Kiến lập mê, đoạn của phiền não tạp nhiễm:** Lược có 15 chủng. Ở hệ buộc Dục giới có năm chủng là các lậu kiến khổ, tập, diệt, đạo để sở đoạn và các lậu tu sở đoạn. Như hệ buộc Dục giới, thì hệ buộc Sắc giới, hệ buộc Vô sắc giới mỗi mỗi cũng có năm. Như vậy tổng cộng là 15 chủng.

Ở Dục giới, mê khổ đế có 10 phiền não, mê tập đế có 8, trừ thân kiến và chấp biên kiến. Như mê tập đế, thì mê diệt đế, mê đạo đế cũng lại như vậy. Mê các đế của các giới cao hơn, trừ sân khuể, tùy theo thứ lớp cũng như mê ở Dục giới.

**Mê khổ đế có 10 tùy miên:** Lược có năm thủ uẩn gọi chung là khổ. Ngũ phu ở trong năm thủ

uẩn đây mà khởi 20 cú thân kiến, 5 cú ngã kiến, còn lại là ngã sở kiến. Đây gọi là mê khổ thân kiến.

Lại tức dụng thân kiến làm chỗ nương, ở nơi năm thủ uẩn kiến ngã đoạn, thường. Cho nên chấp biên kiến cũng là mê khổ.

Lại các tà kiến như không thí... cho đến không có nghiệp quả diệu hạnh, ác hạnh và dị thực đều là mê khổ đế. Lại có tà kiến cho là hữu tình hóa sanh, bác bỏ không có cha mẹ. Tà kiến như vậy, một phần mê khổ, một phần mê tập. Lại có các ngoại đạo phỉ báng Khổ đế, khởi đại tà kiến: “Sa-môn Kiều-Đáp-Ma vì chúng đệ tử tuyên nói Khổ đế, đây nhất định không có”. Tà kiến như vậy cũng là mê khổ đế. Lại có các kiến vọng kế chấp cho là Tự tại, Thế chủ, Thích, Phạm và vật loại khác là thường, là hằng, là không biến đổi. Tà kiến như vậy cũng là mê khổ đế. Lại có các kiến kế chấp biên, không biên, như vậy cũng gọi là mê khổ tà kiến. Lại có Sa-môn, Bà-la-môn tà kiến một phần kiêu loạn bất tử, cũng là mê khổ đế.

Lại có kiến thủ kế chấp hư vọng mê khổ, cho sở hữu các kiến đây là bậc nhất, năng khiến thanh

tĩnh giải thoát xuất ly. Như vậy gọi là mê khổ kiến thủ.

Lại có chấp thủ hư vọng thuận theo kiến đây, cho thọ giới cấm là bậc nhất, năng đắc thanh tịnh giải thoát xuất ly. Giới cấm thủ đây cũng là mê khổ đế.

Lại có các ngoại đạo ở nơi các kiến đây không nhất định tín nhận tin thọ, cũng không nhất hướng phỉ báng chỗ kiến lập khổ đế Như Lai, nhưng lại ôm lòng do dự đối với khổ đế đây. Đây và các khổ do dự còn lại là mê khổ nghi.

Lại tự mình khởi kiến như vậy mà yêu quý chấp đắm kiên cố, như kiến tham, đây là mê khổ tham.

Lại ở nơi phát khởi kiến của người, tâm ôm lòng trái tổn là mê khổ khuể.

Lại giữ kiến đây sanh tâm cao cử là mê khổ mạn.

Lại không hiểu biết các kiến đây và tương ưng phiền não như nghi tham, hoặc chỉ ở nơi khổ không hiểu biết độc hành, gọi là mê khổ vô minh.

Mười loại phiền não đây đều là mê khổ đế, kiến khổ sở đoạn.

**Mê tập đế có 8 tùy miên:** Có các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn sanh khởi tà kiến phỉ báng nhân. Hoặc có các Sa-môn, các Bà-la-môn kế chấp Tự tại... là người sanh ra, là người hóa ra, người làm ra tất cả vật. Đây là sở hữu tà kiến của luận ác nhân.

Lại có tà kiến cho là không thí, không thọ, cũng không có tế tự, cũng không có diệu hạnh, không có ác hạnh. Lại có ngoại đạo, Sa-môn, Bà-la-môn phát khởi một phần tà kiến kiểu loạn bất tử. Lại có tà kiến phỉ báng Tập đế, đó là các ngoại đạo kế chấp tác lời như vậy: “Như Sa-môn Kiều-Đáp-Ma kia vì chúng đệ tử mà thuyết Tập đế, điều này quyết chắc không có”. Hết thấy kiến như thế là do mê tập đế nên khởi tà kiến.

Lại có kiến thủ chấp lấy các kiến kia là bậc nhất, năng đắc thanh tịnh giải thoát xuất ly. Đây do mê tập đế nên khởi kiến thủ.

Lại thuận theo kiến đây cho việc thọ các pháp giới cấm thủ là bậc nhất. Giới cấm thủ đây là do mê tập đế. Tham nghi... còn lại nên biết như trước.

Tám chủng loại phiền não tùy miên như vậy do mê tập đế, kiến tập sở đoạn.

**Mê diệt đế có 8 tùy miên:** Có các Sa-môn hoặc Bà-la-môn kế chấp biên, không biên. Lại có các kiến một phần kiểu loạn bất tử.

Lại có sở hữu tà kiến của các Sa-môn, Bà-la-môn kế chấp luận hiện pháp Niết-bàn. Lại có tà kiến phỉ báng cho là thế gian không có chân A-la-hán, rộng thuyết cho đến không có hai đức của A-la-hán là đoạn và trí. Trong đây chỉ lấy tà kiến phỉ báng đoạn. Lại có tà kiến phỉ báng Diệt đế, đó là các ngoại đạo như trước đã nói rộng. Lại có sở hữu các tà kiến kế chấp ngang ngược các tà giải thoát. Các kiến như vậy là do mê diệt đế nên phát khởi tà kiến.

Lại có các kiến thủ chấp các kiến kia cho là bậc nhất, nói rộng như trước. Đây do mê diệt đế nên phát khởi kiến thủ.

Lại thuận theo kiến kia cho việc chấp thọ các pháp giới cấm thủ là bậc nhất, nói rộng như trước. Đây là do mê diệt đế nên phát khởi giới cấm thủ. Ngoài ra tham... nên biết như trước. Sân khuể thì đối với diệt đế khởi tâm kinh sợ, khởi tâm tổn hại, khởi tâm khuể não. Sân khuể như vậy là mê diệt đế.

Tám loại phiền não tùy miên như vậy là mê diệt đế, kiến diệt sở đoạn.

**Mê đạo đế có 8 tùy miên:** Đó là phỉ báng thế gian không có chân thật A-la-hán, cho đến nói rộng, trong đây sở hữu phỉ báng Nhất thiết trí là đạo dẫn dắt hữu vi vô lậu. Nên biết kiến đây do mê đạo đế mà khởi tà kiến. Lại có các Sa-môn, Bà-la-môn có tà kiến một phần kiểu loạn bất tử, cũng là mê đạo đế. Lại có các ngoại đạo có tà kiến phỉ báng đạo, cho là Sa-môn Kiều-Đáp-Ma vì chúng đệ tử thuyết đạo xuất ly, đây chẳng thật xuất ly. Do đây chẳng thể tận xuất ly khổ. Phạt thi thiết vô ngã kiến và tùy pháp thọ trì giới cấm là đạo tà ác, chẳng phải đạo chánh diệu. Như vậy cũng gọi là mê đạo tà kiến. Lại các ngoại đạo kia tác kế chấp như vậy: “Sở hành của ngã... hoặc hành hoặc đạo là chân hành đạo, năng tận dứt, năng ra khỏi tất cả khổ”. Như vậy cũng gọi là mê đạo tà kiến.

Lại có kiến thủ kế chấp tà kiến kia, là bậc nhất, năng đắc thanh tịnh giải thoát xuất ly, gọi là mê đạo kiến thủ.

Lại thuận theo kiến kia cho việc thọ các pháp

giới cấm thủ là bậc nhất, năng đắc thanh tịnh giải thoát xuất ly. Đây gọi là mê đạo giới cấm thủ. Ngoài ra tham... là mê đạo phiền não.

Như đạo lý mê diệt đế, nên biết tám chủng phiền não tùy miên mê đạo đế, kiến đạo sở đoạn cũng vậy.

Như vậy đã thuyết các lậu kiến sở đoạn.

**Các lậu tu đạo sở đoạn:** Sân khuể của Dục giới và ba chủng tham, mạn, vô minh của ba cõi do phải trường thời tu tập chánh đạo mới năng đoạn được, cho nên gọi là tu đạo sở đoạn. Lại phiền não của vô lượng địa giới kia đều có ba phẩm là hạ, trung, thượng. Đạo năng đoạn cũng có ba phẩm: tu đạo phẩm hạ năng đoạn các lậu phẩm thượng, trung năng đoạn trung, đạo thượng năng đoạn hạ.

Lại người kia tu đạo các lậu sở đoạn, mà trường thời kiên cố ở nơi sự hữu lậu nhậm vận chuyển theo, thì ở nơi mê của mình khó thể giải thoát. Như vậy gọi là kiến lập mê-đoạn sai biệt của phiền não tạp nhiễm.

Lại như đã thuyết, các lậu phiền não kiến sở đoạn và tu sở đoạn nên biết lược có 5 loại sở duyên:



1. Duyên cảnh sự do tà phân biệt sanh khởi; 2. Duyên cảnh kiến; 3. Duyên cảnh cấm giới; 4. Duyên cảnh danh do tự phân biệt sanh khởi; 5. Duyên cảnh sự tự nhậm vận kiên cố.

Trong đây, nếu sở hữu các lậu do duyên cảnh sự khổ, tập mà sanh khởi, thì gọi là duyên cảnh sự do tà phân biệt khởi. Các lậu kiến đoạn như kiến thủ tham... trừ nghi, gọi là duyên cảnh kiến; giới cấm thủ là duyên cảnh giới cấm. Sở hữu các lậu duyên cảnh diệt, đạo và duyên cảnh giới không đồng phạm, gọi là duyên cảnh danh do tự phân biệt khởi. Vì cơ sao? Vì chẳng phải phiền não đây năng duyên diệt, đạo, cũng chẳng năng duyên giới không đồng phạm, cũng chẳng phải không sở duyên. Các lậu tu sở đoạn là duyên cảnh sự tự nhậm vận kiên cố.

**5. Kiến lập đối trị sai biệt phiền não tạp nhiễm:** Lược có 4 chủng: *a.* Đối trị tương tục thành thực; *b.* Đối trị cận đoạn; *c.* Đối trị một phần đoạn; *d.* Đối trị toàn phần đoạn. Trong *Thanh văn địa* đã thuyết đầy đủ.

Mười ba chủng tư lương đạo gọi là đối trị tương

tục thành thực như trong *Thanh văn địa* đã thuyết đầy đủ. Noãn, đảnh, nhãn, pháp thế đệ nhất, thiện căn phần quyết trạch gọi là đối trị cận đoạn. Kiến đạo gọi là đối trị một phần đoạn. Tu đạo gọi là đối trị toàn phần đoạn.

**Hỏi:** Bậc tiến lên kiến đạo của bậc Thánh, trí hành có tướng gì? Do bao nhiêu tâm khiến kiến đạo đặc rõ ráo? Sao gọi là nên xả *hoặc kiến sở đoạn*? Dùng đốn hay tiệm?

Đáp: Chỗ có trí hành của bậc tiến lên kiến đạo thì xa lìa nhóm tướng. Bấy giờ thánh trí tuy duyên nơi khổ, nhưng ở nơi sự khổ mà không khởi phân biệt “đây là khổ”, rồi nắm giữ tướng ấy mà chuyển. Như nơi khổ đế, thì nơi tập, diệt, đạo cũng lại như vậy. Lúc bấy giờ, ở trong thế tục trí quán các đế trước kia, tất cả tướng tướng đều được giải thoát, trí tuyệt dứt hý luận, chỉ nghĩa duyên lý chân như, lìa tướng mà chuyển. Ngay khi ấy trí hành như vậy.

Do hai đạo lý mà kiến đạo được kiến lập: 1. Kiến lập đạo lý rộng lưu bố thánh giáo có hý luận; 2. Kiến lập đạo lý thẳng nghĩa do nội chứng lìa hý luận.

Vì nương kiến lập ban đầu lực tăng thượng, nên thuyết phẩm pháp trí có bốn chủng tâm và phẩm loại trí cũng có bốn chủng tâm. Lúc bấy giờ tùy theo chỗ thích hợp mà tám chủng tâm chuyển. Như vậy nói chung gọi là chỗ hiển một tâm duy chỉ thuần nhập Xa-ma-tha địa không gián đoạn. Như vậy tổng lược có chín chủng tâm khiến kiến đạo rất ráo. Tùy lúc ấy như chỗ thi thiết liễu biệt rất ráo tướng của khổ đế, tức lúc ấy gọi là một tâm.

Vì nương kiến lập thứ hai lực tăng thượng, nên thuyết có một tâm, đó là chỉ nương một loại tâm tương ứng chứng chân như trí, kiến đạo rất ráo. Trong đây cũng có đạo Xa-ma-tha, nên biết như trước.

Lại lập hai phần phiền não tùy miên sở đoạn của vị kiến đạo: 1. Đuối theo sắc thanh tịnh; 2. Đuối theo tâm, tâm sở. Do trong kiến đạo Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na chuyển vận song song, Thánh đệ tử đồng thời năng xả, dụng hai đạo Chỉ và Quán đây mà đoạn trừ tùy miên. Quán đoạn trừ phần tùy miên thứ nhất, Chỉ đoạn trừ phần tùy miên thứ hai. Ngang đây kiến đạo gọi là đến rất ráo.

Nếu nói phẩm Tỳ-bát-xá-na nhiếp lấy các trí

kiến đoạn trừ tùy miên đuổi theo sanh khởi, thì lẽ không được gọi là thể tánh đối trị. Do nhân duyên đây nên đức Bạc-Già-Phạm thuyết: “Bạc tùy tín hành, bạc tùy pháp hành lúc nhập kiến đạo gọi là bổ-đặc-già-la hành thứ sáu, hành vô tướng. Chẳng phải được năm tên gọi là bổ-đặc-già-la tín, thắng giải, kiến đắc thân chứng, tuệ giải thoát, câu giải thoát. Do vị kia ở nơi diệt an trụ tướng tịch tĩnh, nên gọi vị kia là trụ vô tướng. Ví như lương y nhỏ mũi tên độc. Biết ung nhọt đã chín mũi liền dùng dao bén mổ, mũi ra dần nhưng chưa hết. Về sau lại mổ rộng hơn, xoa bóp đều quanh, mũi ra hết nhưng chưa thật sạch sẽ. Miệng vết thương vẫn mở, vì khiến lành nên lại dùng vải băng kín, như vậy dần dần bắp thịt được lành. Dùng ví dụ đây để dễ dàng liễu nghĩa kia hơn. Trong đây, nghĩa như ung nhọt đã mũi nên biết cũng như các lậu đã đến lúc đoạn trừ. Như dùng dao bén mổ, thì phẩm Tỳ-bát-xá-na nhiếp lấy kiến đạo cũng vậy. Như mổ rộng vết thương, xoa bóp đều quanh, thì phẩm Xa-ma-tha nhiếp lấy kiến đạo cũng vậy. Như mũi, thì tất cả tùy miên lậu sở đoạn của vị kiến đạo cũng vậy. Như vết thương chưa sạch hẳn, chưa khít thì sự lậu của

các lậu sở đoạn ở vị tu đạo cũng vậy. Như dùng vải băng kín, thì tu đạo cũng vậy.

Nếu các dị sanh ly dục Dục giới hay dục Sắc giới, chỉ là tu đạo, không có kiến đạo. Khi người kia đắc ly dục Dục giới, thì tham dục, sân khuể và các pháp thân cận kiêu mạn, chỗ gọi phiền não tương ứng với vô minh không hiện hành, nên đều gọi là đoạn, chẳng phải như thân kiến sở đoạn của vị kiến đạo. Do các hoặc kia vẫn trụ nơi thân đây, từ định khởi rồi có lúc hiện hành, chẳng phải người sanh địa trên mà kia hiện khởi trở lại. Như vậy dị sanh ly dục Sắc giới như chỗ thích hợp trừ sân khuể, thì phiền não khác nên biết cũng vậy. Sở hữu các lậu kiến sở đoạn của tự địa, hoặc định, hoặc khởi, hoặc sanh, ở tất cả thời nếu gặp duyên sanh liền hiện tại tiền.

Lại lược có 2 chủng thô trọng: 1. Lậu thô trọng; 2. Hữu lậu thô trọng.

Lậu thô trọng: khi phiền não sở đoạn ở vị tu đạo của bậc A-la-hán... đoạn trừ, đều vĩnh viễn là hết thấy tùy miên, tánh không an ổn, tánh không kham năng có trong thân hữu thức.

Hữu lậu thô trọng: khi tùy miên đoạn, thì tất

cả từ lậu sanh khởi, chỗ huân tập phát sanh lậu, tánh sở đắc trước kia, tánh không an ổn, tánh nương gá, tánh không kham năng và những tánh tương tự với kia, thấy đều bạt trừ. Lại hữu lậu thô trọng đây gọi là tập phiền não. A-la-hán và Độc giác chưa năng đoạn dứt, chỉ có Như Lai năng rốt ráo đoạn. Cho nên nói kia là vĩnh viễn đoạn tập khí, pháp Phật bất cộng.

Như vậy gọi là phiền não tạp nhiễm do 5 chủng tướng sai biệt mà được kiến lập.

**Hỏi:** Như Thế Tôn nói: “Tham phân biệt hư vọng gọi là dục của sĩ phu”. Bởi nhân duyên nào duy chỉ có phiền não dục được gọi là dục, chẳng phải sự dục?

**Đáp:** Vì tánh của phiền não dục là nhiễm ô. Lại chỉ có phiền não dục năng thúc đẩy sự dục. Lại phiền não dục phát động sự dục khiến sanh chủng chủng quá hoạn tạp nhiễm. Đó là những kẻ sở hữu tham hư vọng phân biệt mà chưa biết chưa đoạn, trước chịu sự thiêu não của ái dục. Vì ái dục thiêu đốt nên truy cầu các dục. Vì truy cầu dục nên thân tâm thọ chủng chủng bệnh khổ.

Giả cho là dục kia có lợi ích, nếu không được

thỏa mãn toại ý, liền bị khổ do nhọc nhằn mà không có kết quả, sanh khởi ta thán sâu bi. Nếu được thỏa mãn toại ý, liền bị khổ do nắm giữ nhân duyên, thọ dụng, giữ gìn, tham đắm, luyến tiếc. Khi thọ dụng bị lửa tham thiêu đốt, bên trong liền thọ khổ không tịch tĩnh. Khi hoại mất lại thọ khổ sâu ưu. Lại vì theo đuổi nhớ nghĩ, nên thọ khổ luyến tiếc. Do nhân đây phát khởi thân, ngữ và ý hành ác.

Lại hàng xuất gia lúc xả bỏ dục, tuy xả ly nhân phiền não dục, nhưng dục khởi trở lại. Lại do nhân duyên phiền não dục đây, năng rước lấy khổ sanh, lão, bệnh, tử, ác thú... ở Dục giới. Hết thấy các loại quá hoạn tạp nhiễm đều lấy phiền não dục làm nhân duyên, cho nên Thế Tôn chỉ thuyết phiền não dục gọi là dục, chẳng phải sự dục.

**Hỏi:** Có bao nhiêu chủng phân biệt hư vọng năng sanh dục tham?

**Đáp:** Lược có 8 chủng: 1. Phân biệt dẫn phát; 2. Phân biệt gặp gỡ; 3. Phân biệt sở kết hòa hợp; 4. Phân biệt có tướng; 5. Phân biệt gần gũi; 6. Phân biệt hỷ lạc; 7. Phân biệt xâm túc; 8. Phân biệt cực gần gũi. Như trong kinh Đại Phạm

thỉnh hỏi:

*Dẫn phát cùng gặp gỡ  
 Và sở kết hòa hợp  
 Có tướng, hoặc gần gũi  
 Cũng nhiều chủng hỷ lạc  
 Xâm bức, cực gần gũi  
 Gọi hư vọng phân biệt  
 Hay sanh nơi dục tham  
 Người trí phải xa lìa.*

Phân biệt dẫn phát: là tâm phương tiện tương tục xả rồi, ở trong các dục phát sanh tác ý. Phân biệt gặp gỡ: ở nơi cảnh chưa hòa hợp, không hiện tiền, bị sự trói buộc của dục tham triền. Phân biệt sở kết hòa hợp: bị sự trói buộc của tham dục triền, nên truy cầu các dục. Phân biệt có tướng: ở nơi cảnh giới hòa hợp hiện tiền lại chấp thủ tướng, chấp thủ tùy hảo. Phân biệt gần gũi: ở cảnh giới hòa hợp hiện tiền bị sự trói buộc của tham dục triền nên truy cầu các dục. Phân biệt hỷ lạc: do tham dục triền, mong cầu thọ dụng vô lượng dục. Phân biệt xâm bức: do một hướng thấy công đức nên lãnh thọ, lại thêm mong cầu. Phân biệt cực



gân gũ: sự trói buộc của các tham dục triển lên đến cực điểm.

**Hỏi:** Cớ sao trong số các phiền não Dục giới, chỉ hiển thị tham là tướng dục?

Đáp: Do đây chính là nhân hiển thị tham ái là tướng tập đế, tức lấy nhân đây mà biết tướng đây.

**Hỏi:** Cớ sao hiển thị phân biệt đồng với tham lấy làm tướng dục?

Đáp: Hoặc do nhân duyên đây khiến tham hiện tiền phát khởi ở nơi tham, hoặc do nhân duyên đây thọ dụng sự dục, gọi chung làm một là tham phân biệt hư vọng. Lại có một người buông xả các dục mà xuất gia, nhưng nơi các dục khởi phân biệt hư vọng. Vì rõ biết phân biệt hư vọng cũng là dục, thoát hiện rồi lại buông xả, cho nên hiển phân biệt cũng là tướng dục.

**Hỏi:** Cớ sao chỉ thuyết tham ái là tướng tập đế?

Đáp: Do 2 nhân duyên: 1. Vì tham ái kia có mong muốn, không muốn làm chỗ nương; 2. Vì tham ái sanh khởi khắp. Vì sao như thế? Do tham ái kia nên đối với thân mạng, tài bảo... có sự mong

muốn, tức do thu nhiếp thọ dụng chúng nên khởi mong muốn; đối với những việc trái ngược thiện không mong muốn mà hiện nhiếp thọ phương tiện, nên phát khởi không mong muốn. Do mong muốn, không mong muốn đây, nên lưu chuyển trong sanh tử không đoạn dứt. Nên biết sanh khởi khắp lại có 3 chủng: 1. Vị biến khắp, vì nương tất cả thọ sai khác mà chuyển, đây do năm môn: do hòa hợp hỷ, do không lìa hỷ, do không hòa hợp hỷ, do chia lìa hỷ, do theo tự thân mà có ái ẩn sâu; 2. Thời biến khắp, vì duyên cảnh ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại; 3. Cảnh biến khắp, vì duyên hiện pháp, hậu pháp, nội thân mà khởi; cũng duyên cảnh giới đã được, chưa được mà khởi.

**Hỏi:** Cớ sao chỉ thuyết là sự phiền não tham, sân, si thì tâm đắc ly dục, không thuyết là sắc thọ...?

**Đáp:** Do lìa đây cũng tức là lìa kia; lại vì các phiền não tánh nhiễm ô, lại tức do đây có nhiều quá hoạn. Vì sao? Nếu nơi sự việc khởi các quá hoạn, nên biết đều do phiền não gây ra, là các quá hoạn như trong *Uẩn thiện xảo* trước đã quán sát sở hữu quá hoạn của bất thiện. Lại quá hoạn đây có

thể tránh khỏi, xa lìa. Vì có sao? Ở trong các sự, tất cả phiền não đều có thể thoát khỏi, nhưng chẳng phải ở nơi tất cả sự. Lại các đạo thế tục do tu tập quán bất tịnh... tuy nhằm chán sự kia mà nhập ly dục địa, nhưng ở ly dục địa, phiền não vẫn đuổi theo, phiền não nơi tâm chưa đắc ly dục. Do đạo lý đây chỉ lìa phiền não thì tâm khéo ly dục, chẳng phải lìa sự. Ở xứ đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.

**Hỏi:** Nhân nào ở trong các kinh, từ các phiền não khác mà chọn lấy ngã, ngã sở kiến, ngã mạn, chấp trước, tùy miên gọi là phẩm phiền não nhiễm ô?

**Đáp:** Do 3 nhân: 1. Vì hướng đến tà hạnh, đó là hai chủng: ngã, ngã sở kiến. Vì có sao? Vì nương thân kiến lấy làm căn bản, năng sanh khởi 62 kiến. Nương gá đây nên đối với việc không giải thoát mà kế chấp cho là giải thoát nên khởi tà hạnh; 2. Vì trái ngược chánh hạnh, đó là hai chủng: ngã mạn, chấp trước. Vì có sao? Vì nương chấp trước, ngã mạn, nên sở hữu bạn lành ở trong chánh pháp Tỳ-nại-da đây, chỗ gọi chư Phật và đệ tử Phật chân thiện tượng phu mà không đến thỉnh

hỏi điều gì là thiện, điều gì bất thiện. Giả sử kia có đến hỏi cũng chẳng như thật hiển bày chính mình; 3. Vì thói thất thắng vị, đó là một chủng tùy miên. Vì cơ sao? Tuy đã đến hữu đẳng mà do sự đuổi theo của tùy miên của địa dưới, nên trở lại thói đọa.

Lại có cách nói khác, đó là thông đạt sở tri ở nơi diệt tác chứng có 2 chủng pháp gây chướng ngại rất lớn: 1. Nhân duyên tà hạnh; 2. Nhân duyên sanh khổ. Nhân duyên tà hạnh đó là 62 kiến, nhân chấp đây nên thân, ngữ, ý khởi các tà hạnh đối với hữu tình. Nhân duyên sanh khổ vì không đoạn tùy miên. Lại hai nghiệp đây có hai nhân duyên: nhân duyên của nhân duyên tà hạnh, đó là kế chấp ngã, ngã sở, thân kiến; nhân duyên của nhân duyên sanh khổ, đó là hai vị trước sau không khởi chánh hạnh. Do ngã mạn nên trước chẳng nghe chánh pháp, do tăng thượng mạn nên sau chẳng tu chánh hạnh.

Lại có cách nói khác, đó là ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da có 4 chủng pháp là tối là thượng, thắng cực thắng diệu chẳng đồng ngoại đạo. Những gì là bốn? 1. Giải trạch các đế; 2. Minh cùng các đồng phạm hạnh tu tập pháp khả lạc; 3. Đối với

các dị luận không sanh ganh ghét tật đố; 4. Năng không thối thất trong phẩm thanh tịnh.

Ở trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da cũng có 4 pháp, nhưng 4 pháp đây gây chướng ngại lớn: 1. Kế chấp ngã, ngã sở, thân kiến; 2. Ngã mạn; 3. Hư vọng chấp thủ đế; 4. Không đoạn tùy miên. Do nhân duyên đây, tuy đến được hữu đẳng cũng đọa lạc trở lại. Lại có hai chấp: 1. Chấp căn cảnh, đó là chấp ngã, ngã sở; 2. Chấp hữu tình triển chuyển, đó là ngã mạn, kế chấp cho ta là hơn hết.

**Hỏi:** Tự có tham ái làm nhân các khổ, cơ sao ở chỗ khác Thế Tôn lại thuyết dục là nhân khổ?

**Đáp:** Bởi lấy đây làm nhân duyên khổ ở hiện pháp. Vì cơ sao? Nếu đối với các hữu tình có dục, có tham, có gạn gũi, khi kia biến đổi liền sanh hết thảy khổ ưu não...

**Hỏi:** Cơ sao năm cái thuyết danh là con rùa?

**Đáp:** Vì giống như năm chi, vì năng chướng ngại tu tập như lý tác ý.

**Hỏi:** Cơ sao phần thuyết danh là lạc đà mẹ?

**Đáp:** Vì tánh giống kia vậy. Do nói lời thô ác, nói lời không kham nhẫn đối với hữu tình, nên năng chướng ngại được nghe giáo thọ giác giới.

**Hỏi:** Cớ sao keo kiệt ganh ghét thuyết danh là máu đông?

Đáp: Do ở nơi lợi dưỡng hư huyền vô vị mà hiện hành, vì năng chướng pháp vui khả ái.

**Hỏi:** Cớ sao các dục thuyết danh là máy xay thịt?

Đáp: Vì không nhất định một chủ thể nào, vì năng chướng tu thiện pháp không gián đoạn.

**Hỏi:** Cớ sao vô minh thuyết danh là chó sói?

Đáp: Vì tánh giống kia vậy, che chướng trí *văn*.

**Hỏi:** Duyên nào nghi thuyết danh là đường núi lạ?

Đáp: Vì tánh giống kia vậy, chướng che trí *tu*.

**Hỏi:** Cớ sao ngã mạn thuyết danh là lẩn quẩn?

Đáp: Vì tánh giống kia vậy, chướng che trí *tu*.

**Hỏi:** Lại có các loại khác năng phát khởi vô lượng phiền não ác hạnh, cớ sao chọn lấy tham, sân, si kiến lập là bất thiện căn?

Đáp: Nhân duyên phát nghiệp lược có ba chủng: đó là vì nhân duyên ái vị, vì nhân duyên tổn người và vì nhân duyên chấp trước kiến lập tà pháp. Tham, sân, si đây tùy theo đó mà phân tách giải

thích thích hợp với các nhân duyên trên.

Trong Ốt-Đà-Nam nói:

*Dục, ái, ly dục*

*Kế chấp ngã... dục*

*Rùa, lạc đà mẹ...*

*Cùng tham, sân, si...*



## *Quyển 59*

### **Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐỊA**

### **Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐỊA**

### **Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐỊA**

#### **Phần 2**

**Hỏi:** Trong mười phiền não tham... thì bao nhiêu năng phát nghiệp, bao nhiêu chẳng năng phát nghiệp?

**Đáp:** Tất cả đều năng phát nghiệp. Nếu các phiền não mãnh lợi hiện hành, thì năng phát khởi nghiệp dẫn đến các đường ác, không do thất niệm hiện hành mà năng dẫn được. Lại phân biệt khởi mới năng phát nghiệp đây, chẳng phải do nhậm vận khởi mà năng phát được.

**Hỏi:** Các phiền não có bao nhiêu tướng?

**Đáp:** Lược có 3 tướng: 1. Tự tướng; 2. Cộng tướng; 3. Tướng sai biệt.

Tự tướng: là tướng nhiếp thuộc tự tánh của mỗi loại như tham, sân...

Cộng tướng: các phiền não không có sai biệt,



tất cả đều có chung một tướng là không tịch tịnh.

Tướng sai biệt lại có 2 chủng: 1. Tướng môn sai biệt; 2. Tướng chuyển sai biệt. Tướng môn sai biệt là kiết phược tùy miên, tùy phiền não triển như trong phần *Bản địa* đã thuyết. Tướng chuyển sai biệt vì tùy miên chuyển, vì sở duyên chuyển, vì hiện hành chuyển, vì phẩm sai biệt chuyển, vì lực chuyển, vì không lực chuyển, vì nhân quả chuyển, vì mê hành chuyển.

Lại nữa, lược có 18 tướng tùy miên chuyển: 1. Tùy miên theo đuổi cảnh của chính nó; 2. Tùy miên theo đuổi tha cảnh; 3. Tùy miên bị tổn; 4. Tùy miên không bị tổn; 5. Tùy miên tăng trưởng; 6. Tùy miên không tăng trưởng; 7. Tùy miên đủ phần; 8. Tùy miên không đủ phần; 9. Tùy miên có thể hại; 10. Tùy miên không có thể hại; 11. Tùy miên tăng thượng; 12. Tùy miên bình đẳng; 13. Tùy miên hạ liệt; 14. Tùy miên gặp gỡ; 15. Tùy miên không gặp gỡ; 16. Tùy miên năng sanh nhiều khổ; 17. Tùy miên năng sanh ít khổ; 18. Tùy miên không năng sanh khổ.

Tùy miên theo đuổi cảnh của chính nó là tùy miên nhiếp thuộc tự địa trong ba cõi.

Tùy miên theo đuổi tha cảnh: là tùy miên do phiền não phẩm hạ đuổi theo lúc sanh ở địa trên và tùy miên do phiền não phẩm thượng đuổi theo lúc sanh địa dưới.

Tùy miên bị tổn: là tùy miên của thế gian ly dục ở địa dưới.

Tùy miên không bị tổn: là tùy miên của người đã ly dục hoặc chưa ly dục của tự địa.

Tùy miên tùy tăng trưởng: là tùy miên của tự địa.

Tùy miên không tùy tăng trưởng: là tùy miên của địa khác.

Tùy miên đủ phần: là sở hữu tùy miên của các dị sanh.

Tùy miên không đủ phần: là sở hữu tùy miên của các hữu học, chẳng phải dị sanh.

Tùy miên có thể hại: là sở hữu tùy miên của bổ-đặc-già-la có pháp Bát-niết-bàn.

Tùy miên không có thể hại: là sở hữu tùy miên của bổ-đặc-già-la không pháp Bát-niết-bàn.

Tùy miên tăng thượng: là sở hữu tùy miên của bổ-đặc-già-la tham hành.

Tùy miên bình đẳng: là sở hữu tùy miên của

bổ-đặc-già-la đẳng phân hành.

Tùy miên hạ liệt: là sở hữu tùy miên của bổ-đặc-già-la mỏng trần hành.

Tùy miên gặp gỡ: là tùy miên của các quả triền và triền đồng chuyển.

Tùy miên không gặp gỡ: là tùy miên lìa bỏ các triền hàng đuổi theo.

Tùy miên năng sanh nhiều khổ: là tùy miên của Dục giới.

Tùy miên năng sanh ít khổ: là tùy miên của Sắc và Vô sắc giới.

Tùy miên không năng sanh khổ: là sở hữu tùy miên của Bồ-tát được tự tại.

**Hỏi:** Như thuyết thì thể tánh thô trọng gọi là tùy miên, vậy thì phiền não phẩm thô trọng đây so với các hành kia là có khác hay không khác?

**Đáp:** Phải nói có khác. Vì có sao? Vì như bậc A-la-hán thì tất cả phiền não thô trọng thấy đều vĩnh viễn đoạn trừ, mà các hành thô trọng vẫn chưa tuyệt dứt.

**Hỏi:** Có bao nhiêu thô trọng nhiếp lấy các thô trọng?

**Đáp:** Lược có 18 chủng: 1. Tự tánh dị thực thô

trọng; 2. Tự tánh phiền não thô trọng; 3. Tự tánh nghiệp thô trọng; 4. Phiền não chướng thô trọng; 5. Nghiệp chướng thô trọng; 6. Dị thực chướng thô trọng; 7. Cái thô trọng; 8. Tầm tư bất chánh thô trọng; 9. Sáu não thô trọng; 10. Kinh sợ thô trọng; 11. Mệt nhọc thô trọng; 12. Ăn uống thô trọng; 13. Ngủ mộng thô trọng; 14. Dâm dục thô trọng; 15. Giới không quân bình thô trọng; 16. Thời phần biến đổi thô trọng; 17. Chết hoàn toàn thô trọng; 18. Biến hành thô trọng. Thô trọng như vậy như trước nên biết.

Lại nữa, sở duyên chuyển là hai hiện hành ở nơi xứ của chính nó, sẽ rộng tuyên thuyết.

Phẩm sai biệt chuyển như đã thuyết trong phần *Uẩn thiện xảo*.

Lực, không lực chuyển như đã thuyết trong phần *Bản địa*.

Nhân quả chuyển là nghiệp phiền não và sanh đều lấy phiền não làm nhân; quả tùy theo chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Một phần phiền não bất thiện của Dục giới có quả dị thực, còn lại không có quả dị thực.

Mê hành chuyển có 7 chủng, như đã phân tích

từng nghĩa riêng trong phần *Bản địa*. Ba kiến là thân kiến, chấp biên kiến và tà kiến, vì ở nơi bốn thánh đế mê hành chuyển, nên ở nơi cảnh sở tri phát khởi tà rõ hành. Một chủng vô minh là chẳng rõ hành. Nghi là thuộc rõ, chẳng rõ hành. Kiến thủ, giới cấm thủ và tham, sân... duyên kiến làm cảnh kiến sở đoạn, tất cả kia đều là chấp tà rõ hành. Tức tất cả mê khổ đế, mê tập đế đây chính là mê nhân duyên chỗ nương hành kia; tức tất cả mê diệt đế, mê đạo đế đây chính là mê hải sợ sanh hành kia; tức tất cả nhậm vận khởi tu đạo sở đoạn đây chính là nhậm vận hiện hành mê chấp hành kia.

Lại nữa, như trước đã thuyết tất cả phiền não chương trị sai khác chỉ nương tùy nghi dạy dẫn giáo hóa hiển bày tướng thô, kiến lập phiền não mê chấp tà hành, vì muốn giáo hóa hữu tình khiến dễ thông hiểu quá thất của chủng chủng các hành phiền não. Nay sẽ biện chung về tướng thô tế như thật của tất cả phiền não, nên kiến lập mê chấp các hành sai biệt.

**Hỏi:** Các phiền não như vậy có bao nhiêu hữu sự, bao nhiêu vô sự?

**Đáp:** Các kiến và mạn là vô sự, vì trong các hành thật không có ngã mà phân biệt chuyển. Tham khuể là hữu sự. Vô minh và nghi đều thông cả hai chủng.

**Hỏi:** Các phiền não đây bao nhiêu cùng tương ứng với căn lạc, cho đến bao nhiêu cùng tương ứng với căn xả?

**Đáp:** Nếu tất cả phiền não đều nhậm vận sanh khởi thì ở nơi ba thọ đều hiện hành, cho nên thông tất cả thức thân thì cùng tương ứng tất cả căn, không thông tất cả thức thân thì cùng tương ứng tất cả căn của Ý địa. Nếu tất cả phiền não không nhậm vận sanh khởi, thì tùy chỗ thích hợp tương ứng với các căn. Nay Ta sẽ thuyết.

*Tham* hoặc có lúc tương ứng với hỷ, lạc; hoặc có lúc tương ứng với ưu, khổ; hoặc có lúc tương ứng với xả.

**Hỏi:** Như những gì?

**Đáp:** Như có người lúc ở nơi thọ lạc khởi yêu thích gặp gỡ, yêu thích không chia lìa, lại hiện tiền đuổi theo, nhưng ở thọ lạc không gặp gỡ, chẳng phải gặp gỡ, hoặc chia lìa, chẳng phải hòa hợp. Hoặc có lúc ở nơi thọ khổ khởi không yêu thích

gặp gỡ, hoặc yêu thích chia lìa mà không hiện tiền đuổi theo, nhưng ở nơi thọ khổ hòa hợp gặp gỡ, chẳng phải không hòa hợp gặp gỡ; không chia lìa, chẳng phải chia lìa. Tất cả đây do tham cố lúc tương ứng với ưu, khổ chính là nhân duyên. Trái với tướng trên, tham có lúc tương ứng với hỷ, lạc. Nếu có lúc ở vị không khổ không lạc mà sanh ái trước, nên biết tham đây tương ứng với căn xả.

*Khuể* hoặc có lúc tương ứng với ưu, khổ; hoặc có lúc tương ứng với hỷ, lạc.

**Hỏi:** Như những gì?

Đáp: Như có người bị sự khổ bức bách thân tâm, bên trong đuổi theo khổ ấy, tác ý nghĩ đến, nên phát khởi tâm khuể hận. Hoặc đối với hành động không tốt đẹp của hữu tình, hoặc rời các pháp không tốt đẹp, tác ý nghĩ đến, khiến tâm phát khởi khuể hận. Đây do khuể tương ứng với ưu, khổ.

**Hỏi:** Những gì là khuể tương ứng với hỷ, lạc?

Đáp: Như có người đối với kẻ oán hay hữu tình không yêu thích mà khởi tâm khuể não, tác ý suy nghĩ: “Mong kẻ kia bị chết khổ, chết rồi cũng chẳng được tốt đẹp, không được an vui, nếu có được cũng

hoàn mất”. Nếu sự việc đúng như mong muốn liền sanh vui thích. Đây do khuể tương ưng với hỷ lạc.

*Thân kiến và chấp biên kiến* nếu ở nơi lạc đồng hành uẩn, hoặc quán ngã ngã sở, hoặc quán là thường, thì tương ưng căn hỷ; nếu ở nơi khổ đồng hành uẩn, hoặc quán ngã ngã sở, hoặc quán là thường, thì tương ưng với căn ưu; nếu nơi xả đồng hành uẩn, hoặc quán ngã ngã sở, hoặc quán là thường, thì tương ưng với căn xả. Đoạn kiến nhiếp lấy chấp biên biến nên biết tất cả trái với tướng thường trên.

*Kiến thủ, giới cấm thủ* vì chấp giữ kiến kia, tùy theo chỗ thích hợp có sự tương ưng như kia. Một chủng tà kiến trước tạo tác diệu hạnh thì tương ưng với căn ưu, trước tạo tác ác hạnh thì tương ưng với căn hỷ.

*Mạn* có lúc tương ưng với căn hỷ, có lúc tương ưng với căn ưu.

**Hỏi:** Như những gì?

**Đáp:** Lược có 2 mạn: 1. Cao cử mạn; 2. Ty hạ mạn. Lại cao cử mạn có 3 chủng. Những gì là ba? Xứng lượng cao cử, thông giải cao cử và lợi dưỡng cao cử. Cao cử mạn đây tương ưng với căn hỷ. Ty hạ



mạn trái với cao cử mạn nên tương ứng với căn ưu.

*Nghi* nếu ở nơi các sự việc lợi dưỡng, cung kính, xưng khen, vui các đường thiện... đã được quyết chắc, nhưng bị người khác dẫn dắt khiến do dự thì tương ứng với căn ưu. Nếu ở nơi các sự việc không lợi dưỡng, bất kính, chê trách, khổ các đường ác... đã được quyết chắc, nhưng bị người khác dẫn dắt khiến do dự thì tương ứng với căn hỷ.

*Vô minh* tương ứng thông cả năm căn. Văn quyết trạch các tương ứng còn lại không hiển nói thêm.

Trước đã nói rõ phiền não tương ứng các căn, nhưng chỉ kiến lập đạo lý trong phạm vi tướng thô, khiến hành giả ban đầu hiểu rõ không loạn. Nay kiến lập đạo lý trong phạm vi thô tế, khiến hành giả đã tìm hiểu lâu hiểu rõ thân mình, thân người có chủng chủng hạnh giải sai biệt chuyển.

Lại nữa, các phiền não lược có 3 tụ: 1. Hệ buộc Dục giới; 2. Hệ buộc Sắc giới; 3. Hệ buộc Vô sắc giới.

**Hỏi:** Ba tụ như vậy có bao nhiêu bất thiện, có bao nhiêu vô ký?

**Đáp:** Một phần của tụ đầu là bất thiện. Hai tụ

còn lại là vô ký. Các bất thiện có dị thực, còn lại thì chẳng phải.

**Hỏi:** Bao nhiêu tánh nhiều, bao nhiêu tánh ít?

**Đáp:** Tự đầu là tánh nhiều, tự còn lại chẳng vậy. Như tánh nhiều, tánh ít, thì tánh mãnh lợi trường thời nhiễm não, tánh không mãnh lợi trường thời nhiễm não; tánh phát khởi ngoại môn tạp nhiễm, tánh phát khởi nội môn tạp nhiễm; tánh phát khởi ác hạnh, tánh phát khởi chẳng ác hạnh; tánh năng sanh nhiều khổ, tánh năng sanh ít khổ; tánh có tội lớn, tánh có tội nhỏ; tánh ly dục chậm, tánh ly dục nhanh; tánh hiển phát ly dục, tánh hiển phát không ly dục; tánh trái tướng tam-ma-địa, tánh không trái tướng tam-ma-địa; tánh sanh chẳng phải một chủng tướng quyết định, tánh sanh một chủng tướng quyết định... nên biết cũng vậy. Trong *Ốt-Đà-Nam* nói:

*Nhiều, nhiễm não, nội môn*

*Ác hạnh, sanh các khổ*

*Có tội, ly dục chậm*

*Tam-ma-địa, sanh thầy.*

Lại nữa, sao gọi là năng đoạn phiền não? Ngang đầu nói là đã đoạn phiền não? Từ cái gì mà nói đoạn phiền não? Đoạn các phiền não là đốn hay tiệm? Thứ lớp đoạn các phiền não thế nào? Đoạn các phiền não có bao nhiêu chủng? Phiền não đoạn rồi có những tướng gì? Các phiền não đoạn có lợi ích thù thắng gì?

Đó là vì đã tích tập tư lương thiện pháp, vì đã chứng nhập phương tiện địa, vì chứng đắc kiến địa, vì tích tập tu địa, nên năng đoạn phiền não. Đắc Cứu cánh địa thì nói đã đoạn tất cả phiền não.

Lại có cách giải thích khác: Do tu tập bốn chủng Du-già nên năng đoạn phiền não. Nếu khéo tu tập bốn chủng như vậy, phải nói đã đoạn tất cả phiền não. Tướng của bốn chủng Du-già như trong phần *Thanh văn địa* đã thuyết.

Lại có cách giải thích khác: Vì tương tục thành thực, vì thuận theo giáo, vì bên trong chánh tác ý, vì đạo đối trị sanh, nên năng đoạn phiền não. Lại tu đạo đối trị đã đến rốt ráo, cho nên nói đã đoạn tất cả phiền não.

Lại có cách giải thích khác: Vì biết rõ sự phiền não, vì biết rõ tự tánh phiền não, vì biết rõ quá

hoạn của phiền não, vì phiền não đã sanh không trụ chấp trước kiên cố, vì nhiếp thọ đối trị, nên năng đoạn phiền não. Đối trị đã sanh, nên nói đã đoạn tất cả phiền não.

Lại có cách giải thích khác: Vì tu Xa-ma-tha, vì tu Tỳ-bát-xá-na, nên năng đoạn phiền não. Nếu đã được giải thoát khỏi các tướng phược, cũng được giải thoát khỏi các thô trọng phược, thì nói đã đoạn tất cả phiền não. Như Thế Tôn nói: “Chúng sanh bị trói buộc bởi tướng phược và thô trọng phược. Khéo song tu pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xa-na mới năng giải thoát cả hai phược kia”.

Lại có cách giải thích khác: Vì biết rõ sở duyên, vì hỷ lạc sở duyên, nên năng đoạn phiền não. Vì sở y đã diệt, vì đã đắc chuyển y, cho nên nói đã đoạn tất cả phiền não.

Lại nữa, vì từ tương ưng kia và sở duyên mà phiền não được đoạn trừ. Vì cơ sao? Vì đạo đối trị sanh khởi nên phiền não không khởi, đắc pháp vô sanh, cho nên gọi là tương ưng đoạn kia. Tương ưng đoạn rồi không duyên cảnh trở lại, cho nên từ sở duyên cũng gọi là đoạn.

Lại nữa, phiền não kiến sở đoạn là đốn đoạn,

chẳng phải tiệm đoạn. Vì cơ sao? Do hiện quán trí hiện quán đế, nên năng đoạn phiền não kiến đạo sở đoạn. Nhưng hiện quán đây cùng tương ưng tác ý hoại duyên đế, cho nên ba tâm đốn đoạn phiền não của tất cả phiền não kiến sở đoạn như mê khổ đế... Phiền não tu sở đoạn là tiệm đoạn, vì phải lớp lớp tu đạo mới năng đoạn trừ.

Lại nữa, hàng tại gia phải đoạn trừ sự nghiệp bất thiện và các ác kiến là việc đầu tiên. Hàng xuất gia phải vui đoạn các chướng ngại, đó là tâm tư dục, tâm tư khuể và tâm tư hại. Kế phải đoạn tâm bất định chướng ngại tam-ma-địa, đó là tâm tư quyến thuộc, tâm tư đất nước và tâm tư bất tử; lại phải đoạn chướng sở đắc tác ý, đó là vui phẩm xa lìa các thô trọng của thân. Kế phải đoạn phiền não kiến sở đoạn. Kế phải đoạn phiền não tu sở đoạn. Kế phải đoạn phiền não chướng ngại của phẩm chướng các định thuộc khổ, thuộc ưu, thuộc lạc, thuộc hỷ và thuộc các xả.

Lại nữa, có một loại bổ-đặc-già-la phải đoạn các chướng của phẩm sở tri chướng. Đây là thứ lớp đoạn phiền não.

Lại nữa, có nhiều chủng đoạn các phiền não,

nói lược có hai: 1. Đoạn các triền; 2. Đoạn tùy miên. Đoạn các triền: đoạn tham, sân cho đến đoạn si; đoạn thân kiến cho đến đoạn tà kiến; đoạn kiến khổ sở đoạn cho đến đoạn tu đạo sở đoạn; đoạn hệ buộc Dục giới cho đến đoạn hệ buộc Vô sắc giới; đoạn tán loạn, đoạn hiểu ngộ, đoạn yếu liệt, đoạn chế phục, đoạn lìa hệ buộc. Nên biết đoạn lìa hệ buộc tức là đoạn tùy miên.

Lại nữa, đã đoạn phiền não rồi thì ở nơi pháp khả ái hoặc thấp hèn, hoặc thắng diệu, hoặc hiện tại tiền, hoặc chẳng hiện tại tiền, tuy quán sát mạnh mẽ cũng chẳng sanh khởi nhiễm trước. Như đối với pháp khả ái mà không sanh yêu thích, thì đối với pháp đáng sân cũng không sanh sân, đối với pháp đáng si cũng không sanh si. Lại mắt tuy thấy các sắc, không hỷ không ái, chỉ trụ xả, chánh niệm chánh biết. Như mắt thấy sắc, cho đến ý biết pháp cũng vậy. Lại tánh ít muốn, thành tựu ít muốn chân thật bậc nhất. Như ít muốn, thì vui đủ, xa lìa, dững mãnh, tinh tấn, an trụ, chánh niệm, tịch định, thông tuệ cũng vậy. Ở nơi không hỷ luận, tánh nhậm vận vui thích. Ở nơi hỷ luận, phải sách tấn tâm mới năng duyên tịnh lự. Hết thấy

loại như vậy nên biết tướng của phiền não đã đoạn.

Lại nữa, các phiền não đã đoạn có nhiều lợi ích thù thắng, đó là tùy chúng đắc vượt qua ưu khổ, vượt qua hỷ lạc, vượt qua tướng sắc, tướng đối ngại và chủng chủng tánh tướng, vượt qua khổ đường ác, vượt qua tất cả chủng khổ sanh... Lại chúng an ổn, an ổn bậc nhất. Lại chúng thanh lương, thanh lương bậc nhất. Lại chúng đắc hiện pháp lạc trú bậc nhất, hoặc hành hoặc trụ tùy tự tại mà chuyển; đối với nghĩa tự lợi viên mãn rốt ráo; đối với các sở tác không lại mong cầu. Lại có người vì muốn lợi ích an lạc chúng sanh, ai mãn thế gian nên tu hạnh lợi tha, khiến các trời, người được lợi ích an lạc. Nên biết đoạn phiền não như vậy có rất nhiều sự lợi ích thù thắng.

Lại nữa, lược có 15 phiền não duyên cảnh: 1. Duyên đầy đủ phần, đó là thân kiến...; 2. Duyên một phần, đó là tham, sân, mạn...; 3. Duyên hữu sự, đó là các hữu sự phiền não; 4. Duyên vô sự, đó là các vô sự phiền não; 5. Nội duyên, đó là sở hữu phiền não duyên sáu xứ định, bất định địa; 6. Ngoại duyên, đó là sở hữu phiền não duyên năm dục; 7. Duyên hiện kiến, đó là sở hữu phiền não duyên

hiện tại; 8. Duyên không hiện kiến, đó là sở hữu phiền não duyên quá khứ, vị lai; 9. Duyên tự loại, đó là sở hữu phiền não duyên tự loại phiền não; 10. Duyên tha loại, đó là sở hữu phiền não duyên loại phiền não khác và duyên sự phiền não; 11. Duyên hữu, đó là sở hữu phiền não duyên hậu hữu; 12. Duyên không hữu, đó là sở hữu phiền não duyên đoạn trừ không có hữu; 13. Duyên tự cảnh, đó là phiền não Dục giới duyên với hành Dục, phiền não Sắc giới duyên với hành Sắc và phiền não Vô sắc giới duyên với hành Vô sắc; 14. Duyên cảnh khác, đó là phiền não Sắc giới duyên với hành Dục, phiền não Vô sắc giới duyên với hành Sắc. Lại, phiền não của địa trên duyên với địa dưới. Vì cố sao? Vì các hữu tình ở địa trên thường hằng lạc tịnh đủ công đức thù thắng, tự cho là thù thắng hơn so với chúng sanh ở địa dưới; 15. Duyên cảnh không, đó là sở hữu phiền não phân biệt kế chấp duyên đạo diệt và Phật pháp rộng lớn..

Lại nữa, có 20 chủng phiền não hiện hành. Do 20 chủng bổ-đặc-già-la nương 20 duyên, nên phát khởi 20 chủng phiền não hiện hành.

Hai mươi chủng bổ-đặc-già-la: 1. Tại gia; 2. Xuất



gia; 3. Trụ pháp ác thuyết; 4. Trụ pháp thiện thuyết; 5. Hành phiền não tăng thượng; 6. Đẳng phần hành; 7. Mông trần hành; 8. Ly dục thế gian; 9. Chưa ly dục; 10. Thấy dấu vết Thánh; 11. Chưa thấy dấu vết Thánh; 12. Chấp trước; 13. Không chấp trước; 14. Quán sát; 15. Thùy miên; 16. Giác ngộ; 17. Anh nhi, thiếu niên; 18. Căn thành thực; 19. Pháp Bát-niết-bàn; 20. Không pháp Bát-niết-bàn.

Hai mươi phiền não hiện hành: 1. Tùy theo sở dục triển hiện hành; 2. Không theo sở dục triển hiện hành; 3. Không biết rõ phiền não hiện hành; 4. Biết rõ phiền não hiện hành; 5. Phiền não thô hiện hành; 6. Hết thấy phiền não hiện hành; 7. Phiền não tế hiện hành; 8. Nội môn phiền não hiện hành; 9. Ngoại môn phiền não hiện hành; 10. Thất niệm phiền não hiện hành; 11. Phiền não hiện hành mãnh lợi; 12. Phiền não hiện hành do phân biệt khởi; 13. Phiền não hiện hành do nhậm vận khởi; 14. Phiền não hiện hành do tâm tư; 15. Phiền não hiện hành không tự tại; 16. Phiền não hiện hành tự tại; 17. Phiền não hiện hành không chỗ nương; 18. Phiền não hiện hành có chỗ nương; 19. Phiền não hiện hành có thể cứu

trị; 20. Phiền não hiện hành không thể cứu trị.

Hai mươi duyên phiền não hiện hành: 1. Duyên lạc; 2. Duyên khổ; 3. Duyên không khổ không lạc; 4. Duyên dục; 5. Duyên tầm tư; 6. Duyên xúc; 7. Duyên tùy miên; 8. Duyên thói quen huân tập đời trước; 9. Duyên gần gũi bạn ác; 10. Duyên nghe pháp bất chánh; 11. Duyên tác ý bất chánh; 12. Duyên bất tín; 13. Duyên giải đãi; 14. Duyên thất niệm; 15. Duyên tán loạn; 16. Duyên ác tuệ; 17. Duyên phóng dật; 18. Duyên phiền não; 19. Duyên chưa ly dục; 20. Duyên tánh dị sanh. Vì nương các duyên đây nên phiền não hiện hành.

**Hỏi:** Ở mỗi mỗi cõi kia, trong mỗi thân kia kết sanh tương tục, thì nói là tất cả phiền não đều kết sanh khắp cả cõi giới hay không khắp cả cõi giới?

**Đáp:** Nên nói là khắp cả, chẳng phải không khắp cả. Vì cơ sao? Nếu người chưa ly dục thì ở nơi mình sắp sanh mới được thọ sanh, chẳng phải ly dục mà được. Lại người chưa lìa dục thì sở hữu thô trọng của các phẩm phiền não tùy mỗi mỗi mà cột trói tự thân, cũng năng làm nhân sanh thân khác. Do nhân duyên đây nên biết tất cả phiền não đều

kết sanh tương tục. Lại khi sắp thọ sanh, nơi tự thể trên tham ái tăng thượng hiện hành. Đối với nam, đối với nữ, hoặc thương, hoặc ghét cũng xoay vần hiện hành lẫn nhau. Lại nghi hiện hành khởi nghĩ như vậy: “Đây là nam hay nữ đang cùng ta hành sự?”. Lại ở nội ngoại ngã, ngã sở kiến và ngã mạn... cũng đều hiện hành. Do nhân duyên đây nên biết tất cả phiền não đều được kết sanh tương tục.

Lại nữa, kết sanh tương tục lược có 7 chủng: 1. Triền và tùy miên kết sanh tương tục, đó là các dị sanh; 2. Chỉ có tùy miên kết sanh tương tục, đó là vị thấy dấu vết Thánh; 3. Chánh biết nhập thai kết sanh tương tục, đó là Chuyển luân vương; 4. Chánh biết nhập trụ kết sanh tương tục, đó là các Độc giác; 5. Ở tất cả vị không mất chánh niệm kết sanh tương tục, đó là chư Bồ-tát; 6. Nghiệp dẫn phát kết sanh tương tục, đó là trừ kết sanh tương tục của Bồ-tát; 7. Trí dẫn phát kết sanh tương tục, đó là chư Bồ-tát. Lại có vô nghĩa kết sanh tương tục, đó là nghiệp dẫn phát kết sanh tương tục. Lại có nghĩa kết sanh tương tục, đó là trí dẫn phát kết sanh tương tục. Như vậy tổng thuyết hoặc có 7, hoặc có 9 kết sanh tương tục.

Lại, tất cả còn lại thuận theo tiền cú (câu trước), hậu cú (câu sau) và tứ cú (bốn câu) thấy, như lý quyết trạch nên không hiển nói thêm.

Sau Ôt-Đà-Nam nói:

*Nghiệp, tướng, sự, lạc thấy  
Bất thiện thấy và đoạn  
Sở duyên với hiện hành  
Nói sanh là rốt sau.*

Như vậy đã thuyết quyết trạch phiền não tạp nhiễm, nay Ta sẽ thuyết quyết trạch **nghiệp tạp nhiễm**. Như nghĩa nghiệp tạp nhiễm đã thuyết, nên biết nghiệp đây cũng do 5 tướng kiến lập sai biệt, đó là: nghiệp đạo căn bản nhiếp lấy nghiệp thân, ngữ, ý và các nghiệp do về sau phát khởi phương tiện nhiếp lấy. Như trước đã thuyết thì nghiệp đạo bất thiện gọi là nghiệp đạo căn bản nhiếp lấy nghiệp thân, ngữ, ý bất thiện.

***Kiến lập tự tướng nghiệp đạo bất thiện:***

Như sát sanh, đó là tâm nhiễm ô khởi vui muốn giết hại... tức ở chỗ này, nghiệp kia hiện hành cho đến được rốt ráo. Nên biết gọi chung là

tự tướng tất cả nghiệp đạo sát sanh.

Tâm nhiễm ô tức là tâm có tham và bị tham che lấp; tâm có sân và bị sân che lấp; tâm có si và bị si che lấp.

1. Giả sử tâm nhiễm ô mà không khởi vui muốn, tuy ở chỗ này nghiệp kia hiện hành cho đến được rất ráo, nhưng nghiệp ác đây không nhiếp thuộc nghiệp đạo viên mãn.

2. Giả sử có tâm nhiễm ô và khởi vui muốn mà tâm điên đảo giả sử ở sự việc khác, nghiệp kia hiện hành cho đến được rất ráo. Nghiệp đây cũng không nhiếp thuộc nghiệp đạo viên mãn.

3. Giả sử có tâm nhiễm ô và khởi vui muốn, tuy ở chỗ này, nhưng nghiệp kia không hiện hành cho đến được rất ráo, thì cũng không nhiếp thuộc nghiệp đạo viên mãn.

4. Giả sử có tâm nhiễm ô và khởi vui muốn, tức ở chỗ này, nghiệp kia hiện hành cho đến rất ráo đầy đủ tất cả chi. Nghiệp đây mới gọi là nhiếp thuộc nghiệp đạo viên mãn.

Như lược thuyết tự tướng nghiệp đạo đây, tất cả tự tướng nghiệp đạo bất thiện khác nên tùy theo đó mà quyết rõ.

***Kiến lập tự tánh sai biệt của nghiệp đạo bất thiện:***

Nếu rộng kiến lập tự tánh sai biệt của mười nghiệp đạo ác, nên biết do 5 tướng. Những gì là năm? 1. Sự; 2. Tướng; 3. Vui muốn; 4. Phiền não; 5. Phương tiện rốt ráo.

1. Sự: mỗi mỗi nghiệp đạo, chỗ nương của sự việc diễn ra quyết định riêng khác, hoặc thuộc trong số hữu tình, hoặc chẳng phải trong số hữu tình. Tùy chỗ thích hợp mười nghiệp đạo ác nương đó mà chuyển.

2. Tướng: có bốn, đó là đối với kia, chẳng phải tướng kia; chẳng phải đối với kia, tướng kia; đối với kia, tướng kia; chẳng phải đối với kia, chẳng phải tướng kia.

3. Vui muốn: hoặc có tướng điên đảo, hoặc có tướng không điên đảo, vui muốn gây tạo.

4. Phiền não: hoặc tham, hoặc sân, hoặc si, hoặc tham sân, hoặc tham si, hoặc sân si, hoặc đầy đủ tất cả tham sân si.

5. Phương tiện rốt ráo: tức là ở chỗ muốn gây tạo nghiệp, tùy khởi phương tiện, hoặc ngay lúc bấy giờ, hoặc ở về sau mới được rốt ráo.

Do năm tướng đây, trong các nghiệp đạo từ sát sanh cho đến tà kiến, tùy chỗ thích hợp mà rộng kiến lập đầy đủ tự tánh sai biệt của mười chúng.

*Nghiệp đạo sát sanh*: Lấy chúng sanh thuộc trong số hữu tình làm sự. Hoặc kẻ năng giết hại chúng sanh, tức là đối với chúng sanh, tác tướng chúng sanh, khởi muốn hại mạng sống. Tướng đây đối với chúng sanh kia gọi là tướng không điên đảo. Do nương tướng đây nên khởi tâm như vậy: “Ta sẽ hại mạng người”, như vậy gọi là vui muốn sát sanh. Kẻ năng hại đây, hoặc bị tham che lấp, hoặc bị sân che lấp, hoặc bị si che lấp, hoặc bị hai che lấp, hoặc bị cả ba che lấp khiến khởi tâm tạo tác. Đây gọi là phiền não. Kia do tâm nhiễm ô và vui muốn, hoặc do tự mình, hoặc do người mà phát khởi phương tiện gia hại chúng sanh, hoặc hại không gián đoạn, kia liền mạng chung. Tức khởi phương tiện như vậy, ngay lúc ấy gọi là thành tựu nghiệp đạo rất ráo. Hoặc lúc sau, kia mới xả mạng, do phương tiện đây, khi kia mạng chung gọi là thành tựu nghiệp đạo rất ráo.

*Nghiệp đạo chẳng cho mà lấy*: Sự là vật thuộc

của người khác. Tưởng là đối với kia, tưởng kia. Vui muốn là muốn trộm. Phiền não là hoặc đủ, hoặc không đủ ba độc. Phương tiện rất ráo đó là khởi phương tiện rời khỏi chỗ ban đầu.

*Nghiệp đạo hành tà dục*: Sự là người nữ, không được phép hành. Giả sử được hành, cũng hành chẳng phải chi, chẳng phải chỗ, chẳng phải lúc, chẳng phải lượng. Hoặc tất cả nam và chẳng phải nam, không được phép hành. Tưởng là đối với kia, tưởng kia. Vui muốn là vui thích hành. Phiền não là hoặc đủ, hoặc không đủ ba độc. Phương tiện rất ráo đó là hai bên giao hợp.

*Nghiệp đạo vọng ngữ*: Sự là thấy, nghe, hiểu, biết; chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng hiểu, chẳng biết. Tưởng là ở nơi sự việc được thấy... tưởng “nói trái lại như vậy như vậy...”. Vui muốn là tưởng che giấu, vui thích được nói ra. Phiền não là hoặc đủ, hoặc không đủ ba độc tham, sân, si. Phương tiện rất ráo đó là lúc người đối diện và mọi người lãnh thọ hiểu lời nói.

*Nghiệp đạo nói lời ly gián*: Sự là các hữu tình hoặc hòa hợp, hoặc không hòa hợp. Tưởng là ở hai loại hữu tình kia, khởi một tưởng hoặc khiến không



hòa hợp, hoặc khiến chia lìa. Vui muốn là vui thích kia hoặc không hòa hợp, hoặc chia lìa. Phiền não là hoặc đủ, hoặc chẳng đủ ba độc. Phương tiện rất ráo đó là khi kia tin hiểu lời phá hoại.

*Nghiệp đạo nói lời thô ác:* Sự là năng làm tổn não hữu tình. Tưởng là đối với kia, tưởng kia. Vui muốn là vui thích nói lời thô. Phiền não là hoặc đủ, hoặc chẳng đủ ba độc. Phương tiện rất ráo đó là quát tháo chửi mắng kia.

*Nghiệp đạo ý ngữ:* Sự là năng dẫn phát nghĩa vô ích. Tưởng là đối với kia, tưởng kia. Vui muốn là vui thích nói. Phiền não là hoặc đủ, hoặc chẳng đủ ba độc. Phương tiện rất ráo đó là vừa mới phát lời nói.

*Nghiệp đạo tham dục:* Sự là thuộc tài sản người. Tưởng là đối với kia, tưởng kia. Vui muốn tức là ái dục. Phiền não là hoặc đủ, hoặc chẳng đủ ba độc. Phương tiện rất ráo đó là đối với việc kia nhất quyết phải thuộc về mình.

*Nghiệp đạo sân khuê:* Sự và tưởng như dã thuyết ở nghiệp đạo nói lời thô ác. Vui muốn là muốn tổn hại... Phiền não là hoặc đủ, hoặc chẳng đủ ba độc. Phương tiện rất ráo đó là tâm nhất định tổn hại.

*Nghiệp đạo tà kiến*: Sự là nghĩa thật có. Tướng là ở nơi có tướng chẳng phải có. Vui muốn tức là ái dục. Phiền não là hoặc đủ, hoặc chẳng đủ ba độc. Phương tiện rốt ráo đó là nhất định phải báng.

Lại nữa, sát sanh... có 3 chủng: 1. Có tội tăng trưởng; 2. Có tội không tăng trưởng; 3. Không có tội. Nhân duyên sanh tội cũng lược có ba: 1. Phiền não sanh khởi; 2. Năng sanh khởi; 3. Mong cầu đầy đủ. Chúng sát sanh ban đầu có đủ ba duyên; chúng kế có hai duyên, không có mong cầu đầy đủ; chúng sau cùng chỉ sanh khởi.

Lại nữa, do ***năm tướng kiến lập*** đầy đủ tự tướng tham dục, sân khuể, tà kiến.

*Năm tướng tham dục*: 1. Tâm đắm trước, đó là tâm đắm trước tài bảo của mình; 2. Có tâm tham lam, như vui tích chứa tài bảo vật thực; 3. Có tâm tham tiền tham ăn, đó là đối với hết thảy tiền của vật thực thuộc về người, mà kế chấp cho là tốt đẹp, sanh sâu ưa thích; 4. Có tâm mưu kế, đó là nghĩ rằng: “Làm sao những gì thuộc sở hữu của kia sẽ thuộc về ta”; 5. Có tâm che giấu, đó là vì sự che giấu của tham dục triền, nên không biết xấu hổ,

không thấy lỗi lầm tai họa và không biết là bỏ.

Nếu đối với tài bảo của mình, tâm có đắm trước, tâm khác không hiện, nên biết đây chẳng phải tướng tham dục có ý ác hành. Như vậy tâm có đắm trước, tâm tham lam, tâm khác không hiện, cũng chưa đầy đủ tướng của tham dục. Như vậy nói rộng cho đến các tướng tâm như trên đã thuyết tùy khuyết một chủng, tức là không đầy đủ tướng của tham dục. Nếu nhiếp toàn phần thì gọi là đầy đủ tướng của tham dục.

*Năm tướng sân khuê*: 1. Có tâm ác tăng trưởng, đó là tùy pháp phân biệt mà năng tổn hại; 2. Có tâm không thể kham chịu, đó là không kham nhẫn đối với sự việc bị hại, không nhiều ích; 3. Tâm oán hận, đó là tùy nhớ nghĩ không như lý đối với sự việc bị hại, không nhiều ích; 4. Có tâm mưu tính, đó là đối với hữu tình tác ý như làm sao để lạng miệt, làm sao để giết hại, cho đến nói rộng; 5. Tâm che giấu, đó là như trước đã nói. Ở nơi năm tướng tâm đây, tùy khuyết một chủng tức không đầy đủ tướng của sân khuê, nếu nhiếp toàn phần gọi là đầy đủ tướng của sân khuê.

*Năm tướng tà kiến*: 1. Có tâm ngu si, đó là

không như thật hiểu biết các sự việc; 2. Có tâm bạo ngược, đó là vui làm việc ác; 3. Tâm hành trái vượt, đó là không như lý phân biệt các pháp, không cầu học rộng; 4. Tâm hoại mất, đó là kế chấp không có bố thí, ái dưỡng, tế tự, phỉ báng tất cả diệu hành; 5. Tâm che giấu, đó là do sự che giấu của tà kiến triền, không biết hổ thẹn, không biết lỗi lầm tai họa và không biết xả lìa. Ở nơi năm tướng tâm đây, tùy khuyết một chủng tức không đầy đủ tướng của tà kiến, nếu nhiếp toàn phần gọi là đầy đủ tướng của tà kiến.

Lại dùng tay... hại chúng sanh gọi là sát sanh, cho đến dùng đá, dao, gậy... để trói buộc, bỏ đói, trị phạt, dùng chú dục... để nguyên rửa, làm hại tất cả chúng sanh đều gọi là sát sanh. Hoặc vì tài lợi mà tổn hại chúng sanh cũng gọi là sát sanh. Hoặc sợ bị tổn hại, hoặc trừ oán địch, hoặc cho là vì pháp, cho đến hoặc vì vui chơi mà tổn hại chúng sanh đều gọi là sát sanh. Hoặc tự giết hại, hoặc bảo người giết hại đều gọi là tội sát.

Lại hoặc tài vật của người chẳng cho mà tự cướp lấy gọi là chẳng cho mà lấy. Như vậy, ăn cắp của kẻ ăn cắp, đào tường khoét vách, hoặc tấn

công, hoặc phục kích để trộm cướp, hoặc mượn nợ mà không hoàn trả, hoặc hành cưỡng siểm kiêu trá để lấy, hoặc dùng phương tiện biểu hiện sợ hãi, hoặc hiện oai đức mà lấy các vật kia, hoặc tự trộm cướp, hoặc bảo người trộm cướp, tất cả như vậy đều thuộc loại chẳng cho mà lấy. Hoặc tự mình làm, hoặc vì người, hoặc vì sợ hãi, hoặc bị trói buộc giết chết, hoặc bị chế phục, hoặc vì thọ dụng, hoặc vì chờ đợi giúp đỡ, hoặc vì tật đố ganh ghét... nên chẳng cho mà lấy. Hết thấy như vậy đều gọi là tội chẳng cho mà lấy.

Lại hoặc hành hạnh không được hành gọi là hành tà dục. Hoặc hành ở nơi chẳng phải chi, chẳng phải lúc, chẳng phải chỗ, chẳng phải lượng, chẳng phải lý, tất cả thọ dụng như vậy gọi là hành tà dục. Hoặc đối với mẹ, đối với chị đang bảo hộ như kinh đã rộng thuyết, gọi là không được hành. Hoặc tất cả nam và chẳng phải nam, thuộc mình, thuộc người đều không được hành. Trừ cửa sanh đẻ, các phần còn lại đều gọi là chẳng phải chi. Hoặc lúc phần dưới bị ướ, lúc thai đã già tháng, lúc cho trẻ bú, lúc thọ trai giới, lúc có bệnh như những bệnh không hợp với hành dục, gọi là chẳng phải

lúc. Hoặc những nơi tụ hội đáng tôn trọng, hoặc trong linh miếu, hoặc trước đại chúng, hoặc nơi đất cao thấp rắn chắc không bằng phẳng, không an ổn... hết thấy nơi như vậy gọi là chẳng phải chỗ. Hoặc hành quá lượng gọi là chẳng phải lượng. Trong đây tối đa là năm, ngoài ra tất cả đều gọi là quá lượng. Hoặc không theo lễ nghi của thế tục gọi là chẳng phải lý. Hoặc tự hành dục, hoặc làm mai mối kết hợp cho người, cả hai đều nhiếp thuộc hạnh tà dục. Hoặc vì lập công, hoặc lại trộm cướp mà che giấu, hoặc nhân cuống siểm phương tiện kiêu loạn, hoặc nhân được gửi gắm mà hành tà hạnh, như vậy đều gọi là tội hành tà dục.

Lại hoặc vì nguyên nhân của mình mà nói vọng ngữ, hoặc nhân người, hoặc nhân kinh sợ, hoặc nhân tài lợi mà nói vọng ngữ. Tất cả đều gọi là vọng ngữ. Hoặc không thấy nghe hiểu biết mà nói thấy nghe hiểu biết, hoặc thấy nghe hiểu biết mà nói không thấy nghe hiểu biết. Hoặc ghi chép trình bày, hoặc dùng phương tiện biểu lộ nghĩa, hoặc dùng tướng động chi phần cơ thể biểu hiện, hoặc làm chứng mà nói, hoặc tự nói, hoặc bảo người nói, tất cả như vậy đều gọi là tội vọng ngữ.

Lại hoặc dùng sự thật để hủ chê người, dùng lời nói để gây chia lìa, gọi là lời nói ly gián. Hoặc phương tiện dùng lời không thực giả dối, bày đặt nói để tổn hoại người, hoặc nương sự gần gũi cấp thí, hoặc nương biết bạn đang cần được giúp đỡ mà bày đặt nói, gọi là ly gián. Hoặc duyên lợi mình, hoặc duyên tổn người, hoặc do người dạy, hoặc hiện phá đức, hoặc hiện sợ hãi, hoặc vì chia lìa, hoặc tự mình phát lời, hoặc khiến người phát đều là tội ly gián.

Lại hoặc đối với người phát lời cay độc gọi là lời thô ác. Hoặc không ở trước mặt, hoặc đối trước đại chúng, hoặc biên chép biểu thị, hoặc giả hiện tướng, hoặc nương mình tự nói, hoặc nương người nói, hoặc nhân trạo cử, hoặc nhân không bình tĩnh, hoặc nương chủng tộc quá thất, hoặc nương y chỉ quá thất, hoặc nương tác nghiệp cấm giới hiện hành quá thất, hoặc tự phát lời cay độc, hoặc khiến người phát lời, tất cả như vậy đều gọi là tội nói lời thô ác.

Lại hoặc nương múa hát mà phát ca từ gọi là ý ngữ; hoặc nương làm trò, hoặc nương cả hai, hoặc không nương cả hai mà phát ca từ đều gọi là ý ngữ.

Hoặc năng dẫn thư luận vô nghĩa bên ngoài Phật pháp, đem lòng yêu quý mê đắm gìn giữ khen ngợi, dùng âm thanh lớn đọc tụng, lại rộng vì người diễn giảng phân biệt, đều gọi là ỷ ngữ. Hoặc nương đầu tranh kiện tụng mà phát lời, hoặc ở trong chúng đông vui thích nói bàn việc vua, việc quan, việc giặc, nói rộng cho đến đất nước... đều gọi là ỷ ngữ. Hoặc nói lời vọng ngữ, hoặc nói lời ly gián, hoặc nói lời thô ác, thấp cho đến không suy không nghĩ phát lời vô nghĩa, đều gọi là ỷ ngữ. Lại nương 7 sự mà phát lời ỷ ngữ: 1. Đấu tranh kiện tụng mà phát lời; 2. Lời chú thuật ác của các Bà-la-môn; 3. Lời khổ bức bách; 4. Lời cười giỡn trêu ghẹo mua vui; 5. Lời phát ở nơi tạp chúng; 6. Lời cuồng điên; 7. Lời tà mạng. Tất cả như vậy đều gọi là tội ỷ ngữ.

Lại đối với gia chủ mà khởi mong muốn như vậy: “Vì sao ta không cùng với gia chủ lãnh thọ các nô bộc, tùy thích mà sai sử họ”. Đây gọi là tham dục. Lại khởi mong muốn đây: “Gia chủ kia có cha mẹ, vợ con, nô tỳ và các người làm, nói rộng cho đến bảy sự nhiếp thọ, mười sự tư thân như ăn uống... đều sẽ thuộc sở hữu của ta”. Lại khởi mong muốn đây: “Làm sao để khiến người biết được ta



thiếu dục tri túc, dũng mãnh tinh tấn xa lìa, an trụ chánh niệm, tịch tĩnh thông huệ, các lậu tận hẳn, thí giới đa văn?”. Lại khởi mong muốn đây: “Làm sao khiến người cúng dường cho ta? Từ quốc vương cho đến thương chủ, hoặc Bí-sô, Bí-sô-ni, Cận sự nam, Cận sự nữ... đều sẽ cung kính tôn trọng thừa sự cúng dường cho ta?”. Lại khởi mong muốn đây: “Làm sao khiến ta sẽ được lợi dưỡng, y phục, uống ăn, tọa ngọa cụ, thuốc trị bệnh và các vật nuôi thân?”. Lại khởi mong muốn đây: “Làm sao khiến ta sanh lên cõi trời đủ năm diệu dục tha hồ du hí?”. Lại khởi mong muốn đây: “Làm sao khiến ta hy hữu sanh trong chúng đồng phạm trong thế giới Lỗ-đạt-la, thế giới Tỳ-sát-nô, thế giới người, cho đến khiến ta sẽ sanh trong chúng đồng phạm ở cõi trời Tha hóa tự tại?”. Lại khởi mong muốn đây: “Làm sao khiến ta sẽ có được cha mẹ, vợ con, nô tỳ, nô bộc, bạn hữu quan khách thân thích, anh em đồng phạm hạnh... sở hữu tài sản?”. Tất cả như vậy đều nhiếp thuộc nghiệp đạo tham dục.

Hoặc tác nghĩ như vậy: “Kia đối với ta vui muốn làm điều vô nghĩa, thì ta đối với kia phải làm điều vô nghĩa”. Đây gọi là sân khuê. Lại tác

ngĩ đây: “Kia đối với chỗ ta đã làm, đang làm, sẽ làm vô nghĩa. Ta cũng đối với kia phải làm điều vô nghĩa”. Đây cũng gọi là sân khuể. Như vậy rộng thuyết chín sự não hại nên biết cũng vậy.

Lại tác nghĩ đây: “Làm sao ta năng khiến tổn hại oan gia, bạn ác mà ta được tự tại. Kia hoặc bị trói cột hãm hại, đánh đập, xua đuổi, hoặc bị hành hạ trừng phạt, hoặc bị tán hao tài sản, hoặc thê thiếp, bạn hữu, quyến thuộc, nhà cửa đều bị đoạt mất...”. Tâm não hại đây cũng gọi là sân khuể. Lại tác nghĩ đây: “Làm sao khiến oan gia, bạn ác năng làm tổn ta gặp phải những sự khổ não như đã thuyết ở trên”. Tâm tổn hại đây cũng gọi là sân khuể. Lại tác nghĩ đây: “Nguyện kia tự nhiên thân, ngữ, ý phát khởi làm như vậy, như vậy... do đây tan mất tiền của, bạn hữu, quyến thuộc, tiếng tăm, an vui, thọ mạng và các thiện pháp, khi thân hoại mạng chung sẽ đọa trong các đường ác”. Tất cả tâm não hại như vậy đều gọi là nghiệp đạo sân khuể căn bản.

Lại nếu tác nghĩ đây: “Nhất quyết không thĩ”. Đây gọi là tà kiến, nói rộng cho đến hủy báng nhân, hủy báng dụng, hủy báng quả, hoại việc chân

thiện. Tất cả như vậy đều gọi là nghiệp đạo tà kiến căn bản.

**Hỏi:** Tất cả diên đảo kiến đều gọi là tà kiến, cơ sao Thế Tôn ở nơi nghiệp đạo như vậy chỉ thuyết kiến phỉ báng gọi là tà kiến?

**Đáp:** Bởi vì tà kiến đây vượt trội hơn cả trong các tà kiến. Vì cơ sao? Do nương tà kiến đây làm y chỉ khiến Sa-môn, Bà-la-môn đoạn dứt thiện căn. Lại tà kiến đây rất thuận với nghiệp ác, kẻ tà kiến tùy ý mà hành các pháp ác. Cho nên khéo thuyết kiến đây thuộc trong nghiệp đạo ác kia. Nên biết các kiến còn lại không gì không tương ưng với tự tướng tà kiến.



## *Quyển 60*

### **Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐÌA**

### **Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐÌA**

### **Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐÌA**

#### **Phần 3**

Lại nữa, do 5 nhân duyên khiến sát sanh thành nặng. Những gì là năm? 1. Do ý vui; 2. Do phương tiện; 3. Do không sửa trị; 4. Do tà chấp; 5. Do sự việc.

Hoặc do ý vui tham dục mạnh mẽ mà làm, hoặc do ý vui sân khúe mạnh mẽ mà làm, hoặc do ý vui ngu si mạnh mẽ mà làm, thì gọi là sát sanh nặng. Trái với tướng trên gọi là sát sanh nhẹ.

Hoặc nghĩ rằng: “Ta nên sẽ làm, đang làm, đã làm”, tâm liền nháy nhót, tâm sanh sung sướng. Hoặc tự mình làm, hoặc khuyến khích người làm, hoặc khen ngợi tán thán khích lệ kia làm, thấy người đồng pháp ý liền thỏa mãn vui mừng. Trường thời nghĩ lường, trường thời tích chứa, tâm oán hận rồi mới gây tạo, gây tạo không gián đoạn, gây

tạo mạnh mẽ. Hoặc cùng một lúc chặt giết nhiều loại. Hoặc do nhân duyên phát nghiệp kiên cố mà hành sát hại. Hoặc khiến hãi sợ, không còn chỗ nương mới hành sát hại. Hoặc đối người khổ không nơi nương tựa, bần cùng, buồn bã, sầu thảm... mà hành sát hại. Tất cả như vậy là do phương tiện khiến sát sanh thành nặng.

Hoặc chỉ hành sát giết, chẳng thể ngày ngày cho đến rất ít phần của ngày trì một học xú. Hoặc cũng chẳng năng tám ngày trong một tháng, nửa tháng, ngày mười bốn, ngày rằm... mà thọ trì trai giới. Hoặc cũng chẳng thể ở mỗi thời gian hành huệ thí, làm phước, thiết lễ hành nghiệp chấp tay, cung kính, lễ bái... Lại cũng không có lúc phát khởi tâm quý tặng thưởng, ăn năn những việc làm ác. Lại không chứng đắc ly dục thế gian, cũng chẳng chứng đắc chân pháp hiện quán. Tất cả như vậy là do không sửa trị khiến sát sanh thành nặng.

Hoặc các Sa-môn, các Bà-la-môn theo đuổi tế tự tà ác, nhẫn đến chấp cho việc hành sát giết đây là chánh pháp, do tà chấp đây gọi là sát sanh nặng. Tâm nghĩ như vậy: “Giết dê không tội, bởi dê kia là vật nuôi mạng sống do Thế chủ hóa ra”.

Các kẻ nương tà kiến mà hành sát hại như vậy, vì đều là tà chấp nên gọi là sát sanh nặng.

Hoặc sát hại chúng sanh có thân lớn, đây do sự việc gọi là sát sanh nặng. Hoặc sát hại người, hoặc tướng người, hoặc cha, hoặc mẹ, hoặc những bậc đáng tôn trọng khác. Hoặc sát hại những người quy y, hoặc các hữu học, hoặc các Độc giác, bậc A-la-hán, chư Bồ-tát. Hoặc đối với Như Lai, tác ý sát hại, ác tâm làm chảy máu, nhưng tánh Như Lai lẽ không thể sát hại. Tất cả như vậy do sự việc nên gọi là sát sanh nặng. Trái với tướng nhân duyên đã thuyết ở trên mà sát sanh gọi là sát sanh nhẹ.

Lại nữa, nay sẽ thuyết chẳng cho mà lấy... do sự việc nên có nhẹ nặng sai khác, tùy chỗ thích hợp nên biết như sát. Hoặc trộm cướp nhiều gọi là không cho mà lấy nặng. Như vậy cho đến hoặc trộm cướp đồ tốt đẹp, trộm cướp vật gửi gắm, trộm cướp của kẻ nghèo cùng, trộm cướp của Phật, của Pháp, của chúng xuất gia. Hoặc trộm cướp của chúng hữu học, trộm cướp của A-la-hán, trộm cướp của các Độc giác, trộm cướp của Tăng. Hoặc trộm cướp sở hữu tài vật ở chỗ tháp, chỗ thờ Phật, linh miếu. Hoặc vào thôn xóm mà hành trộm cướp. Tất cả

như vậy do sự việc gọi là chẳng cho mà lấy nặng.

Lại nữa, hành hạnh không được phép đối với mẹ, chị, thê thiếp của người gởi gắm, hoặc người trụ cấm giới, hoặc Bí-sô-ni, hoặc Cần sách nữ, hoặc Chánh học, tất cả như vậy là do sự việc gọi là hành tà dục nặng. Trong đây, hành chẳng phải chi đó là ở mặt, do việc đây nên gọi là hành tà dục nặng. Hành chẳng phải lúc là lúc thọ trai giới, hoặc lúc thai đã già, hoặc lúc có trọng bệnh, do việc đây nên gọi là hành tà dục nặng. Hành chẳng phải chỗ là hoặc chỗ thờ Phật, hoặc chùa chiền, do việc đây gọi là hành tà dục nặng.

Lại nữa, hoặc vì lừa dối để lấy nhiều tài bảo của người, hoặc lành tốt, hoặc đẹp diệu mà nói vọng ngữ, do việc đây gọi là vọng ngữ nặng. Đối với những chỗ ủy tín hoặc cha hoặc mẹ, nói rộng cho đến chỗ Phật mà nói vọng ngữ, do việc đây gọi là vọng ngữ nặng. Hoặc vọng ngữ khiến người sát sanh, tổn hao mất mát tài vật cùng với thê thiếp, các việc đây nếu được làm xong trọn vẹn thì kết thành hoặc sát sanh cực nặng, hoặc chẳng cho mà lấy nặng, hoặc hành tà dục nặng. Do sự việc trầm trọng đây mà gọi là vọng ngữ nặng. Trong các sự vọng ngữ, vọng ngữ

năng phá hoại Tăng là nặng nhất.

Lại nữa, hoặc đối với người trường thời tích tập thân ái mà lại phá hoại, do việc trầm trọng đây gọi là lời ly gián nặng. Hoặc phá hoại người khiến lìa bạn lành, cha mẹ, nam nữ; hoặc dùng lời ly gián để phá hòa hợp Tăng; hoặc dùng lời ly gián nặng dẫn đến việc sát sanh, chẳng cho mà lấy, hành tà dục, nên biết như đạo lý đã thuyết ở trước. Tất cả như vậy là do sự việc trầm trọng gọi là lời ly gián nặng.

Lại nữa, hoặc đối với cha mẹ, sư trưởng mà phát lời thô ác, do sự việc trầm trọng đây gọi là lời thô ác nặng. Hoặc đem điều chẳng thật, chẳng chân, vọng ngữ mà hiện tiền hủy mắng quở trách người, do sự việc trầm trọng đây gọi là lời thô ác nặng.

Lại nữa, phạm các lời nói thù dật đều di theo lời nói vọng, nên hết thấy tội nặng nhẹ của ý ngữ đây đều như vọng ngữ mà biết. Hoặc nương các việc đấu tranh, kiện tụng, cãi vã... mà khởi ý ngữ cũng gọi là nặng. Hoặc dùng tâm nhiễm ô, ở nơi các điển tích năng dẫn vô nghĩa của ngoại đạo mà lại đọc tụng khen tặng, rộng vì người nói, do việc



đây gọi là ý ngữ nặng. Hoặc đối với cha mẹ, quyến thuộc, sư trưởng mà lộng ngôn trêu ghẹo cười cợt, hiện nói lời không hợp đạo lý, do sự việc đây gọi là ý ngữ nặng.

Lại nữa, hoặc sở hữu tài bảo thuộc chùa chiền, nơi thờ Phật, tháp Phật... mà sanh lòng tham muốn, do sự việc đây gọi là tham dục nặng. Hoặc ở nơi đức của mình mà khởi tăng thượng mạn tự cho là bậc trí giả, cho đến đối với quốc vương, đại thần, quý tộc, các bậc sư trưởng và các đồng phạm hạnh thông tuệ... lại khởi muốn tăng thượng, tham cầu lợi dưỡng, gọi là tham dục nặng.

Lại nữa, đối với cha mẹ, quyến thuộc, sư trưởng mà khởi tâm tổn hại, do việc đây nên gọi là sân khuể nặng. Lại đối với kẻ nghèo khổ bản cùng, cô độc đáng thương mà khởi tâm tổn hại, do sự việc đây gọi là sân khuể nặng. Lại đối với người thành tâm đến quay đầu và người có ân mà lại khởi tâm tổn hại, do sự việc đây gọi là sân khuể nặng.

Lại nữa, hoặc có kẻ ở trong tất cả tà kiến mà lại năng phỉ báng tất cả tà kiến khác. Kẻ đây vì phỉ báng tất cả môn chuyển, cho nên gọi là tà kiến nặng. Hoặc có sở kiến cho rằng: “Thế gian không

có chân thật A-la-hán chánh chí chánh hạnh”, cho đến nói rộng, tà kiến đây do sự việc nên gọi là tà kiến nặng.

Như vậy, tùy chỗ thích hợp trái với các tướng của tất cả sự việc đã nói ở trên đều gọi là nhẹ.

Lại nữa, sát sanh khiến dẫn phát các nghiệp bất thiện, hoặc có gây tạo mà không tăng trưởng, hoặc có tăng trưởng mà không gây tạo, hoặc cũng có gây tạo cũng tăng trưởng, hoặc không gây tạo cũng không tăng trưởng.

Câu thứ nhất: Không có nhận thức phân biệt, đó là việc làm của trẻ con, hoặc việc làm của người trong mộng, hoặc không suy nghĩ mà làm, hoặc mình không muốn mà bị người bức bách khiến làm. Hoặc nếu có tạm thời làm, tức thời khởi tâm hối hận mạnh mẽ và tâm nhằm chán họa hoạn, tâm chân thành tự trách xa lìa, chân chánh thọ luật nghi khiến kia mỏng nhẹ, không đợi quả báo liền phát khởi đạo ly dục thế gian khiến chúng tử kia bị tổn hại, kế lại khởi đạo xuất thế vĩnh viễn đoạn trừ chúng tử kia.

Câu thứ hai: Như có người vì tổn hại sanh mạng, nên trong đêm dài luôn suy nghĩ việc kia.

Do nhân duyên đây, kia theo đuổi tăng tướng sát sanh dẫn đến pháp ác bất thiện, nhưng chưa năng gây tạo nghiệp sát sanh.

Câu thứ ba: Ngoại trừ những tướng thuộc phần có gây tạo mà không tăng trưởng và tăng trưởng mà không gây tạo đã nói, tất cả tướng nghiệp sát sanh còn lại.

Câu thứ tư: Trừ các tướng đã thuyết trên, các tướng còn lại.

Như vậy, chẳng cho mà lấy... cho đến ý ngữ còn lại, tùy chỗ thích hợp nên biết như sát sanh. Ở trong tham dục, sân khúe, tà kiến thì không có câu thứ hai. Ở câu đầu thì không có “chẳng nghĩ mà gây tạo” và “bị người bức bách khiến làm”. Còn lại như trước đã thuyết.

Lại nữa, nếu gần gũi, luôn tích tập, nhiều gây tạo việc sát sanh, sẽ sanh trong địa ngục. Đây gọi là quả dị thực của sát sanh. Nếu từ kia chết đi đến sanh đồng phạm trong chúng nhân gian, thì thọ lượng ngắn ngủi. Đây gọi là quả đẳng lưu của sát sanh. Ở khí thế gian bên ngoài, thức ăn uống, trái cây đều ít thanh ngọt. Thế lực dị thực và uy đức thấy đều mỏng kém, tan biến thất thường, tật bệnh

sanh trưởng. Do nhân duyên đây vô lượng hữu tình chưa hết thọ mạng, không đúng thời mà chết yếu. Đây gọi là quả tăng thượng của sát sanh. Ngoài ra các nghiệp đạo còn lại có hai quả đẳng lưu và dị thực sai biệt như trong kinh đã thuyết. Nay Ta sẽ thuyết quả tăng thượng.

Hoặc khí thế gian có các quả ít ngon ngọt, quả không tăng trưởng, quả nhiều thối hoại, quả không chân thật, không nhẫn bóng, quả nhiều khô héo, hoặc hoàn toàn không có quả. Tất cả như vậy gọi là quả chẳng cho mà lấy tăng thượng.

Hoặc khí thế gian nơi có nhiều thứ dơ bẩn phần ược bất tịnh, nơi sanh nhiều vật bất tịnh hôi thối bức bách, phàm có các sở hữu đều không đáng vui thích. Tất cả như vậy là quả hành tà dục tăng thượng.

Hoặc khí thế gian nơi có các sự nghiệp thế tục như làm nông, đi thuyền... không thể phát triển lợi tức, thiếu ít tiện nghi, gặp nhiều nhân duyên khiến kinh hãi, nhiều việc không thuận hòa. Tất cả như vậy là quả vọng ngữ tăng thượng.

Hoặc khí thế gian nơi có đất địa gò nổng, lở bồi, hiểm trở khó đi, có nhiều nhân duyên gây

kinh hãi khiếp sợ. Tất cả như vậy là quả lời ly gián tăng thượng.

Hoặc khí thế gian nơi đất địa có nhiều gốc cây, bụi cây có gai độc châm chích, cát đá khô cằn, không có độ ẩm, không có ao hồ, sông suối cạn kiệt, ruộng đất nước mặn nứt nẻ, gò nông hiểm trở, có nhiều nhân duyên gây kinh sợ. Tất cả như vậy là quả lời thô ác tăng thượng.

Hoặc khí thế gian nơi có cây trồng không cho quả đúng mùa, quả chín phi thời, vườn rừng ao hồ có nhiều điều chẳng tốt lành, có nhiều nhân duyên gây kinh sợ. Tất cả như vậy là quả ỷ ngữ tăng thượng.

Hoặc khí thế gian nơi tất cả sự việc hưng thịnh tốt đẹp đều bị suy tổn. Năm, tháng, nửa tháng, ngày, đêm... dần dần suy giảm. Chỗ có các khí, các vị chỉ giảm dần không tăng thêm. Tất cả như vậy gọi là quả tham dục tăng thượng.

Hoặc khí thế gian nơi có nhiều các phiền não tai họa quấy nhiễu, bệnh tật, oán địch đe dọa, tạp loại cầm thú như sư tử, chó sói, rắn rít, bò cạp, muỗi mòng, loài nhiều chân, võng lợng, dơi-xoa, giặc cướp... Tất cả như vậy gọi là quả sân khúế tăng thượng.

Hoặc khí thế gian nơi có hoa quả thơm ngon bậc nhất thấy đều ẩn mất, đối với các vật bất tịnh cho là thanh tịnh, đối với các việc khổ não cho là an vui, chẳng phải là nơi có thể yên sống, chẳng phải là nơi cứu hộ, chẳng phải là chỗ nương về. Tất cả như vậy là quả tà kiến tăng thượng.

Lại nữa, như Thế Tôn nói: “Sát sanh có ba chủng, đó là sự sanh khởi của tham, sân, si, cho đến tà kiến cũng lại như vậy”. Nghĩa sai biệt của các chủng đây nên biết thế nào? Hoặc sát hại chúng sanh có máu thịt... hoặc khởi tâm nghĩ sát hại kia rồi sẽ cướp lấy tài vật, hoặc có người thuê, hoặc vì báo ân, hoặc bị bạn thù nhiếp, hoặc cầu làm bạn, hoặc vì y phục, thức ăn, mạng sống nên tuân lời chủ dạy mà hành sát hại; hoặc cho là kẻ kia năng làm suy tổn, hoặc cho là kẻ kia năng làm chướng tài lợi mà hành sát hại. Như tài lợi, thì suy tổn, hủy chê, xưng khen, giễu cợt, khổ vui tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Tất cả như vậy do tham khiến phát sanh nghiệp đạo sát sanh.

Lại nữa, hoặc cho là kẻ kia đối với mình vui làm vô nghĩa mà hành sát hại, hoặc suy nghĩ kẻ kia đối với mình từng làm vô nghĩa, hoặc sợ kia đối

với mình sẽ làm điều vô nghĩa, hoặc thấy kia đối với mình đang làm điều vô nghĩa mà hành sát hại... nói rộng cho đến chín sự nào đều như vậy mà biết. Tất cả gọi là do sân khuể khiến phát sanh nghiệp đạo sát sanh.

Lại nữa, hoặc kế chấp cho là vì pháp mà hành sát hại, như nghĩ: “Ta là bạn lành của các chúng sanh khác, kẻ kia nhân ta giết, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh thiên”. Sát hại như vậy từ si phát sanh. Hoặc tâm tác nghĩ như vậy: “Vì tôn trưởng, vì pháp nên phải sát hại”. Hoặc tâm tác nghĩ: “Các kẻ phỉ báng Phạm thiên, Thế chủ, mắng chửi pháp Bà-la-môn phải bị sát hại”. Tâm sát hại như vậy từ si phát sanh. Hoặc kế chấp cho việc gây tạo và tăng trưởng sát sanh không có quả dị thực. Hoặc lại vì người nói bày khuyến khích hành nghiệp sát sanh, kẻ kia được khích lệ nên theo đó làm các việc sát. Khi kia khích lệ người thành được tội sát, tức từ si phát sanh. Hoặc có kẻ hư vọng kế chấp cho là đem cha mẹ thân thuộc ném vào trong lửa, bỏ trên núi, nơi đồng hoang là pháp chân chánh. Tất cả như vậy gọi là do si khiến phát sanh nghiệp đạo sát sanh.

Từ đạo lý do si phát sanh nghiệp đạo sát sanh, các nghiệp khác về sau cho đến tà kiến nên biết cũng vậy.

Lại ở nơi tiền của, vật thực của người mà trộm lấy gọi là chẳng cho mà lấy. Đây do tham dục mà phát sanh. Hoặc được người thuê hành trộm cướp, hoặc vì mang ân nên bị hệ thuộc, hoặc cầu xin ân huệ về sau, hoặc vì y phục, thức ăn mà vâng lệnh chủ, hoặc vì tiếng khen, hoặc vì vui thích mà hành trộm cướp. Tất cả nghiệp chẳng cho mà lấy như vậy đều từ tham khiến phát sanh.

Hoặc tác hoặc nghĩ: “Kẻ kia đối với những việc ta vui mà làm vô nghĩa”, rộng thuyết cho đến chín sự nảo lực tăng thượng mà hành trộm cướp. Không hẳn vì tham đắm tài bảo của kia mà hành chẳng cho mà lấy, không hẳn mong cầu các tài vật khác mà hành chẳng cho mà lấy. Đây từ sân khuể mà phát sanh. Hoặc vì ghét người nên đốt tụ lạc, nhà cửa, tài vật, của báu... nên biết do sân khuể mà sanh tội tương ứng với trộm cắp. Hoặc vì bị bức chế, hoặc ghét kia nên sai người cướp đoạt phá hoại khiến kia tan mất tài bảo. Nếu khi người tuân lệnh làm như vậy, người ra lệnh mang tội chẳng



cho mà lấy. Đây gọi là từ sân khuể khiến phát sanh tội chẳng cho mà lấy.

Hoặc tâm tác nghĩ nầy: “Vì bậc tôn trưởng nên hành trộm cướp là chánh pháp”, đây gọi là si khiến phát sanh tội chẳng cho mà lấy. Hoặc tác tâm như vậy: “Nếu có người phỉ báng Phạm thiên, Thế chủ, chủi mắng pháp Bà-la-môn, phải nên đoạt lấy tài vật của kia”, đây do si khiến phát sanh tội chẳng cho mà lấy. Hoặc tác tâm: “Vì tế tự, vì chi tế tự, vật dùng để tế tự nên trộm cướp”, đây cũng do si khiến phát sanh tội chẳng cho mà lấy.

Lại nữa, hoặc thấy nghe việc hành tà hạnh, liền không như lý phân biệt, chấp giữ tướng ấy, cuốn theo sự trói buộc của tham dục triền mà hành phi pháp, gọi là tham phát sanh tội hành tà dục. Hoặc có người thuê liền âm thầm chấp nhận làm mai mối, do phương tiện đây hành tà dục. Kia do tham dục khiến phát sanh tội hành tà dục. Hoặc vì muốn nhiếp thọ bạn hữu tri thức, hoặc vì y phục, vật thực mà phụng mệnh chủ, hoặc vì tồn tại nên truy cầu tiền của, lúa thóc, vàng bạc, trân bảo mà hành tà hạnh. Tất cả như vậy gọi là do tham khiến phát sanh tội hành tà dục.

Hoặc khởi nghĩ đây: “Kia đối với ta vui làm điều vô nghĩa”, nói rộng cho đến lấy chín sự não hại lấy làm chỗ nương mà hành tà hạnh. Kẻ kia trước không bị sự trói buộc của tham dục triền, nhưng do đấu tranh lẫn nhau, vì báo oán, nên khích lệ người hành tà hạnh. Đây gọi là do sân khiến phát sanh tội hành tà dục. Hoặc vì ghét kia mà đem thê thiếp của kia khiến người hủy nhục. Khi kẻ thọ lệnh hành hạnh tà dục, người ra lệnh đạt đến sân khuể khiến sanh tội đồng như tội hành tà dục, là điều nặng nhất. Tất cả tội hành tà dục như vậy gọi là do sân khiến phát sanh.

Hoặc tâm tác nghĩ này: “Ra lệnh mẹ, cha, con cái làm việc tà hạnh. Nếu người không hành, đây có tội lớn. Nếu người hành tức có được phước lớn”. Phi pháp mà cho là pháp mà hành tà hạnh. Đây gọi là do si khiến phát sanh tội hành tà dục.

Lại nữa, hoặc vì lợi dưỡng mà nói vọng ngữ, hoặc vì sợ người tổn hại tài vật của mình, hoặc vì xưng khen, hoặc vì an ổn mà nói vọng ngữ. Tất cả như vậy gọi là từ tham khiến sanh nghiệp đạo vọng ngữ.

Hoặc nương chín sự não hại mà nói vọng ngữ,

gọi là từ sân khiến phát sanh nghiệp đạo vọng ngữ. Hoặc tác nghĩ đây: “Hoặc vì các tôn trưởng, hoặc vì đầy đủ vật cho pháp cúng tế mà phải nói vọng ngữ”. Vọng ngữ như vậy từ si phát sanh. Hoặc tác nghĩ đây: “Có các Sa-môn hoặc Bà-la-môn chống trái chư thiên, chống trái Phạm thế chủ, chống trái Bà-la-môn, ta đối với kia vọng ngữ là xứng thuận theo chánh pháp”. Vọng ngữ như vậy gọi là do si khiến phát sanh nghiệp đạo vọng ngữ. Hoặc tác kế chấp “ở nơi các pháp chỉ là tướng pháp, ở nơi Tỳ-nại-da chỉ là tướng Tỳ-nại-da”, dùng tướng che đậy mà vọng ngữ nói là phá Tăng không phải phi pháp. Vọng ngữ như vậy cũng từ si phát sanh.

Như nghiệp đạo vọng ngữ, thì hai nghiệp đạo nói lời ly gián và nói lời thô ác tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Lại nữa, hoặc vì vui đùa mà hành ý ngữ. Hoặc vì muốn hiển mình thông huệ mà hành ý ngữ. Hoặc vì tài lợi, xưng khen, an ổn mà hành ý ngữ. Đây gọi là do tham khiến phát sanh đạo ý ngữ. Hoặc nương vào chín sự nảo hại mà nói ý ngữ, gọi là do sân khiến phát sanh nghiệp đạo ý ngữ. Hoặc ở trong ấy vì cầu chân thật, vì cầu bền chắc, vì cầu

xuất ly, vì cầu pháp mà hành ỷ ngữ, gọi là do si khiến phát sanh nghiệp đạo ỷ ngữ.

Lại nữa, hoặc đối với hữu tình kia không oán ghét, nhưng có được đầy đủ tiền của và vật dụng nuôi thân tăng thượng, nên khởi tâm như vậy: “Tất cả sở hữu của kia, mong sao sẽ thuộc về ta”. Đây từ tham ái mà sanh tham ái, gọi là do tham khiến phát sanh nghiệp đạo tham dục. Hoặc đối với tài bảo của người không chấp cho là tốt đẹp, chỉ nương chín việc nã hại lực tăng thượng, khởi tâm như vậy: “Tất cả sở hữu của kia đều sẽ thuộc về ta”. Đây từ sân khuể mà sanh tham ái, gọi là do sân khiến phát sanh nghiệp đạo tham dục. Hoặc tác kế chấp đây: “Nếu ai muốn cầu sanh vào cõi trời Lỗ-đạt-la, trời Tỳ-sắc-nô, Thích, Phạm thế chủ, các thế giới kỳ diệu, nhiều trụ tâm vào các cõi đó, sẽ thu nhiều phước lớn”. Tác ý như vậy trụ tâm bền vững nơi ấy, đây gọi là do si khiến phát sanh nghiệp đạo tham dục.

Lại hoặc vì tài lợi, xưng khen, an thân mà khởi tâm tổn hại hữu tình khác, không phải mình đối với kia phát sanh tưởng oán ghét, chỉ do hữu tình kia đem lòng oán ghét đối với mình. Đây từ

tham ái mà sanh sân khuể, gọi là do tham khiến phát sanh nghiệp đạo sân khuể. Hoặc nương chín sự nảo lực tăng thượng, từ tưởng oán đối mà khởi tâm tổn hại, gọi là do sân khiến phát sanh nghiệp đạo sân khuể. Hoặc trụ pháp đây và pháp ngoại đạo, đối với kiến của Sa-môn, Bà-la-môn, tăng thêm ganh ghét, đối với kiến của người và kiến của Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi tâm tổn hại. Đây gọi là do si khiến phát sanh nghiệp đạo sân khuể.

Lại hoặc tác nghĩ như vậy: “Những kẻ đây phát khởi bác bỏ không thí... cho đến nói rộng. Kẻ kia ở nơi vua... thu được cúng dường lớn và y phục...”. Vì suy nghĩ nghĩa đây lực tăng thượng mà khởi kiến như thế, đây gọi là do tham khiến phát sanh nghiệp đạo tà kiến. Hoặc tác nghĩ đây: “Có thí, có thọ... cho đến nói rộng, kẻ kế chấp như vậy thì làm tổn hại cho ta, nay ta không được đồng kiến với kẻ oán kia”. Kia do giận ghét mà khởi kiến “không thí, không thọ...” cho đến nói rộng. Đây gọi là do sân khiến phát sanh nghiệp đạo tà kiến. Hoặc ở nơi pháp không như lý tư duy quán sát thọ lượng, do phương tiện đây dẫn dắt tâm tứ khiến phát khởi tà kiến. Đây gọi là do si khiến phát sanh

nghiệp đạo tà kiến.

Lại nữa, nghiệp đạo sát sanh dụng ba chủng là tham, sân, si làm phương tiện, do sân khiến đến rốt ráo. Như nghiệp đạo sát sanh thì nghiệp đạo thô ngữ, sân khuể cũng vậy. Nghiệp đạo chẳng cho mà lấy dụng ba chủng làm phương tiện, do tham khiến đến rốt ráo. Như chẳng cho mà lấy, thì nghiệp đạo tà hành, tham dục cũng vậy. Trừ tà kiến, thì nghiệp đạo còn lại dụng cả ba chủng làm phương tiện, do cả ba chủng khiến đến rốt ráo. Nghiệp đạo tà kiến dụng ba chủng làm phương tiện, do si khiến đến rốt ráo.

Lại nữa, sáu nghiệp đạo sát sanh, tà hành, vọng ngữ, ly gián, thô ngữ, sân khuể, thì hữu tình làm chỗ khởi. Nghiệp đạo chẳng cho mà lấy và nghiệp đạo tham dục, thì tài bảo vật dụng làm chỗ khởi. Nghiệp đạo ỷ ngữ thì thân làm chỗ khởi. Nghiệp đạo tà kiến thì các hành làm chỗ khởi.

Lại nữa, do ba nhân duyên khiến nghiệp đạo bất thiện thành tánh ác bất thiện cực đầy đủ. Những gì là ba? 1. Do lỗi tự tánh; 2. Do lỗi nhân duyên; 3. Do lỗi ô nhiễm chồng chất.

Trong đây sát sanh dẫn dắt suy nghĩ, cho đến

tà kiến dẫn dắt suy nghĩ tương ứng kia. Như vậy tất cả vì tánh nhiễm ô, vì tánh bất thiện, nên gọi là do lỗi tự tánh mà thành ác. Nếu lấy tham dục, sân khú, ngu si triền mãn lợi làm chỗ phát khởi, tức đây cũng gọi là do lỗi nhân duyên mà kia thành tánh ác rất nặng, thành bất thiện bậc thượng, năng dẫn quả không đáng yêu thích tăng thượng. Nếu đến rốt ráo, tức đây cũng gọi là do lỗi ô nhiễm chồng chất thành ác cực nặng, thành bất thiện bậc thượng, năng dẫn quả không đáng yêu thích tăng thượng. Vì có sao? Nếu dụng tâm nhiễm ô thì chỉ năng dẫn phát khổ không đáng yêu thích và không hân duyệt, nhưng vì tâm của kẻ kia bị cuốn theo thế lực khổ, năng dẫn phát khổ do suy nghĩ, theo đó đạt đến tội rộng lớn, cho nên gọi là lỗi ô nhiễm chồng chất. Tuy kẻ kia chưa phát tướng tâm như vậy: “Những kẻ năng dẫn phát khổ ngã ấy sẽ đạt đến tội lớn”, nhưng pháp nhĩ của kia đã đạt đến đại tội. Việc kia thế nào? Ví như đá nam châm tự nó tuy không tác ý mong cầu các vật khác hút vào mình, nhưng do pháp nhĩ của kia, khi vật gần nam châm, không cần lực tác động mà tự hút vào. Đạo lý đây nên biết cũng vậy. Thí dụ như ngọc

châu ban ngày nên biết cũng vậy. Lại ở nơi các vật trên, một mình nó không có pháp kia, chỉ vì uy lực của nó phát sanh khiến các pháp kia đến nương gá lẫn nhau mà gọi là ô nhiễm chồng chất. Nên biết sự chuyển biến đây là do uy lực của kia khiến phát khởi. Như uy thế nghiệp lực của bốn đại chủng dẫn phát sanh khởi chủng chủng tánh cứng chắc, tánh ẩm ướt, tánh ấm nóng, tánh chuyển động, chẳng phải riêng đại chủng bên ngoài có chủng chủng các tánh như vậy. Tức là do duyên thế lực nghiệp của đại chủng như vậy mà chuyển biến. Như duyên uy thế nghiệp lực chuyển biến như vậy, thì duyên lực gia hạnh thần túc chuyển biến phải biết cũng vậy. Lại như Ma vương mê hoặc tâm của Bà-lê-được-ca, các Bà-la-môn, trưởng giả... khiến họ thay lòng bạo ác đối với Thế Tôn, chẳng phải nơi tâm họ có pháp ghét riêng gọi là mê hoặc, chỉ do thế lực của Ma vương vào các tâm kia khiến họ chuyển tâm cực bạo ác như thế. Nên biết đạo lý đây cũng vậy.

Lại nữa, như trước đã thuyết về nghiệp gây tạo và tăng trưởng, hoặc trước đã thuyết do năm nhân duyên khiến thành nghiệp cực nặng, gọi là



nghiệp quyết định lãnh thọ. Trái với tướng đây gọi là nghiệp lãnh thọ bất định.

Lại có 4 nghiệp: 1. Quyết định dị thực; 2. Quyết định thời phần; 3. Đầy đủ cả hai quyết định; 4. Không đầy đủ cả hai quyết định. Tuy nghiệp bất thiện của chư A-la-hán hoặc do đời trước gây tạo, hoặc do ở vị dị sanh gây tạo quyết định lãnh thọ, nhưng trải qua sự bức não của khổ rất nhẹ, gọi là quả báo đã chín muồi. Nếu đã chuyển y, vì chủng tử quả báo đều đã vĩnh viễn hại diệt, nên tất cả đều không lãnh thọ. Vì cớ sao? Bởi chư Phật Thế Tôn nương vị trí chưa đắc giải thoát tương tục mà kiến lập nghiệp quyết định lãnh thọ.

**Hỏi:** Nếu cùng một lúc cũng dẫn dắt kia đến, cũng đoạt lấy chúng sanh tức là đoạn mạng nó, đây nói là một nghiệp hay hai nghiệp?

**Đáp:** Phải nói là hai nghiệp, vì chuyển quá nhanh. Ở nơi hai nghiệp đây do tăng thượng mạn mà cho là một. Nếu cho là: “Ta phải dẫn nó đến” là suy nghĩ thứ nhất. Vào lúc đoạt lấy lại cho là “Ta phải đoạt mạng nó” là suy nghĩ thứ hai. Nếu khi dẫn nó đến mà lại không đoạt mạng kia ư? Nếu khi đoạt mạng kia mà lúc ấy không dẫn kia đến ư?

Vì chuyển quá nhanh nên sanh tăng thượng mạn cho là cùng một lúc. Cho nên trong đây phân làm hai nghiệp.

Lại nữa, lược do 3 nhân duyên nên thành nghiệp lãnh thọ hiện pháp. Những gì là ba? 1. Vì ruộng rộng lớn; 2. Vì tư duy rộng lớn; 3. Vì thanh tịnh tương tục.

Do 5 chủng tướng thành ruộng rộng lớn: 1. Từ nơi tất cả hữu tình, phát khởi an trụ tăng thượng ý lạc làm lợi ích an lạc bậc nhất, đó là Từ đẳng chí; 2. Từ nơi tất cả hữu tình, phát khởi an trụ tâm giúp đỡ bậc nhất, đó là Vô tránh đẳng trì; 3. Từ vui tịch tĩnh Niết-bàn bậc nhất như bậc Thánh, phát khởi an trụ, đó là Diệt tận đẳng chí; 4. Đã đắc luật nghi “không làm điều bất thiện”, đó là quả Dự lưu; 5. Cực rốt ráo thanh tịnh tương tục, đó là A-la-hán và Phật, Đại Bí-sô Tăng làm thượng thủ. Như vậy gọi là tánh ruộng rộng lớn.

Nếu đối với đây, lấy tín thanh tịnh ân trọng thâm sâu, tâm thanh tịnh xả tài bảo, đây gọi là tánh tư duy rộng lớn.

Nếu ở trong sanh đời trước, đối với vật thực, y phục... mà người có được, do thân ngũ ý không gây

chương ngại, cũng không suy lường, không phát khởi tâm nhiệm ô, phát khởi “không gây chương ngại” tương tục, nên biết như vậy gọi là thanh tịnh tương tục.

Nếu ở nơi ba chủng nhân duyên đây mà đây đủ tất cả, nên biết nghiệp kia nhất định lãnh thọ hiện pháp, cũng lãnh thọ lúc còn sống, cũng lãnh thọ ở đời sau. Nếu trái ba chủng nhân duyên đây mà khởi nghiệp bất thiện, nên biết cũng thành nghiệp quyết định lãnh thọ ở hiện pháp. Hoặc có một sát-na nghiệp sanh cũng lãnh thọ ở hiện pháp. Hoặc có một sát-na nghiệp sanh cũng lãnh thọ ở hiện pháp, cũng lãnh thọ lúc còn sống. Hoặc có một sát-na nghiệp sanh lãnh thọ cả ba đời. Ví như một sợi tơ rất mảnh chỉ có thể buộc một cái hoa, không thể buộc thêm. Lại có sợi tơ có thể buộc hai cái hoa, không thể buộc thêm. Lại có sợi tơ có thể buộc nhiều cái hoa, đã buộc nhiều hoa lượng dây mới hết. Lại như dòng nước thứ nhất, lượng nước chảy rất ít, chỉ chảy qua một đoạn ngắn sức nước chảy liền kiệt. Lại như dòng nước thứ hai, lượng nước chảy nhiều hơn một chút, chảy gấp hai lần đoạn trước sức nước chảy mới kiệt. Lại như dòng

nước thứ ba, lượng nước chảy rộng lớn, chảy qua một đoạn rất dài sức nước chảy mới kiệt. Trong đây đạo lý các nghiệp sai khác nên biết cũng vậy.

Lại nữa, mười chủng nghiệp đạo bất thiện chỉ ở hệ buộc Dục giới, cũng chỉ năng chiêu cảm dị thực Dục giới, nhiều ở đường ác, ít ở đường thiện.

Lại lúc ở quả Dự lưu thì nghiệp đường ác đều đã đoạn tận. Hoặc các dị sanh ly dục thế gian, sanh ở các cõi trên, thì tất cả nghiệp đường ác đều tiềm ẩn mà chưa vĩnh viễn đoạn trừ. Hoặc quả Bất hoàn, thân vẫn còn trụ ở đây hay sanh ở các cõi trên và các A-la-hán thì nghiệp bất thiện thấy đều rất ráo đoạn trừ. Hoặc chư Bồ-tát đã chứng nhập *Ý lạc thanh tịnh tăng thượng địa* thì tất cả nghiệp bất thiện đều rất ráo đoạn trừ. Đây chỉ do lực ngăn chặn gìn giữ của không quên mất chánh niệm, chẳng phải do đắc lìa hệ buộc phiền não.

Lại tư duy đây là nghiệp, chẳng phải nghiệp đạo. Sát sanh cho đến y ngữ cũng là nghiệp, cũng là nghiệp đạo. Tham khuể, tà kiến là nghiệp, chẳng phải nghiệp đạo. Các nghiệp đạo đây, văn quyết trích còn lại không hiển nói thêm.

Sau Ốt-Đà-Nam nói:

*Tự tánh, tướng, rộng, lược  
 Phương tiện và nặng nhẹ  
 Tăng giảm và Du-già  
 Dẫn quả sanh, quyết trạch.*

Như vậy đã thuyết quyết trạch về Nghiệp đạo tạp nhiễm. Nay ta sẽ thuyết quyết trạch về **Sanh tạp nhiễm**.

Như nghĩa sanh tạp nhiễm đã thuyết ở trước, nên biết sanh đây lược có 11 chủng: 1. Sanh một hướng lạc, đó là một phần chư thiên; 2. Sanh một hướng khổ, đó là các chúng sanh ở địa ngục; 3. Sanh khổ lạc xen lẫn, đó là một phần chư thiên, người, quỷ, bàng sanh; 4. Sanh không khổ không lạc, đó là một phần chư thiên; 5. Sanh một hướng không thanh tịnh, đó là dị sanh ở Dục giới; 6. Sanh một hướng thanh tịnh, đó là Bồ-tát đã chứng đắc tự tại; 7. Sanh thanh tịnh, không thanh tịnh, đó là dị sanh ở Sắc giới, Vô sắc giới; 8. Sanh không thanh tịnh, xứ thanh tịnh, đó là sanh tại Dục giới, pháp Bát-niết-bàn, xứ yên ổn; 9. Sanh thanh tịnh, xứ không thanh tịnh, đó là dị sanh sanh ở Sắc giới, Vô sắc giới; 10. Sanh không thanh tịnh, xứ không

thanh tịnh, đó là dị sanh sanh ở Dục giới, không pháp Bát-niết-bàn; hoặc giả sử có pháp Bát-niết-bàn, thì sanh chốn không yên ổn; 11. Sanh thanh tịnh, xứ thanh tịnh, đó là các bậc hữu học sanh ở Sắc giới, Vô sắc giới, chẳng phải dị sanh.

Lại nữa, trong kinh nói: “Các người đem dài tăng trưởng yết-trá-tư, hằng thường lãnh thọ giọt huyết”. Những gì gọi là yết-trá-tư? Đó là tham ái. Nói tham ái ấy là tên gọi sai khác của yết-trá-tư. Lời đây hiển thị việc nhiếp thọ tập đế. Hằng thường lãnh thọ giọt huyết hiển thị việc nhiếp thọ khổ đế.

Lại nữa, trong *Kinh Bà-la-môn Dự*, Thế Tôn nương tận cùng của tạp nhiễm mà thuyết như vậy: “Có năm dạng người không phải cuồng mà tạo tác như cuồng. Những gì là năm?”

1. Kẻ chi li: Như có kẻ phương tiện kiếm sống rất sung túc, mà chỉ dùng chút ít phần nhỏ nhặt để tự nuôi sống thân. Đây là dạng người không phải cuồng mà tạo tác như cuồng thứ nhất.

2. Kẻ xan tham: Như có kẻ do nhân duyên tham lam, keo kiệt che lấp, đối với của cải vật thực thu được không dám ăn, không vui thích bố thí, trừ

lúc mạng chung đột ngột phải xả bỏ tài sản. Đây là dạng người không phải cuồng mà tạo tác như cuồng thứ hai.

3. Kẻ thích sanh thiên: Có chủng chủng phương tiện diệu hành của thân ngũ ý năng là nhân chân chánh sanh vào các cõi trời, nhưng có kẻ kể chấp hư vọng điên đảo cho việc nhảy vào nước lửa, gieo mình từ núi cao xuống, tự hại thân mạng... là nhân sanh các cõi trời. Đây là dạng người không phải cuồng mà tạo tác như cuồng thứ ba.

4. Kẻ thích giải thoát: Có phương tiện giải thoát chân chánh là tám Thánh đạo chi, mà có kẻ kể chấp hư vọng cho việc tự não hại mình, tự bức bách mình, hành chủng chủng khổ hạnh... là nhân khiến giải thoát. Đây là dạng người không phải cuồng mà tạo tác như cuồng thứ tư.

5. Kẻ cảm thương người đã chết: Có kẻ do nhân duyên người chết mà sanh ưu não khóc than, đầu tóc rối bời, thân vật vã trên đất, tự hủy mình, nhịn đói... vì mong muốn người chết phải sống trở lại. Đây là dạng người không phải cuồng mà tạo tác như cuồng thứ năm.

Lại thuyết kệ tụng:

Thế gian không nhất định  
Điên đảo cho là ngã  
Cha mẹ cùng vợ con  
Anh em bạn bè thầy  
Từ mẹ chuyển làm vợ  
Vợ lại làm vợ bé  
Vợ bé chuyển nô tỳ  
Hoặc làm kẻ oan gia  
Từ cha chuyển làm con  
Con lại làm oán địch  
Oán địch làm đứa ở  
Hoặc làm con tôi tớ  
Từ vua chuyển làm thân  
Thân lại làm nghèo thiếu  
Hoặc xóm làng hạ tiện  
Lúc lại ở kinh đô  
Từ làm Bà-la-môn  
Triển chuyển làm ba tánh  
Hoặc lại Chiên-trà-la  
Hoặc lại nhà bán thịt  
Ở vô lượng trăm ngàn  
Kho kia nhiều na-do  
Làm cha lại làm con



Đến oan gia thầy thân  
Như trong chúng huyễn sĩ  
Hiện chủng chủng loại hình  
Lưu chuyển sanh xứ khác  
Hiện nhiều thân cũng vậy  
Nhân duyên nghiệp phiền não  
Khiến chủng chủng các hành  
Lớp lớp luôn chứa nhóm  
Sanh khởi như huyễn hóa  
Tuy gặp là các huyễn  
Nhưng vô trí chướng ngăn  
Thường ở trong các hành  
Từng đắm say không chán  
Đã tự mê huyễn rồi  
Khóc thương than bụi đất  
Nơi chẳng nên ưu bi  
Phát sanh các bi não  
Lìa tan gọi thân thuộc  
Chủng chủng tự ưu bi  
Vứt bỏ hành chánh pháp  
Đưa tay mà gào khóc  
Si kiêu mạn quá nhiều  
Luôn hành các phóng dật

*Chủng loại như vậy thảy  
Nên biết rộng thuyết khắp.*

Lại nữa, trong kiếp đấu tranh có 4 quá thất: 1. Thọ mạng suy giảm; 2. An vui suy giảm; 3. Công đức suy giảm; 4. Tất cả việc kiết tường ở thế gian đều suy giảm.

Lại nữa, trong kiếp đấu tranh, các loại hữu tình tóm lược ở nơi tám chỗ xoay vần bất kể: 1. Bất kể chánh pháp; 2. Bất kể danh dự tiếng tăm; 3. Bất kể dòng tộc; 4. Bất kể những sự việc đáng thương xót; 5. Bất kể bạn lành; 6. Bất kể người có đức; 7. Bất kể người có ân; 8. Bất kể thân hữu.

**Hỏi:** Như trước thuyết trong sanh tạp nhiễm, thì vô minh duyên hành, cho đến sanh duyên lão tử. Sao nói là nên biết nghĩa của 12 chi sai biệt, đó là vô minh...?

**Đáp:** Lược do 5 tướng: 1. Do tướng; 2. Do tự tánh; 3. Do nghiệp; 4. Do pháp; 5. Do nhân quả.

**Hỏi:** Những gì là tướng vô minh?

**Đáp:** Tướng tham, sân, mạn là tướng vô minh. Tướng kế chấp ngã, ngã sở, tướng không tâm, không quý, tướng nhiều phóng dật, tướng tánh kém độn,

tướng nhiều ngu ngủ, tướng tâm ưu sầu, tướng hết thấy chủng chủng ác nghiệp hiện hành. Đây đều gọi là tướng vô minh.

**Hỏi:** Những gì là tự tánh vô minh?

**Đáp:** Tướng chung của tự tánh đây như trước đã thuyết, nay sẽ hiển thị tướng tự tánh sai biệt: hoặc có vô minh tùy miên, hoặc có vô minh hội ngộ, hoặc có vô minh đồng hành phiền não, hoặc có vô minh bất cộng, độc hành, hoặc có vô minh tánh tâm che đậy, hoặc có vô minh phát nghiệp, hoặc vô minh không nhiễm ô, hoặc vô minh lia hồ thẹn, hoặc có vô minh bền chắc là sở hữu vô minh của kẻ không pháp Bát-niết-bàn.

**Hỏi:** Những gì là nghiệp vô minh?

**Đáp:** Ở nơi nghĩa không hiện thấy mê sanh mê hoặc là nghiệp vô minh. Như vậy ở nơi nghĩa hiện thấy, nghĩa thấp kém, nghĩa trung bình, nghĩa thắng diệu, nghĩa lợi ích, nghĩa không lợi ích, nghĩa chân thật, nghĩa tà, nghĩa nhân, nghĩa quả mà sanh mê hoặc là nghiệp vô minh.

Lại nữa, có 10 chủng hữu tình ngu si thâm nhiếp toàn bộ ngu si của các loại hữu tình: 1. Ngu si khiếm khuyết; 2. Ngu si cuồng loạn; 3. Ngu si

tán loạn; 4. Ngu si tự tánh; 5. Ngu si chấp trước; 6. Ngu si mê loạn; 7. Ngu si kiên cố; 8. Ngu si tăng thượng; 9. Ngu si không phân biệt rõ; 10. Ngu si hiện thấy.

Ngu si khiếm khuyết: Như có người hoặc mắt không đầy đủ, hoặc tai không đầy đủ. Ở nơi mắt nhận biết sắc, ở nơi tai nghe âm thanh... ở nơi tất cả cảnh giới như vậy, mắt tai đều không thể lãnh nhận rõ ràng, nên gọi là ngu si.

Ngu si cuồng loạn: Như có người hoặc gặp việc bức bách, hoặc gặp khổ lớn, hoặc lâm phải trọng bệnh, hoặc bị đau đớn bức thiết, hoặc có bệnh điên động kinh khiến tâm cuồng loạn. Do đây không rõ việc thiện, việc ác, cho nên gọi là ngu si.

Ngu si tán loạn: Như có người tâm tán loạn nơi cảnh khác lạ, không thể hiểu được việc thiện, việc ác, cho nên gọi là ngu si.

Ngu si tự tánh: Như có người từ vô thủy sanh tử đến nay, không hiểu biết tự tánh khổ tập diệt đạo, không hiểu biết chúng sanh vô ngã, pháp vô ngã... cho nên gọi là ngu si.

Ngu si chấp trước: Như có người rơi trong ngoại đạo, ở nơi thân kiến mà cho là gốc, ở trong các

kiến thú khác không thể rõ biết, cho nên gọi là ngu si.

Ngu si mê loạn: Như có người hoặc lầm loạn danh tướng, hoặc lầm loạn hình tượng, hoặc lầm loạn sắc tướng, hoặc lầm loạn nghiệp dụng. Ở nơi các pháp xứ lầm loạn mà không rõ biết, cho nên gọi là ngu si.

Ngu si kiên cố: Như có người cho là rốt ráo không có pháp Bát-niết-bàn, tự tánh sở hữu ngu si bền chắc, cho đến chư Phật cũng chẳng thể cứu, cho nên gọi là ngu si.

Ngu si tăng thượng: Như có người tập quen làm các tà hạnh không gián đoạn. Nhân các tà hạnh đây phát sanh nên chịu sự bức bách của các thứ khổ. Tuy thấy biết mà cố theo đuổi, hướng đến vui đắm hý luận. Lại có kẻ tham hành... cũng gọi là ngu si tăng thượng.

Ngu si không phân biệt rõ: Như có người vì không nghe, không nghĩ, không tu tập, ở nơi pháp nghĩa chẳng thể hiểu rõ, cho nên gọi là ngu si.

Ngu si hiện thấy: Như có người hiện thấy các hành thấy đều vô thường mà khởi tưởng thường; hiện thấy đều khổ mà khởi tưởng vui; hiện thấy

bất tịnh mà khởi tướng tịnh; hiện thấy vô ngã mà khởi tướng ngã; hiện thấy pháp già, pháp bệnh, pháp chết mà khởi tướng an ổn, tướng không bức não.

Lại nữa, vô minh đây năng làm chướng ngại 5 xứ: 1. Năng chướng ngại trí vui chân thật; 2. Năng chướng ngại trong việc đoạn diệt phiền não; 3. Năng chướng ngại thành tựu viên mãn Thánh đạo; 4. Năng chướng ngại hướng đến cõi thiện; 5. Hiện pháp năng chướng ngại các việc kiết tường của thế gian.

**Hỏi:** Những gì gọi là pháp vô minh?

**Đáp:** Hoặc do vô minh nên đọa trong đường vô minh, gọi là vô minh ngu si. Hoặc không phải si gây nhiều, không phải si cấu, không phải si làm mê hoặc, đó là trụ vô minh tùy miên. Hoặc có ngu si là si gây nhiều, không phải si cấu, không phải si làm mê hoặc, đó là do vô minh nhiếp thuộc triền. Hoặc có ngu si là si gây nhiều, là si cấu, không phải si làm mê hoặc, đó là do vô minh phát khởi nghiệp; đã phát nghiệp ác rồi, sanh hồ thẹn ở nơi ác hạnh đây. Hoặc có ngu si là si gây nhiều, là si cấu, là si làm mê hoặc, đó là nhân vô minh khiến

phát khởi chủng chủng nghiệp ác bất thiện, không biết hổ thẹn ở nơi ác hạnh đây. Trong đây ba chủng trước gọi là ngu si, đọa trong cõi vô minh, nhưng không gọi là kẻ si. Do một chủng sau gọi là kẻ si. Hoặc có pháp vô minh tối tăm, đó là ở Dục giới. Hoặc có pháp vô minh hôn muội, đó là ở Sắc giới. Hoặc có pháp vô minh bị che khuất, đó là ở Vô sắc giới.

**Hỏi:** Những gì gọi là nhân quả vô minh?

**Đáp:** Nhân như phần *Bản địa* đã thuyết. Quả tức là tất cả chi hữu phía sau. Lại ở nơi chân như và nghĩa các đế không thể hiểu rõ, hoặc do dự, hoặc sanh quyết định tà, cũng có nghĩa là ở nơi lý Thánh đế hoặc tăng hoặc giảm, vì điên đảo chấp trước vô thường, hoặc vì tăng thượng mạn, hoặc vì tự khinh miệt. Văn quyết trạch các chi còn lại không hiển nói thêm.

Lại nữa, như Thế Tôn nói: “Nhân là nhân, sắc là duyên, nên nhân thức sanh, cho đến thân là nhân, xúc là duyên nên thân thức được sanh”. Lại thuyết: “Xúc làm duyên thọ”. Lại thuyết: “Năng sanh tác ý là nhân sanh khiến thức sanh”

Trong đây không phải nhân... là nhân sanh

nhân thức..., cũng không phải xúc là nhân sanh thọ, cũng không phải năng sanh tác ý là nhân sanh khởi thức sở sanh, chỉ do tự chủng tử của mỗi một pháp là nhân sanh của chính nó. Cớ sao trong đây thuyết nhân... là nhân của nhãn thức...? Nên biết đây nương nhiếp thuộc câu hữu y mà theo đó thuyết nhân dẫn phát, không phải nhân sanh khởi. Vì cớ sao? Do câu hữu nhãn căn... làm chỗ nương, nên cảnh kia kia của các nhãn thức... chuyển, chẳng phải không có chỗ nương. Như vậy do câu hữu xúc làm chỗ nương, nên có các thọ chuyển, chẳng phải không chỗ nương. Do câu hữu năng sanh tác ý làm chỗ nương mà thức sở sanh chuyển, chẳng phải không chỗ nương. Cho nên Thế Tôn ở nơi các xứ đây, nương nhiếp thuộc câu hữu y mà theo đó thuyết nhân dẫn phát, chẳng phải nhân sanh khởi hoặc nhân trợ bạn mà thuyết. Vì cớ sao? Chẳng phải nhãn đã diệt năng làm chỗ nương cho nhãn thức đã sanh. Nhĩ... cũng vậy. Chẳng phải xúc đã diệt năng làm chỗ nương cho thọ đã sanh. Chẳng phải năng tác ý đã diệt năng làm chỗ nương cho thức sở sanh đã sanh.

Lại nữa, lược có 4 thứ lớp duyên khởi: 1. Dẫn



dắt thứ lớp; 2. Sanh khởi thứ lớp; 3. Thọ dụng cảnh giới thứ lớp; 4. Thọ dụng khổ thứ lớp. Vô minh duyên hành, hành duyên thức là dẫn dắt thứ lớp. Thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ là sanh khởi thứ lớp. Lục xứ duyên xúc, xúc duyên thọ là sanh khởi đã thọ dụng cảnh giới thứ lớp. Thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử là thọ dụng khổ thứ lớp. Ở xứ đây, văn quyết trích phần còn lại không hiển nói thêm.

